CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG
ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 13 tháng 4 năm 2018

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018

Để hướng dẫn cho cổ đông tham gia Đại hội và thực hiện quyền biểu quyết, Hội đồng quản trị đề nghị thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Cổ đông và/hoặc người đại diện khi tham dự Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đại hội quy định;

2. Không hút thuốc lá trong Hội trường, không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội.

II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI

1. Quyền của Cổ đông tham dự:

- Các cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu cổ phần của Công ty có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày **05/04/2018** đều có quyền dự họp.
- Các cổ đông hoặc đại diện ủy quyền tham dự của cổ đông đến dự Đại hội muộn hơn thời gian quy định có quyền đăng ký ngay tại Đại hội và sau đó có quyền tham gia biểu quyết, nhưng hiệu lực các quyền biểu quyết trước đó không bị ảnh hưởng.

2. Nghĩa vụ của Cổ đông tham dự:

- Tuân thủ các quy định tại Quy chế làm việc này và chấp hành sự điều hành của Chủ tọa Đại hội, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội;
- Tự túc kinh phí đi lại, ăn ở trong thời gian Đại hội;

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thảo luận và lấy biểu quyết công khai bằng cách giơ ***Thẻ biểu quyết***.
- Thẻ biểu quyết được Công ty phát hành, đóng dấu treo và được phát cho Cổ đông /Đại diện cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Trên thẻ biểu quyết ghi rõ Họ và tên, Mã số cổ đông, Số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó.

2. Phương thức biểu quyết:

- Cổ đông và/hoặc Đại diện cổ đông biểu quyết *(đồng ý, không đồng ý, có kiến khác)* đối với một vấn đề bằng cách trực tiếp giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội;
- Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, các cổ đông biểu quyết đồng ý thông qua sẽ

giơ Thẻ biểu quyết lên cao. Thành viên Ban kiểm phiếu sẽ đánh dấu Mã số cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông đồng ý. Tương tự, theo sự điều hành của Chủ tọa, các cổ đông *không đồng ý* hoặc *có kiến khác* sẽ lần lượt giơ Thẻ biểu quyết;

- Ngay sau khi hoàn thành phần Biểu quyết thông qua các nội dung được trình bày tại Đại hội, Ban Kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

3. Thể lệ biểu quyết:

3.1. 01 *(một)* cổ phần phổ thông tương ứng với 01 *(một)* quyền biểu quyết. Tại ngày chốt danh sách cổ đông *(ngày 05/04/2018)*, tổng số cổ phần của công ty là 43.006.366 cổ phần phổ thông.

3.2. Các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi **có từ 65% trở lên** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông có mặt tại ĐHĐCĐ chấp thuận:

- Báo cáo của HĐQT về kết quả SXKD năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018.
- Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;
- Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán
- Thông qua thực hiện chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2017 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2018;
- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018;
- Thông qua quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
- Thông qua việc Ủy quyền cho Tổng công ty khoáng sản - TKV đứng ra mua than cốc và bán lại nguyên giá cho Công ty;
- Thông qua việc thực hiện Cơ chế quản lý tiêu thụ sản phẩm với Tổng công ty Khoáng sản - TKV;
- Thông qua chủ trương xã hội hóa đầu tư khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa;
- Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ (tăng thêm 115 tỷ đồng);
- Thông qua Tờ trình bầu bổ sung thành viên HĐQT, Danh sách ứng viên bầu bổ sung thành viên HĐQT và Quy chế bầu cử;
- Và các vấn đề khác theo Điều lệ Công ty quy định.

3.3. Các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi **có từ 75% trở lên** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông có mặt tại ĐHĐCĐ chấp thuận:

- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty;

3.4. Việc bầu cử bổ sung thành viên HĐQT được thực hiện theo nguyên tắc bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật DN 2014.

IV. BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

4.1. Nguyên tắc bầu cử Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát

Việc bầu cử các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát sẽ được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo hình thức công khai, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Phiếu bầu do Ban kiểm phiếu phát. Trên mỗi phiếu có ghi tên ứng viên được đề cử vào Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và được đóng dấu cơ quan treo trên góc phiếu bầu.

Khi được phát phiếu bầu, cổ đông/đại diện cổ đông phải kiểm tra lại tổng số cổ phần sở hữu mà họ đại diện (Tổng số phiếu biểu quyết mà họ đại diện) ghi trên các phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Phiếu bầu cử được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên Phiếu bầu.

4.2. Tổ chức kiểm phiếu

Việc kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành tại địa điểm họp Đại hội ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Trước khi mở thùng phiếu, Ban kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu không được sử dụng.

Ban kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu bầu.

Những phiếu sau đây được coi là không hợp lệ:

- Phiếu không do Ban kiểm phiếu phát.
- Ban tổ chức không chịu trách nhiệm những trường hợp cổ đông làm mất phiếu bầu hoặc viết sai trên phiếu bầu.
- Phiếu tẩy xóa hoặc ghi tên người ngoài ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.

4.3. Nguyên tắc lựa chọn ứng cử viên trúng cử vào Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát

Việc lựa chọn ứng cử viên trúng cử vào Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát được căn cứ vào tổng số phiếu biểu quyết mà ứng cử viên nhận được.

4.4. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp, số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỷ lệ quyền biểu quyết cho ứng viên vào HĐQT, BKS.

Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

V. THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI

1. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong Chương trình ĐHĐCĐ;
2. Cổ đông có ý kiến phát biểu phải đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho Ban Thư ký Đại hội;
3. Ban thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự

đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa Đại hội, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA

1. Điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ, quy chế làm việc được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề trong nằm trong nội dung chương trình họp của Đại hội và các vấn đề có liên quan nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội vào Biên bản họp Đại hội;
2. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

VIII. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU

1. Xác định chính xác kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội và thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết;
2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu biểu quyết trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018;
3. Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

IX. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được Ban thư ký đọc và cổ đông thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ quy chế làm việc của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng kính trình cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ thường niên 2018;
- TV HĐQT, BGĐ, BKS;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

(Đã ký)

Trịnh Văn Tuệ

CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2018	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 567/BC-HĐQT	*Cao Bằng, ngày 13 tháng 4 năm 2018*

BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2017 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2018

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng xin báo cáo với Quý cổ đông về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018 của HĐQT như sau:

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2017

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2017

1. Tình hình hoạt động của HĐQT Công ty

Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, HĐQT luôn nhận thức rõ trách nhiệm của mình, các thành viên trong HĐQT luôn có tinh thần trách nhiệm trước công việc được phân công, tham gia đầy đủ các kỳ họp, đóng góp nhiều ý kiến vào các Nghị quyết của HĐQT và hoạt động của Công ty, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ được giao.

HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty để đề ra các chủ trương, Nghị quyết và Quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành Công ty hoàn thành nhiệm vụ của mình. Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức các phiên họp, xin ý kiến bằng văn bản và có 15 Nghị quyết được ban hành, thông qua một số nội dung như sau:

- Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu 06 "Kiểm toán" thuộc dự án Khai thác mỏ sắt Nà Rụa

- Thống nhất việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017;

- Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2016;

- Ủy quyền cho Giám đốc Công ty ký kết các hợp đồng tín dụng; Hợp đồng bảo lãnh; Hợp đồng thế chấp tài sản, Hợp đồng cầm cố tài sản của Công ty, các văn bản sửa đổi, bổ sung của các hợp đồng và các văn kiện có liên quan với Ngân hàng để thực hiện các thủ tục vay vốn theo quy định.

- Thông qua quy chế quản trị chi phí.

- Nhất trí thông qua việc thay đổi nhân sự Ban Giám đốc Công ty:

+ Chấp thuận thôi giữ chức danh phó giám đốc đối với ông Lưu Quốc Tuấn;

+ Tiếp nhận và bổ nhiệm ông Trần Văn Chưởng - kỹ sư khai thác mỏ giữ chức danh phó giám đốc Công ty.

- Thông qua kế hoạch SXKD năm 2017

- Nghị quyết giám sát tài chính đặc biệt cho năm tài chính năm 2017

- Thông qua việc vay vốn ngắn hạn tại BIDV Cao Bằng với hạn mức 228,3 tỷ đồng (bao gồm cả bảo lãnh là 2,3 tỷ đồng)

- Thông qua Phương án khai thác hợp lý khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa Cao Bằng

- Thống nhất chủ trương đầu tư xây dựng cống thoát nước để mở rộng phạm vi đổ thải xỉ bông tại mặt bằng Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng;

- Phê duyệt dự toán hạng mục Khảo sát địa hình công trình cống thoát nước với giá trị 127,402 triệu đồng.

- Thông qua chủ trương đầu tư mở rộng Nhà xưởng sửa chữa - Phân xưởng Cơ điện với tổng mức đầu tư 2,2 tỷ đồng

- Thông qua chủ trương hợp tác đầu tư Khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa Cao Bằng

- Đồng ý cho Công ty lựa chọn đơn vị tư vấn để thực hiện các công việc:

+Lập/thẩm định phương án hợp tác đầu tư khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa;

+ Hỗ trợ các thủ tục pháp lý thực hiện phương án hợp tác đầu tư

- Thông qua chủ trương đầu tư xây dựng Cống xả tại sườn Đập xử lý môi trường nước thải Xưởng tuyển

- Phê duyệt các hạng mục: Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất và Kiểm định an toàn Đập xử lý nước thải Xưởng tuyển; Tư vấn thiết kế Cống xả tại sườn Đập xử lý môi trường

- Chấp thuận thanh lý 02 hợp đồng: Tư vấn lập quy hoạch và Lập dự án khu tái định cư mỏ sắt Nà Rụa.

- Thông qua dự toán, đơn giá và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu "Bóc đất, đá và khai thác quặng sắt năm 2018"

- Thông qua việc mua quặng sắt bổ sung phục vụ sản xuất năm 2018 (số lượng 122.400 tấn)

2. Đánh giá hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của đơn vị, Hội đồng quản trị Công ty đã hoàn thành chức trách nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật trong việc chỉ đạo, giám sát đối với Ban điều hành và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện. Trong điều kiện gặp nhiều khó khăn nhưng các chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu

của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã được thực hiện nghiêm túc.

Tuy nhiên, HĐQT cũng nhận thấy còn có những tồn tại, hạn chế trong năm qua. Đó là công tác chỉ đạo một số nhiệm vụ triển khai khu Bắc Dự án mỏ sắt Nà Rụa không đạt tiến độ kế hoạch. Việc hoàn thiện các quy định, quy chế quản lý nội bộ trong Công ty còn chậm theo yêu cầu.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá chung

Nhiệm vụ năm 2017 của Công ty là tiếp tục khai thác khu Nam và triển khai đền bù giải phóng mặt bằng khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa để tập trung khai thác quặng sắt đảm bảo cung cấp đủ quặng sắt cho sản xuất của Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng, đồng thời ổn định dây chuyền luyện gang thép đảm bảo an toàn, đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh. Giá phôi thép 9 tháng đầu năm không ổn định, nhưng đến cuối năm thì đã có xu hướng tăng, giá than cốc cũng vậy và đang có xu hướng tăng mạnh. Xác định rõ nhiệm vụ năm 2017 nên ngay từ đầu năm Ban điều hành Công ty đã xây dựng kế hoạch cụ thể, tập trung đôn đốc, chỉ đạo quyết liệt và triển khai thực hiện các giải pháp sản xuất. Cùng với sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Công ty Khoáng sản - TKV, của HĐQT, sự ủng hộ của các cổ đông và sự đoàn kết nỗ lực của Ban điều hành, tập thể CBCNV Công ty. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng trong năm 2017 Công ty đã đạt được một số kết quả đáng kể.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Công ty đã gặp những khó khăn như sau:

- Hàm lượng quặng sắt biến động mạnh (giảm nhiều so với thiết kế) dẫn đến chỉ tiêu sản lượng, thực thu và chất lượng tinh quặng cũng biến động theo, chất lượng quặng có hàm lượng SiO2 cao ảnh hưởng trực tiếp đến các chỉ tiêu tiêu hao trong sản xuất Khu liên hợp.

- Công tác đền bù GPMB gặp nhiều khó khăn, chưa huy động được nguồn vốn để thực hiện xây dựng khu tái định cư của mỏ sắt Nà Rụa.

- Thời tiết mưa nhiều ảnh hưởng đến việc thi công các hạng mục đầu tư xây dựng cũng như công tác khai thác quặng sắt phục vụ cho sản xuất của KLH.

- Dây chuyền sản xuất gang thép hoạt động chưa thật sự ổn định, vật tư, thiết bị dự phòng còn hạn chế nên khi có sự cố xảy ra chưa có thay thế ngay nên có những thời điểm còn phải chờ thiết bị thay thế dẫn đến thời gian dừng lò kéo dài.

- Các chủng loại vật tư thay thế không phổ biến trên thị trường Cao Bằng (do nhiều loại vật tư, thiết bị dự phòng phục vụ cho công tác sửa chữa phải nhập từ Trung Quốc) nên ảnh hưởng đến tiến độ sửa chữa thiết bị.

- Trình độ vận hành của người lao động tại một số vị trí chưa đồng đều, chưa thật sự có ý thức trách nhiệm trong công việc. công tác quản lý và điều hành của một số cán bộ quản lý chưa thật sự sâu sát, quyết liệt.

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2017:

I- Kết quả thực hiện đầu tư xây dựng:

Năm 2017 Công ty tiếp tục hoàn thiện hồ sơ thủ tục liên quan đến quyết toán hoàn thành công trình dự án KLH Gang thép Cao Bằng và dự án khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa đạt công suất 350.000 tấn/năm. Đồng thời thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng, mở rộng khai trường và bãi thải khu Nam và chuẩn bị các hồ sơ thủ tục cho đầu tư xây dựng khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa.

- Dự án Khu liên hợp Gang thép:

Công ty đang hoàn thiện cơ bản các quyết toán dự án hoàn thành (trong quí I/2018 sẽ hoàn thành).

- Dự án khai thác mỏ sắt Nà Rụa (giai đoạn 1):

Công ty đã hoàn thiện việc việc sắp xếp hồ sơ, hoàn thiện các thủ tục đầu tư để phục vụ công tác kiểm toán, quyết toán dự án hoàn thành (trong tháng quý I/2018 sẽ hoàn thành).

- Công tác đền bù giải phóng mặt bằng:

Trong năm Công ty đã giải ngân được 1,56 tỷ đồng (trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng). Ngoài ra Công ty đã chuẩn bị xong hồ sơ thủ tục theo quy định về công tác giải phóng mặt bằng bãi thải số 01 (diện tích 4,6ha); bãi thải số 03 (diện tích 9,5ha); hồ sơ Dự án khu tái định cư dự án khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa; kế hoạch Giải phóng mặt bằng khu Bắc.

II. Kết quả sản xuất kinh doanh:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2017 (ĐHĐCĐ)	Thực hiện 2017	Tỷ lệ (%)
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=2/1**
I	**Các sản phẩm chủ yếu**				
1	**Thành phẩm sản xuất**				
-	Bóc đất, đá	M3	1.050.000	875.000	83,33
-	Quặng nguyên khai	Tấn	350.000	325.350	92,96
-	Phôi thép	Tấn	190.000	190.168	100,09
2	**Tiêu thụ**				
-	Phôi thép	Tấn	202.000	213.703	105,79
II	**Các chỉ tiêu giá trị**				
1	**Doanh thu**	**Tr.đ**	**2.076.146**	**2.183.609**	105,18
2	**Lợi nhuận**	**Tr.đ**	**41.897**	**2.300**	5,49
3	**Lao động, thu nhập và đơn giá tiền lương**				
-	Quỹ tiền lương	Tr.đ	70.510	69.842	99,05
-	Lao động sử dụng bq	Người	905	890	98,34
-	Tiền lương bình quân	Tr.đ/ng/thg	6,493	6,526	100,51

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2017 (ĐHĐCĐ)	Thực hiện 2017	Tỷ lệ (%)
4	**Nộp ngân sách**	**Tr.đồng**	**99.418**	**74.432**	74,87

III. Một số nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến kết quả SXKD năm 2017:

1. Do giá bán bình quân thực hiện thực tế giảm so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	Sản lượng tiêu thụ (tấn)	Giá bán KH 2017 (đồng)	Giá bán BQ năm 2017 (đồng)	Doanh thu (tr.đồng)
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4=1*(3-2)*
1	Phôi thép	213.703	10.277.950	10.155.344	(26.201)

2. Các chi phí lãi vay, khấu hao tăng so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện năm 2017	Tăng (+); Giảm (-)
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3=(2)-(1)*
	Tổng cộng				**24.178**
1	Lãi vay	Tr.đ	125.582	133.068	7.486
2	Khấu hao TSCĐ	Tr.đ	103.773	120.465	16.692

3. Chi phí tăng/giảm do giá bình quân nguyên liệu đầu vào:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Sản lượng tiêu hao	Đơn giá thực hiện (đồng)	Đơn giá Kế hoạch (đồng)	Tăng(+); Giảm(-); Tr.đồng
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4=1*(2-3)*
	Tổng cộng					**76.911**
1	**Thiêu kết**					**43.807**
-	Tinh quặng sắt <1mm	Tấn	80.588	1.376.705	922.796	36.580
-	Quặng sắt vụn 0-8mm	Tấn	139.796	530.892	486.847	6.157
-	Đá vôi (0-3mm)	Tấn	35.540	165.365	180.000	-520
-	Vôi sống (0-5mm)	Tấn	22.014	1.296.026	1.380.000	-1.849
-	Đôlomit 0-3mm	Tấn	19.180	215.816	220.000	-80
-	Than cốc vụn	Tấn	8.697	7.374.042	7.000.000	3.253
-	Than cám	Tấn	10.699	2.964.153	2.956.625	81
-	Điện	kWh	15.251.448	1.454	1.450	186
2	**Luyện gang**					**32.645**
-	Quặng cục 8-38mm	Tấn	81.176	420.792	486.847	-5.362
-	Than cốc	Tấn	100.786	7.374.042	7.000.000	37.698
-	Than cám	Tấn	22.056	2.964.153	2.956.625	166
-	Đá vôi (10-40mm)	Tấn	1.091	172.385	180.000	-8
-	Điện	kWh	37.815.668	1.454	1.450	151
3	**Luyện thép**					**459**

-	Ferro Silic	Tấn	714	23.513.026	24.900.000	-990
-	Silico mangan	Tấn	1051	22.680.866	18.850.000	4.027
-	Nhôm cục	Tấn	43	32.785.533	42.000.000	-397
-	Vôi nung 10-50 mm	Tấn	9.245	1.314.889	1.380.000	-602
-	Chất tăng Cacbon	Tấn	380,914	19.836.105	24.100.000	-1.624
-	Điện	kWh	11.374.266	1.454	1.450	45

4. Chi phí tăng/giảm do các chỉ tiêu tiêu hao so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	ĐM KH 2017	Tiêu hao thực hiện	Đơn giá thực hiện (đồng)	Tăng(+); Giảm(-); (Tr.đồng)
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4=(2-1)*3*
	Tổng cộng					**43.031**
1	**Thiêu kết**	Tấn		**293.887**		**38.591**
-	Đá vôi (0-3mm)	Kg/TQtk	150	121	165.365	-1.413
-	Vôi sống (0-5mm)	Kg/TQtk	50	75	1.296.026	9.487
-	Đôlomit 0-3mm	Kg/TQtk	47	65	215.816	1.158
-	Tham cám	Kg/TQtk	51	36	2.964.153	-12.714
-	Than cốc vụn	Kg/TQtk	9	30	7.374.042	45.510
-	Điện	kWh/Tqtk	60	52	1.462	-3.438
2	**Luyện gang**	Tấn		**202.618**		**60.376**
-	Than cốc	Kg/T.GL	450	497	7.374.042	70.854
-	Than cám	Kg/T.GL	120	109	2.964.153	-6.693
-	Đá vôi (10-40mm)	Kg/T.GL	1	5	172.385	153
-	Điện	kWh/T.GL	200	187	1.454	-3.937
3	**Luyện thép**	Tấn		**190.169**		**-55.937**
-	Ferro Silic	Kg/Tphôi	1,36	2,37	27.509.102	5.278
-	Ferro Mangan	Kg/Tphôi	11,00	3,75	23.513.026	-32.402
-	Silico mangan	Kg/Tphôi	10,00	5,53	22.680.866	-19.290
-	Nhôm cục	Kg/Tphôi	0,35	0,23	32.785.533	-768
-	Vôi nung 10-50 mm	Kg/Tphôi	45	48,62	1.314.889	904
-	Đôlômit	Kg/Tphôi	8,5	8,86	207.161	14
-	Silico can xi(SiCa)	Kg/Tphôi	0,5	0,29	39.500.001	-1.595
-	Chất tăng Cacbon	Kg/Tphôi	1,6	2,00	19.836.105	1.509
-	Ống đồng bộ kết tinh	Cái/1000 TSP	0,3	0,27	33.765.814	-204
-	Đầu súng Oxy	Cái/1000 TSP	0,45	0,26	1.757.143	-64
-	Điện	kWh/Tphôi	95	61	1.454	-9.318

**** Các nguyên nhân chính làm tăng tiêu hao nguyên nhiên vật liệu:***

+ Thời tiết mưa nhiều, nguyên nhiên liệu để ngoài trời, không có mái che dẫn tới độ ẩm nguyên nhiên liệu cao, gây khó khăn cho công nghệ thiêu kết, ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng quặng thiêu kết.

+ Do nguồn nguyên liệu quặng sắt đầu vào không đảm bảo (Fe, Si...), nên tổng quặng đầu vào thiêu kết có tổng hàm lượng SiO2 cao, để điều chỉnh ổn định độ kiềm quặng thiêu kết đạt 1,6~1,7 nên chỉ tiêu tiêu hao các chất trợ dung vôi bột, đôlômite tăng so với kế hoạch.

+ Tiêu hao FeSi cao hơn so với kế hoạch chủ yếu do nhiệt độ gang lỏng thấp nên tiến hành thêm FeSi trước khi nấu luyện để tăng nhiệt hóa học. Ngoài ra sử dụng FeSi để nhằm giảm tiêu hao SiCa để tăng hiệu quả kinh tế (giá SiCa cao hơn 1,2 lần giá FeSi).

+ Tiêu hao cốc/gang tăng từ 450 kg/tấnKH lên 497kg/tấn, làm tăng chi phí so với kế hoạch, nguyên nhân do:

✓ Sản lượng quặng thiêu kết không cung cấp đủ cho lò cao theo yêu cầu công nghệ (tỷ lệ Qtk/Qs = 80/20) nên lò cao phải tăng tỷ lệ nạp quặng cục 8 -38 mm (Qs) dẫn tới tăng các chỉ tiêu tiêu hao, như: đá vôi, than cốc, ... cụ thể như kết cấu liệu nạp vào lò cao trong tháng 7 là: 76/24; tháng 8: 75,8/24,2 và tháng 9: 78/22)

✓ Hàm lượng sắt trong quặng thiêu kết thấp (bình quân 50,9%Fe), yêu cầu theo kế hoạch là 54 – 55%Fe nên ảnh hưởng đến sản lượng nước gang.

✓ Cỡ hạt than cốc không đảm bảo (tỷ lệ cỡ hạt từ 25 - 40 mm tương đối lớn) gây bí lò, giảm tốc độ ăn liệu, năng suất thấp, tăng các chỉ tiêu tiêu hao.

+ Hàm lượng SiO2 trong quặng cao (>8%) nên phải bổ sung đá vôi trong quá trình luyện gang làm tăng tiêu hao than cốc.

+ Việc tăng cường sử dụng quặng sống nên phải bổ sung đá vôi do vậy phải tăng lượng than cốc để đảm bảo nhiệt độ nước gang.

+ Thời tiết mưa nhiều nên nguyên liệu (quặng cục và than cốc) có độ ẩm rất lớn phải bổ sung than cốc vào lò cao để đảm bảo ổn định nhiệt độ nước gang.

5. Chi phí sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên giảm so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện năm 2017	Tăng (+); Giảm (-)
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3=(2)-(1)*
	Tổng cộng				**-57.461**
1	Sửa chữa lớn	Tr.đ	20.150	3.387	-16.763
2	Sửa chữa thường xuyên	Tr.đ	69.719	29.021	-40.698

IV. Giá thành từng công đoạn sản xuất năm 2017:

1. Công đoạn khai thác: Giá thành sản xuất quặng nguyên hợp cách (>58%Fe) là 361.968 đồng/tấn, bằng 86,23%KH (giá thành KH 419.750 đồng/tấn).

2. Công đoạn tuyển khoáng: Giá thành sản xuất tinh quặng 1.377.004 đồng/tấn, bằng 149,22%KH (giá thành kế hoạch 922.796 đồng/tấn).

3. Công đoạn thiêu kết; Giá thành sản xuất quặng thiêu kết là 1.452.049 đồng/tấn, bằng 112,59%KH (giá thành kế hoạch 1.289.650 đồng/t.qtk).

4. Công đoạn luyện gang: Giá thành sản xuất nước gang lỏng là 7.107.358 đồng/tấn, bằng 112,43%KH (giá thành kế hoạch 6.321.841 đồng/t.gl).

Công đoạn luyện thép: Giá thành sản xuất phôi thép là 9.344.597 đồng/tấn, bằng 103,73%KH (giá thành kế hoạch 9.008.788 đồng/t.phôi).

V. Đánh giá kết quả thực hiện các mặt công tác chủ yếu.

1. Công tác thăm dò, khai thác, tuyển khoáng

a. Công tác thăm dò khảo sát địa chất:

Trong quá trình thực tế khai thác trong những năm qua, nhận thấy thân quặng có biến thiên về đường phương, chiều dày, hàm lượng thân quặng cũng như mực nước ngầm của moong khai thác. Do đó, để đảm bảo hiệu quả sản xuất trong việc huy động quặng, công nghệ khấu quặng cũng như phương hướng khai trường sát với thực tế Công ty đã phối hợp cùng đơn vị tư vấn Xí nghiệp địa chất 109 thực hiện phương án khoan phục vụ khai thác và đánh giá mực nước ngầm khu Nam mỏ sắt Nà Rụa.

Đến thời điểm hiện nay Công ty phối hợp cùng đơn vị tư vấn đã thực hiện xong phương án với khối lượng là 549 mk/6 lk và đánh giá được hướng phát triển của thân quặng (đường phương, hướng dốc của thân quặng), đặc điểm đá thạch học vách trụ của thân quặng, điều kiện địa chất thủy văn của mỏ cũng như trữ lượng và chất lượng của thân quặng để Công ty đưa ra được kế hoạch khai thác hợp lý giúp tiết giảm chi phí trong quá trình khai thác.

b. Công tác khai thác mỏ:

Bước vào thực hiện kế hoạch khai thác năm 2017, Công ty đã chủ động đưa ra các giải pháp điều hành trong quá trình khai thác sát với thực tế diễn biến của thân quặng cũng như điều kiện đổ thải, thoát nước moong khai trường, công tác GPMB... nhằm tiết giảm chi phí trong quá trình sản xuất tại khu Nam như:

- Khai thác chọn lọc tại khai trường nhằm giảm tổn thất, làm nghèo và huy động được quặng có hàm lượng > 58% Fe nghiền hợp cách phục vụ KLH. Dự kiến kết thúc 2017 khai thác 350.000 tấn quặng, trong đó: Quặng nghiền hợp cách: 231.312 HL > 60%Fe; Quặng về xưởng tuyển 118.688 tấn HL 46,5%Fe.

- Triển khai giải pháp nâng cos bãi thải và phân kỳ đổ thải để tạo diện đổ thải cũng như tiết giảm cung độ đổ thải trong năm. Cung độ vận chuyển đất đá thải dự kiến thực hiện 2017 là: Đất thải 0,973km/1,95 km KHN; Đổ thải đá 1,216 km/1,3 km KHN.

- Nắn dòng chảy khu vực ra khỏi moong và hạ cao độ thoát nước tự chảy tại moong khai thác nhằm giảm chi phí bơm nước trong quá trình khai thác. Mức nước tự chảy tại tuyến 19 hiện tại là +248/ +265 theo thiết kế.

* Tại Khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa

Đến thời điểm hiện nay Công ty đã phối hợp cùng đơn vị tư vấn thực hiện xong Phương án hợp tác đầu tư khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa công suất 350.000 tấn/năm và Hồ sơ mời hợp tác đầu tư khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa công suất 350.000 tấn/năm và đã báo cáo các cấp xem xét cho ý kiến chỉ đạo để Công ty triển khai thực hiện. Ngoài ra, trong thời gian vừa qua Công ty cũng chủ động tìm những nhà đầu tư lên khảo sát đánh giá và mời hợp tác, tuy nhiên đến thời điểm hiện nay cũng chưa có nhà đầu tư nào có thiện chí hợp tác đầu tư.

2. Công tác tuyển khoáng:

Đã hoàn thiện cải tạo dây chuyền công nghệ như: Lắp đặt hệ thống tuyển rửa, nắp thêm vít xoắn và lắp đặt bổ sung hệ thống bơm nước (cấp đủ nước cho hệ thống) nhằm nâng cao hàm lượng tinh quặng sắt ≥64%, SiO2≤5%. Hiện nay sản lượng và hàm lượng đã tăng, Si giảm so với những tháng đầu năm. Dây chuyền đã đáp ứng được việc nghiền quặng hợp cách 0-38mm, không còn phải thuê ngoài.

Nhằm quản lý và tận thu tài nguyên khoáng sản Công ty đang triển khai: vận chuyển quặng đuôi tuyển (quặng trung gian) lên bãi chứa.

3. Công tác luyện kim

a. Đánh giá chung:

Năm 2017 là năm thứ hai dây chuyền luyện gang thép của KLH Gang thép Cao Bằng đi vào hoạt động về cơ bản các thiết bị hoạt động tương đối ổn định, công tác bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị luôn được chú trọng, các sự cố nhỏ được khắc phục kịp thời, quá trình công nghệ được đảm bảo, đáp ứng được yêu cầu sản xuất với mục tiêu:

- Vận hành tin cậy, kiểm soát được kỹ thuật dây truyền sản xuất;
- Đạt được sản lượng, chất lượng sản phẩm đề ra;
- Các chỉ tiêu tiêu hao đã gần tiệm cận theo thiết kế.

b. Kết quả sản xuất các công đoạn:

b.1. Công đoạn thiêu kết:

Các chỉ tiêu tiêu hao quặng trong công đoạn thiêu kết cơ bản đạt yêu cầu. Đảm bảo theo kế hoạch đề ra. Tuy nhiên chất lượng quặng đầu vào có thành phần SiO2 vẫn còn tương đối cao, bên cạnh đó thời tiết Cao Bằng ở tháng 7,8,9 mưa nhiều ảnh hưởng đến độ ẩm của nguyên nhiên liệu.

Do tổng quặng đầu vào thiêu kết có tổng hàm lượng SiO2 cao, ngoài ra để điều chỉnh ổn định độ kiềm quặng thiêu kết đạt 1,7~1,8 nên chỉ tiêu tiêu hao các chất trợ dung tăng so với kế hoạch, cụ thể đá vôi tăng 40,16%, đôlômite tăng 10,71% so với kế hoạch.

Chỉ tiêu tiêu hao điện năng vượt 9,93% so với kế hoạch, nguyên nhân là trong quá trình sản xuất xảy ra một số sự cố về thiết bị, khi xử lý sự cố thì các phụ tải cần thiết vẫn hoạt động bình thường.

Công đoạn thiêu kết đã cơ bản làm chủ được công nghệ thiêu kết. Đã ban hành và hoàn thiện dần quy trình thao tác tại các vị trí sản xuất. Các vị trí đã làm chủ được kỹ năng thao tác và điều chỉnh công nghệ đáp ứng tốt cho quá trình thiêu kết quặng.

Chỉ còn một số ít yếu tố như: ý thức trong quá trình vận hành thao tác công nghệ một số cá nhân chưa thực hiện tốt; nguyên liệu quặng biến động lớn về hàm lượng sắt, SiO2, số lượng quặng nhỏ lẻ; Các trợ dung như Vôi nung biến động nhiều,... Các yếu tố này ảnh hưởng lớn tới độ ổn định của sản phẩm và gây rất khó khăn cho quá trình tính toán phối liệu thiêu kết như ý muốn.

Phân xưởng Thiêu kết đã cơ bản nắm bắt được công nghệ và sản xuất tương đối ổn định. Tuy nhiên do nguồn quặng đầu vào không ổn định, thành phần SiO2 trong quặng cao dẫn đến việc các tiêu hao chất trợ dung trong sản xuất thiêu kết cũng vượt định mức. (Vôi sống vượt 47,01 % so với kế hoạch)

Trong năm 2017 Sản lượng Quặng thiêu kết đạt 100 % KH năm,

b.2. Công đoạn Luyện gang:

Công ty tiến hành điều chỉnh kết cấu liệu vào lò cao để đảm bảo sản lượng gang lỏng cung cấp cho luyện thép nên đã tăng tỷ lệ quặng cục 8~38mm có hàm lượng TFe≥64%, dẫn đến tiêu hao quặng cục tăng 19,55% so với kế hoạch trong khi tiêu hao quặng thiêu kết chỉ bằng 94,84% so với kế hoạch.

Năm 2017 Công ty đã áp dụng các giải pháp công nghệ nhằm giảm tiêu hao than cốc như ổn định nhiệt độ gió nóng, nâng cao tỷ lệ phun than cám... Tuy nhiên tỷ lệ tiêu hao than Antraxit đạt thấp, chỉ bằng 94,69% so với kế hoạch trong khi tiêu hao than cốc vượt 11,15% so với kế hoạch.

Nguyên nhân tiêu hao than cốc tăng là do chất lượng nguyên nhiên liệu đầu vào không được đảm bảo, cỡ hạt than cốc vụn chiếm tỷ lệ nhiều trong tổng than cốc, thời tiết mưa nhiều ảnh hưởng đến độ ẩm các loại nguyên nhiên liệu nói chung và than cốc nói riêng dẫn tới chỉ tiêu tiêu hao than cốc tăng cao.

Do sự biến động của nguyên nhiên liệu, hàm lượng SiO2 tăng cao, độ kiềm quặng thiêu kết ba động mạnh dẫn đến cần bổ sung đá vôi để điều chỉnh độ kiềm trong lò cao nên chỉ tiêu tiêu hao đá vôi vượt 558,33% so với kế hoạch.

Trong thời gian dừng sửa chữa thiết bị, xử lý sự cố các phụ tải cần thiết vẫn hoạt động nên chỉ tiêu tiêu hao điện năng cũng vượt 1,64% so với kế hoạch

Phân xưởng Luyện gang cơ bản đã làm chủ công nghệ, thao tác vận hành lò đảm bảo sản lượng gang đáp ứng được cho yêu cầu luyện thép. Tuy nhiên do ảnh hưởng của nguyên, nhiên liệu cũng như ảnh hưởng do sự cố tại công đoạn Luyện thép nên sản xuất của Luyện gang cũng gặp nhiều khó khăn

Sản xuất trong năm 2017 lò cao hoạt động đạt 338/350 ngày bằng 96,75 % Quỹ thời gian theo kế hoạch năm.

Sản lượng gang lỏng đạt 200.000/190.000 bằng 105% KH năm, trong đó gang đúc đạt 900 tấn, gang sang luyện thép 199.100 tấn.

b.3. Công đoạn Luyện thép:

Năm 2017, thiết bị hoạt động tương đối ổn định, công tác bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị luôn được chú trọng, các sự cố nhỏ được khắc phục kịp thời, đáp ứng yêu cầu sản xuất. Trong quý II năm 2017, Phân xưởng thực hiện công tác trung đại tu thiết bị theo kế hoạch Công ty giao. Hiện tại thiết bị quạt 1 hút lọc bụi lần 1 hoạt động không ổn định nên cần khắc phục kịp thời để dự phòng cho sản xuất.

Năm 2017 công ty giao nhiệm vụ sản xuất 190.000 tấn phôi thép. Đây là nhiệm vụ rất khó khăn nên đầu năm 2017 lãnh đạo phân xưởng đã chỉ đạo quyết liệt công tác sản xuất tới các tổ, thực hiện triển khai các biện pháp cải tiến, hợp lý hóa sản xuất để giảm giá thành sản xuất khâu luyện thép như sử dụng gáo múc mẫu thay que lấy mẫu, sử dụng than cốc, than Antraxit thay thế chất tăng Cacbon, sử dụng hợp kim CaSiAl thay thế nhôm thỏi và CaSi, tăng cường xử lý mê thép, mê gang để làm liệu nguội phục vụ sản xuất.

4. Công tác Cơ điện:

a. Bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên thiết bị:

Trong năm 2017, Công ty đã triển khai lập kế hoạch theo từng quý, từng tháng và giao cho các đơn vị thực hiện sửa chữa thường xuyên theo kế hoạch kỹ thuật đã được Tổng công ty phê duyệt. Tổng giá trị sửa chữa thường xuyên đạt 29,021/69,719 tỷ KH = 41,6% kế hoạch giao.

Việc thực hiện công tác SCTX đã tiến hành theo đúng quy trình quản lý Kỹ thuật Cơ điện của Tổng công ty ban hành. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai còn gặp nhiều khó khăn. Nguyên nhân do hệ thống thiết bị hoạt động liên tục, chỉ có thể sửa chữa được các thiết bị có dự phòng. Mặt khác, công tác mua sắm vật tư theo kế hoạch còn chưa kịp thời, dẫn đến thiết bị không thể sửa chữa đúng cấp theo kế hoạch do cung ứng vật tư về chậm, phải sửa chữa theo quy trình đột xuất, việc cung cấp vật tư chậm cũng ảnh hưởng nhiều đến tiến độ và chất lượng sửa chữa, do nhiều chi tiết, cụm thiết bị đã đến thời điểm phải thay thế, chỉ sửa chữa phục hồi thời gian sử dụng ngắn.

b. Trung đại tu tài sản cố định:

Kết quả thực hiện TĐT trong năm đã thực hiện TĐT hệ thống nạp liệu, hệ thống phun than (Phân xưởng Luyện Gang) và Hệ thống Đúc liên tục, hệ thống Lò chuyển PX Luyện Thép đạt 3,387/20,15 tỷ đồng bằng 16,8% kế hoạch.

Theo kế hoạch trong Quý IV năm 2017 sẽ thực hiện TĐT hệ thống Lò cao 179m3 và phụ trợ với tổng giá trị 4,4 tỷ đồng và hệ thống Lò chuyển với tổng giá trị 5,5 tỷ đồng nhưng do tình trạng thực tế của gạch tường Lò chuyển nên các công việc TĐT sẽ thực hiện trong quý I năm 2018.

c. Sử dụng điện năng:

Hầu hết các Phân xưởng tại khu Liên hợp đều sử dụng điện năng thấp trong khoảng định mức. Riêng Phân xưởng Tuyển Khoáng do còn tồn tại nhiều vấn đề về công nghệ nên tiêu hao lớn so với thiết kế.

5. Công tác An toàn - Môi trường:

a. Công tác An toàn - VSLĐ năm 2017:

- Công tác tuyên truyền huấn luyện ATVSLĐ: Phân nhóm, tổ chức huấn luyện định kỳ và huấn luyện lần đầu cho người lao động theo quy định của Nghị Định 44/2016/ NĐ-CP; Tổ chức và tham gia hội thi ATVSV giỏi cấp Công ty và Tổng Công ty; Khen thưởng động viên kịp thời cho các cá nhân, tập thể có thành tích, nhiệt tình trong các phong trào thi đua đảm bảo ATVSLĐ-PCCN; Trang bị phương tiện truyền thông tại nhà ăn ca trình chiếu thông tin và hình anh về công tác

an toàn giúp người lao động nắm được các nguy cơ mất an toàn từ có biện pháp phòng trừ và đó áp dụng tại nơi làm việc tránh được các tại nạn sẩy ra, lồng ghép với việc truyền tải các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện công tác an toàn của Công ty và trong toàn Tổng công ty, Tập đoàn.

- Công tác chăm sóc sức khỏe người lao động:

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 862 người lao động. Trong đó sức khỏe loại I là 15 người; Loại II là 638 người; Loại 3 là 189 người; Loại IV là 20 người.

Tổ chức đo kiểm tra môi trường lao động từ kết quả đo các vị trí làm căn cứ để cấp bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; Đảm bảo sức khỏe, Nâng cao chất lượng bữa ăn, phân tích, xét nghiệm chất lượng nguồn nước sinh hoạt, lựa chọn thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Bổ sung tủ thuốc sơ cấp cứu; Đóng bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp cho người lao động.

- Về sự cố tai nạn lao động: Trong năm có sảy ra 01 vụ tai nạn giao thông, làm chết 01 công nhân thuộc phân xưởng Cơ điện (Vụ tai nạn được coi là tai nạn lao động). Công ty đã giải quyết các chế độ và thực hiện công tác khai báo đầy đủ theo quy định.

b. Công tác Môi trường:

Vệ sinh, quét dọn mặt bằng công nghiệp, tỉa cây, nhổ cỏ; Trồng cây xanh làm đẹp cảnh quan môi trường; Nạo vét bùn thải toàn bộ hệ thống mương rãnh thoát nước mặt của khu Liên hợp và bùn tại mương thủy lợi dưới chân bãi thải số 3.

Quan trắc chất lượng môi trường nước thải, khí thải định kỳ, xử lý các nguồn phát sinh chất thải ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Lập hồ sơ xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án tại khu nam mỏ sắt Nà Rụa và lập hồ sơ báo cáo xin điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường khu bắc căn cứ theo thiết kế điều chỉnh khai thác mỏ.

Trong năm không xảy ra các sự cố về môi trường.

6. Công tác Kế toán Tài chính

- Thu xếp đủ vốn phù hợp với dòng tiền, vốn lưu động cho hoạt động sản xuất của Công ty.

- Làm việc với BIDV giảm lãi suất vay trung dài hạn và ngắn hạn cụ thể:

- Điều chỉnh lãi suất giảm từ ngày 1/6/2017:

+ Giảm lãi suất vay ngắn hạn từ 9,2 xuống 8,7%/năm

+ Giảm lãi suất vay trung dài hạn từ 12,5 xuống 12%/năm

- Điều chỉnh lãi suất giảm từ ngày 1/8/2017:

+ Giảm lãi suất vay ngắn hạn từ 8,7 xuống 7,5%/năm

+ Giảm lãi suất vay trung dài hạn từ 12 xuống 11%/năm

7. Công tác Tổ chức - Hành chính:

a. Công tác Tổ chức:

Công ty đã tổ chức rà soát và sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của toàn Công ty cho phù hợp với điều kiện sản xuất. Chia tách, hợp nhất và thành lập các phòng ban, phân xưởng theo chức năng nhiệm vụ được phân công. Tuyển dụng đào tạo và sắp xếp, bố trí nhân lực theo cơ cấu và mô hình sản xuất. Bổ nhiệm cán bộ tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, công tác chuyên môn nghiệp vụ.

Thành lập mới bộ phận nấu ăn trực thuộc phòng Tổ chức Hành chính, sắp xếp và luân chuyển bộ phận đúc từ Phân xưởng Luyện gang về Phân xưởng Luyện thép; điều chuyện tổ vận tải nội bộ từ phân xưởng Năng lượng vận tải về Phân xưởng Cơ điện quản lý; sắp xếp và cơ cấu lại 02 Phân xưởng Cơ điện và Năng lương Vận tải.

Xây dựng quy định, quy chế như: Quy chế dân chủ cơ sở, Quy chế đối thoại định kỳ tại nơi làm việc; Quy định giao và phân phối tiền lương năm 2017...

b. Công tác lao động - tiền lương:

- Tổng số lao động đầu kỳ 01/01/2017: 850 người
- Lao động tăng trong kỳ: 102 người
- Lao động giảm trong kỳ: 67 người
- Lao động cuối kỳ thời điểm 31/12/2017: 890 người

    * Tổng số Lao động giảm trong đó:
    + Giảm do tạm hoãn đi NVQS: 01 người
    + Giảm do kỷ luật sa thải: 03 người
    + Tự ý bỏ việc: 03 người
    + Điều chuyển trong Tcty: 02 người
    + Xin chấm dứt HĐLĐ: 55 người
    + Nghỉ hưu trí: 03 người
    * Cơ cấu lao động:
    + Lao động quản lý: 88 người, chiếm 9,95%; bằng 97,78% KH
    + Lao động công nghệ: 564 người, chiếm 63,7%; bằng 94,8% KH
    + Lao động phụ trợ: 137 người, chiếm 15,5%; bằng 102,2% KH
    + Lao động phục vụ: 96 người, chiếm 10,85%; bằng 105,5% KH
- Tổng số lao động ước thực hiện bình quân năm 2017: 890 người;
- Tổng quỹ tiền lương ước thực hiện cả năm 2017: 69.698 triệu đồng
- Tiền lương bình quân: 6.526.000 đồng/người/tháng.

c. Công tác đào tạo:

Công ty đã tổ chức đào tạo nâng cao trình độ về lý thuyết và tay nghề cho người lao động trong toàn Công ty. Tổ chức đào tạo cho các vị trí chủ chốt tại phân xưởng Luyện thép, phân xưởng Luyện gang, phân xưởng Thiêu kết, thường xuyên theo học các chuyên gia Trung Quốc để nhanh chóng tiếp cận kỹ thuật vận hành công nghệ và xử lý được các vấn đề sự cố công nghệ xảy ra. Công ty phối hợp với Chuyên gia Trung Quốc đã tổ chức sát hạch lý thuyết và tay nghề cho số công nhân lao động trên, kết quả 100% đạt đều đạt yêu cầu đặt ra. Hiện nay các vị trí đã tự vận hành dưới sự giám sát của Chuyên gia Trung Quốc.

Trong năm đã tổ chức tập huấn và đào tạo các lớp về huấn luyện ATLĐ tập huấn mạng lưới ATVSV cho NLĐ nhóm 1, nhóm 2, nhóm 4,5,6 tổng số trên: 850 lượt người tham gia; tổ chức đào tạo lớp sơ cấp nghề cho lao động vận hành cẩu tự hành 10 lao động; tổ chức đào tạo sát hạch tay nghề cho gần 100 lao động.

d. Công tác tuyển dụng:

Năm 2017 để đáp ứng nhu cầu sản xuất, ổn định nguồn lực lao động, Công ty đã tổ chức tuyển dụng mới 77 lao động chủ yếu bổ sung cho số lao động thiếu hụt tự nhiên và một số lao động tuyển dụng cho dây chuyền Tuyển khoáng mới đi vào hoạt động. Công tác tuyển dụng lao động được thực hiện trình tự đúng theo quy chế của Công ty.

8. Công tác quản lý chất lượng sản phẩm:

Nhìn chung công tác quản lý chất lượng sản phẩm trong năm 2017 đã được cải thiện và nâng cao rõ rệt:

- Thường xuyên chủ động kết hợp với bộ phận kỹ thuật mỏ để khai thác chọn lọc, phân loại chất lượng từng loại quặng đảm bảo đủ điều kiện theo kế hoạch đưa ra về nhà Khu liên hợp phục vụ sản xuất luyện kim.

- Kết hợp cùng các phòng ban, phân xưởng kiểm soát chặt chẽ từ công tác kiểm soát các nguyên, nhiên vật liệu nhập về nhà máy đến công tác quản lý mẫu công nghệ tạo điều kiện thuận lợi cho điều chỉnh công nghệ.

- Đảm bảo chất lượng sản phẩm Gang đúc, Phôi thép đạt trên 98% (loại 1) đủ điều kiện tiêu thụ trên thị trường.

9. Công tác cung ứng vật tư:

- Công ty luôn tuân thủ theo đúng quy định về mua sắm và quản lý vật tư của Tổng công ty và Tập đoàn. Ban hành đầy đủ các văn bản liên quan đến công tác vật tư như: quy chế quản lý vật tư, quy định quản lý công tác nhập xuất kho vật tư, thành lập hội đồng giá.

- Tổ chức sắp xếp lại vật tư trong kho đảm bảo dễ bảo quản và quản lý theo yêu cầu SXKD.

- Để đảm bảo cân đối nguồn vốn, công ty đã thương thảo với khách hàng giãn tiến độ thanh toán từ 75 - 90 ngày.

10. Công tác Kế hoạch giá thành và tiêu thụ sản phẩm:

a. Công tác Kế hoạch:

Xây dựng và ban hành quy chế quản trị chi phí, bộ định mức kinh tế kỹ thuật, thực hiện giao khoán cho từng công đoạn sản xuất, nâng cao ý thức người lao động (sử dụng các loại vật tư đúng mục đích và tránh lãng phí, nâng cao ý thức tiết kiệm vật tư trong sản xuất).

Tăng cường, hoàn thiện công tác nghiệm thu, thống kê hàng ngày đối với tất cả các chỉ tiêu sản xuất, tiêu hao vật tư, nguyên nhiên liệu theo định mức để kiểm tra và điều hành được sâu sát.

Hàng tháng tiến hành đánh giá, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lỗ lãi từng công đoạn để kịp thời điều hành, chỉ đạo.

b. Công tác tiêu thụ sản phẩm:

Công tác tiêu thụ sản phẩm trong năm 2017 đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn để đáp ứng yêu cầu của khách hàng, song bên cạnh đó còn những vấn đề cần phải khắc phục ngay, như: việc sắp xếp phôi thép ngoài bãi chứa phôi còn chưa quy hoạch khoa học làm ảnh hưởng đến chất lượng phôi và tiến độ giao hàng, thiết bị phục vụ cho công tác bán hàng đôi khi còn chưa đáp ứng được.

11. Công tác Bảo vệ quân sự:

Năm 2017, về cơ bản phòng đã tham mưu cho Lãnh đạo Công ty đã thực hiện tốt công tác bảo vệ quân sự; Xây dựng, lập kế hoạch, phương án bảo vệ quân sự đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ kế hoạch được giao; Triển khai, phổ biến, hướng dẫn thực hiện các văn bản chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền theo quy định; Tổ chức triển khai, phối hợp tốt với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương đảm bảo giữ gìn tốt an ninh trật tự, an toàn xã hội, không để xẩy ra tình hình mất ANTT có tính chất nghiêm trọng.

12. Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất

Do đặc thù dây chuyền công nghệ mới, chưa qua đủ chu kỳ sản xuất vì vậy việc phát hiện ra sự hạn chế của dây chuyền và công nghệ chưa được đầy đủ cho nên công tác ứng dụng sáng kiến, hợp lý hoá vào sản xuất còn hạn chế. Tuy nhiên, trong năm 2017 toàn công ty cũng đã có 29 sáng kiến cải tiến, hợp lý hoá được áp dụng vào thực tế sản xuất. Tiêu biểu Phân xưởng năng lượng vận tải có 6 sáng kiến, Phân xưởng thiêu kết có 5 sáng kiến, Phân xưởng luyện gang có 5 sáng kiến, Phân xưởng luyện thép có 12 sáng kiến, Phòng tổ chức hành chính có 1 sáng kiến. Các giải pháp trên ngoài góp phần tiết giảm chi phí còn đảm bảo thuận tiện cho vận hành và an toàn thiết bị, hạn chế các sự cố dẫn đến phải dừng sản xuất đồng thời tạo ra phong trào thi đua sâu rộng khắp trong toàn công ty

13. Công tác chăm lo đời sống, sức khỏe và cải thiện điều kiện làm việc của người lao động:

Trong năm Công ty đã trang bị bảo hộ lao động đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định. Việc thực hiện bồi dưỡng độc hại được đảm bảo, tổ chức thực hiện bữa cơm công nghiệp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Ngoài ra Công ty dã xây dựng các nhà vệ sinh gần tại các vị trí sản xuất, hoàn thiện nhà để xe cho người lao động, lắp đặt các thiết bị làm mát, lọc bụi và che chắn cách ly môi trường làm việc độc hại...

VI. Những mặt còn tồn tại trong công tác quản lý và điều hành.

Bên cạnh những việc đã làm được công tác quản lý điều hành, phối kết hợp, trực tiếp sản xuất vẫn tồn tại một số hạn chế như sau:

- Ban lãnh đạo đôi khi chưa thực sự quyết liệt trong lãnh chỉ đạo sản xuất, việc tiên lượng trước những sự cố và nguy cơ tiềm ẩn sự cố có thể xảy ra còn hạn chế như: treo liệu, sụt liệu lò cao, tốc độ ăn mòn nhanh vật liệu chịu lửa lò

thổi, kinh nghiệm thao tác thổi luyện lò chuyển, vận hành sản xuất điều chế Oxy, dự phòng vật tư, thay thế sửa chữa bảo dưỡng thiết bị, chuẩn bị nguyên liệu .. những hạn chế này là nguyên nhân chính dẫn đến tính ổn định sản xuất thấp, hiệu quả sản xuất chưa cao.

- Một số phòng ban Công ty, phân xưởng còn bị động trong việc thực hiện nhiệm vụ, nhiều nội dung tham mưu đề xuất chưa phù hợp với điều kiện thực tế như: trong công tác tuyển khoáng, luyện kim, cơ điện… đã làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất chung toàn Công ty.

- Việc giải quyết chế độ chính sách cho người lao động chưa kịp thời đảm bảo hài hòa giữa người lao động và sử dụng lao động.

- Một bộ phận người công nhân vận hành chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng công của kỹ thuật công nghệ. Việc thực hiện nhiệm vụ thiếu về năng lực, kinh nghiệm. Ý thức chấp hành nội qui, qui định còn nhiều hạn chế, trình độ vận hành của người lao động tại một số vị trí chưa đồng đều tác phong công nghiệp chưa cao, kỹ năng, kinh nghiệm sữa chữa thiết bị đặc biệt sử lý sự cố còn nhiều hạn chế dẫn tới thời gian xử lý kéo dài.

- Các sự cố thiết bị xảy ra ở các phân xưởng dẫn đến dừng sản xuất nguyên nhân chủ yếu do phân xưởng không chủ động trong công tác kiểm tra sửa chữa bảo dưỡng, công nhân vận hành chưa theo dõi kiểm tra được chính xác tình trạng thiết bị khi hoạt động, không kịp phát hiện các hư hỏng nhỏ dẫn đến khi hoạt động gây ra hư hỏng lớn. do chế độ sửa chữa bảo dưỡng chưa tốt (đảm bảo chế độ dầu, mỡ, bắt xiết vệ sinh đặc biệt là thiết bị cơ điện).

VII. Đánh giá chung:

Mặc dù còn nhiều khiếm khuyết, hạn chế trong việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như trong công tác đầu tư xây dựng, song nhìn chung đội ngũ CBCNV của Công ty trong năm 2017 đã có nhiều cố gắng trong thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao thể hiện tốt vai trò lãnh đạo, điều hành góp phần quyết định đến việc thực hiện tốt nhiệm vụ của Công ty, duy trì, phát triển, bảo đảm an sinh và đời sống thu nhập cho người lao động.

Các phòng, ban cơ quan đã tham mưu cho lãnh đạo đề ra nhiều giải pháp về các mặt quản lý, về điều hành sản xuất kinh doanh góp phần quan trọng giúp Công ty vượt qua được những khó khăn, thách thức.

Người lao động đã ý thức rõ trách nhiệm của mình trong từng công việc, chịu khó tìm tòi, học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, làm chủ công nghệ.

Môi trường làm việc lành mạnh, CBCNV đoàn kết, yên tâm công tác, sẵn sàng chấp hành sự phân công công tác, không ngại khó, ngại khổ và có tinh thần cống hiến cao cho tập thể; không có hiện tượng quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu trong khi giải quyết công việc.

PHẦN II
KẾ HOẠCH NĂM 2018

I. Công tác đầu tư xây dựng 2018:

1, Tổng mức giá trị đầu tư; cơ cấu kế hoạch và nguồn vốn đầu tư:

- *Tổng giá trị đầu tư:* **782, 661** tỷ đồng, trong đó:

+ Xây dựng: 131, 383 tỷ đồng

+ Thiết bị: 50, 797 tỷ đồng

+ Quản lý, tư vấn, GPMB, khác…: 600, 481 tỷ đồng

- *Cơ cấu kế hoạch đầu tư:*

+ Trả nợ khối lượng năm 2017: 12,2 tỷ đồng

+ Đầu tư khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa - Giai đoạn 2: 37,212 tỷ đồng

+ Thành phần thuộc dự án Khai thác lộ thiên mỏ sắt nà Rụa (Hình thức hợp tác đầu tư): 687,029 tỷ đồng.

+ Công trình chuyển tiếp (dự án nhóm C): 12,05 tỷ đồng.

+ Công trình khởi công mới (dự án nhóm C): 34, 17 tỷ đồng

- *Cơ cấu bố trí nguồn vốn:*

+ Nguồn vốn cổ đông đóng góp: 115,0 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn vay thương mại: 60,0 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn khác (Hình thức hợp tác đầu tư): 607,661 tỷ đồng.

2, Sự cần thiết đầu tư:

1) Dây chuyền trung hòa quặng sắt tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng:

- Khái toán: 2,0 tỷ đồng.

-Với sản lượng 190.000 tấn phôi thép/năm thì nhu cầu quặng sắt là hơn 300.000 tấn quặng hợp cách, bao gồm các loại: quặng tinh (cỡ hạt < 0,074 mm) 150.000 tấn, quặng cám (cỡ hạt 0 – 8 mm) 75.000 tấn và quặng cục dùng cho lò cao (cỡ hạt 8 – 38 mm) 75.000 tấn.

- Do năng lực sản xuất của xưởng tuyển không đáp ứng đủ lượng quặng tinh và quặng cám cho sản xuất khu liên hợp nên Công ty phải mua ngoài để bổ sung vào số lượng thiếu hụt, mặt khác quặng được sản xuất tại Công ty (mỏ Nà Rụa) chất lượng không ổn định nên gây khó khăn cho công nghệ luyện kim, như: liên tục phải điều chỉnh công nghệ, chất lượng quặng thiêu kết không ổn định, độ kiềm trong quặng thiêu kết ba động lớn, khó khăn trong công tác vận hành lò cao, chất lượng nước gang không ổn định, làm tăng các chỉ tiêu tiêu hao do phải xử lý công nghệ. Vì vậy cần thiết phải đầu tư hệ thống trung hòa quặng sắt để ổn định thành phần nguyên liệu trước khi đưa vào sử dụng đáp ứng yêu cầu công nghệ.

2) Mua sắm 02 xe vận tải 16 tấn tự đổ - Phân xưởng NLVT:

- Khái toán: 3,0 tỷ đồng.

- Thông số kỹ thuật: Tải trọng 16 tấn.

- Hiện tại Khu Liên hợp Gang Thép Cao Bằng chỉ có 02 xe ThaCo 8 tấn làm các công việc phục vụ (chở Xỉ Gang, xỉ thép, mê gang, mê thép). Theo yêu cầu sử dụng thực tế, nhà máy đã phải thuê thêm 03 xe để phục vụ các công việc vận chuyển trên bao gồm 01 xe Kamaz 15 tấn và 02 xe DongFeng 16 tấn. Do các xe thuê ngoài trên đã quá cũ (đầu tư từ năm 2005) đã hết khấu hao, trong quá trình sử dụng thường xuyên hư hỏng vặt nên thời gian huy động rất thấp. Không đáp ứng được yêu cầu phục vụ vận tải trong nhà máy. Vì vậy cần đầu tư thêm 02 xe 16 tấn để phục vụ công tác vận chuyển và sẽ không tiếp tục thuê ngoài các xe trên.

3) Cổng trục xếp phôi thép - Phân xưởng luyện thép:

- Khái toán: 2,0 tỷ đồng.

- Hiện nhà máy đang dùng máy Xúc lật ZL50CN để vận chuyển phôi thép từ vị trí chứa phôi thành phẩm, phương pháp vận chuyển này đạt hiệu quả thấp (mỗi lần máy xúc lật chỉ vận chuyển được 04 thanh phôi) và tốn kém chi phí cao (chi phí nhiên liệu dầu điezen, chi phí xăm lốp) bên cạnh đó, theo thiết kế máy xúc lật được trang bị không phục vụ cho công tác cẩu nhấc phôi thép do đó sẽ chiếm dụng 01 máy để phục vụ cho công tác này, dẫn đến việc thiếu thiết bị để huy động tại các khâu khác. Do đó việc đầu tư thêm hệ thống cổng trục xếp phôi thép là vô cùng cần thiết.

4) Máy cân bằng động thiết bị quay (Thiết bị phân tích rung động, cân bằng động):

- Khái toán: 0,8 tỷ đồng.

- Thông số kỹ thuật: Mã hiệu VIBROTEST 80 AB.

- Dây chuyền Luyện kim đi vào hoạt động sản xuất từ tháng 10/2015. Đến thời điểm hiện tại các hệ thống quạt gió (quạt hút gió chính Thiêu kết, quạt Cao áp Phân xưởng Luyện Gang, quạt nén không khí trạm Oxy, hệ thống quạt lọc bụi trong nhà máy) cánh quạt đang xảy ra hiện tượng mất cân bằng động dẫn đến việc phải dừng thiết bị và thuê ngoài sửa chữa. Do việc đánh giá tình trạng thiết bị khi xảy ra hiện tượng mất cân bằng động trục và cánh quạt dựa trên kinh nghiệm là tương đối khó khăn và mất khá nhiều thời gian sửa chữa khi gặp hư hỏng trên (do phải gửi về Hà Nội để thuê ngoài sửa chữa) nên khi đầu tư thêm máy cân bằng động thiết bị quay (Thiết bị phân tích rung động, cân bằng động) với khả năng công nghệ phát hiện được các vị trí mất cân bằng trên thiết bị quay và cân bằng tại chỗ do đó rút ngắn được thời gian sửa chữa, đặc biệt đối với các thiết bị không có dự phòng như quạt gió thiêu kết, máy nén không khí đầu vào trạm Oxy khi dừng hoạt động sẽ dẫn đến phải dừng toàn nhà máy.

5) Máy nén không khí đầu vào - Phân xưởng Oxy:

- Khái toán: 19,5 tỷ đồng

- Thông số kỹ thuật: DA450- 61; P= 2000 Kw; Vòng quay n= 8656 r/min; 9000 Kg

- Trạm sản xuất Oxy hiện lắp đặt 01 máy nén không khí đầu vào, trong quá trình sản xuất, máy phải hoạt động liên tục không có thời gian dừng để sửa chữa bảo dưỡng. Do đó tiềm ẩn rất nhiều nguy cơ gây sự cố đột xuất trên thiết bị, dẫn đến phải dừng sản xuất. Mặt khác, do đây là thiết bị lớn, có tính phức tạp cao nên bộ phận Cơ điện trong nhà máy chưa có kinh nghiệm về sửa chữa thiết bị trên và các vật tư phục vụ công việc sửa chữa đều phải nhập khẩu từ Trung Quốc nên khi sửa chữa sẽ tốn rất nhiều thời gian, không đáp ứng được yêu cầu hoạt động liên tục của nhà máy Luyện kim nên việc đầu tư thêm một máy nén không khí đầu vào tại trạm sản xuất Oxy là rất cần thiết.

6, Hệ thống máy công cụ máy xọc đứng, máy tiện đứng, máy cưa cần – Phân xưởng Cơ điện:

- Với đặc thù nhà máy có số lượng thiết bị lớn và đa dạng, trang bị thêm số lượng máy công cụ trên sẽ nâng cao được khả năng công nghệ của Phân xưởng Cơ điện. Giúp hạn chế được các công việc sửa chữa thuê ngoài, tiết kiệm được giá trị sửa chữa, giúp nâng cao tính chủ động trong công tác sửa chữa và rút ngắm thời gian sửa chữa.

* Khái toán:

- Máy tiện đứng: 3,5 tỷ

- Máy cưa cần: 150 triệu

- Máy xọc: 600 triệu.

* Thông số kỹ thuật:

- *Máy tiện đứng:*

+ Tên thiết bị: Máy tiện trục đứng hiển thị số;

+ Số lượng đài dao: 02;

+ Đường kính phôi tiện lớn nhất: 2m;

+ Chiều cao phôi lớn nhất: 1,6m;

+ Tốc độ mâm quay: 3,2 – 100 v/p

+ Hành trình đài dao: Ngang 1,1 m; Đứng: 800 mm.

- *Máy cưa cần thủy lực:*

+ Cắt sắt trụ (mm): 280 mm;

+ Cắt sắt vuông: 280x250 mm;

+ Cắt góc độ: 45 – 130;

- *Máy xọc thủy lực:*

+ Chiều dài xọc tối đa: 600 – 630 mm;

+ Đường kính bàn máy: 1.120 mm;

+ Góc nghiêng đầu xọc: 10 độ.

7) Hệ thống thu gom nước mặt Khu vực Xưởng tuyển Mỏ sắt Nà Rụa:

Tại Khu vực xưởng tuyển và 02 bên sườn đồi hồ lắng thải quặng đuôi, hiện tại hệ thống thu gom nước mặt chưa thật sự hoàn chỉnh và đồng bộ, hiện tại toàn bộ nước mặt khi mưa lớn đều tập trung về hồ lắng thải quặng đuôi. Qua đánh giá của các đoàn thanh tra tài nguyên môi trường, theo các ý kiến của các chuyên gia thủy lợi; để giảm thiểu nguy cơ mực nước vượt cao trình xả tràn và chảy ra môi trường thì công tác xử lý thu gom nước mặt Khu vực xưởng tuyển mỏ sắt Nà Rụa cần được thiết kế và đầu tư đảm bảo kỹ thuật và giảm áp lực cho Đập xử lý môi trường nước thải xưởng tuyển, việc đầu tư hệ thống thu gom nước mặt là hết sức cần thiết. Giá trị khái toán: 1,85 tỷ đồng.

8) Cải tạo, sửa chữa thường xuyên tài sản vật kiến trúc xây dựng(Nhà Văn phòng trụ sở; Khu LHGT Cao Bằng; Văn phòng Ban QLDA ĐT; Khu Xưởng tuyển Nà Rụa)

Qua quá trình thời gian sử dụng, do chịu nhiều ảnh hưởng của thời tiết và cá nhân con, người máy móc thiết bị tác động thì công tác cải tạo sửa chữa thường xuyên tài sản vật kiến trúc xây dựng là rất cần thiết; hiện tại Công ty hoạt động sản xuất, kinh doanh trên 04 khu vực địa điểm. Việc duy trì cải tạo sẽ tăng thêm tuổi thọ, mỹ quan, công năng sử dụng công trình. Kế hoạch đầu tư năm 2018, Công ty sẽ thực hiện cải tạo cụ thể như sau: Khu vực Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng: 450 triệu đồng; Nhà Văn phòng trụ sở 52- Phố Kim đồng: 150 triệu đồng; Trụ sở văn phòng Ban QLDA ĐT: 70 triệu đồng; Khu vực Xưởng tuyển mỏ sắt Nà Rụa: 80 triệu đồng.

9) Hệ thống quan trắc tự động, liên tục khí, nước thải Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng và Hệ thống cống thoát nước để mở rộng phạm vi đổ thải xỉ bông tại mặt bằng khu LHGT Cao Bằng:

02 hạng mục công trình trên đã được thông qua kế hoạch đầu tư năm 2017 và thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư. Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2018 căn cứ theo Hồ sơ thiết kế được duyệt triển khai việc đầu tư xây dựng, lắp đặt đảm bảo theo yêu cầu đề ra, đáp ứng các Nghị định, thông tư về quản lý nguồn thải; đáp ứng yêu cầu chỉ đạo của Tập đoàn than khoáng sản V/v đẩy nhanh tiến độ đầu tư lắp đặt hệ thống quan trắc môi trường tự động; đáp ứng yêu cầu và cần thiết mở rộng phạm vi đổ thải xỉ bông tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng đã được HĐQT Công ty thông qua.

10) Đầu tư khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa - Giai đoạn 2:

Căn cứ theo dự án; thiết kế bản vẽ thi công; kế hoạch đấu thầu được duyệt việc triển khai Đầu tư khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa - Giai đoạn 2 là rất cần thiết để đảm bảo nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất của Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng. Là nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên bổ sung đầy đủ nguồn lực thực hiện nhằm đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển lâu dài của Công ty.

3. Tổng hợp giá trị đầu tư xây dựng 2018:

TT	Tên công trình	Kế hoạch năm 2018						
		Tổng số	Cơ cấu vốn đầu tư				Nguồn vốn	
			Xây dựng	Thiết bị	Quản lý dự án, tư vấn, GPMB, khác…	Góp vốn	Thương mại	Huy động khác
1	2	5	6	7	8	9	12	19
	Tổng số (A+B)	**782.661**	**131.383**	**50.797**	**600.481**	**115.000**	**60.000**	**607.661**
A	***TRẢ NỢ KHỐI LƯỢNG NĂM TRƯỚC***	***12.200***	***2.795***	***9.405***				
1	Công trình: Nâng cao công suất Xưởng tuyển mỏ sắt Nà Rụa. Hạng mục tuyển rửa.	4.500	995	3.505				
2	Mua sắm 01 máy xúc đào thủy lực gầu ngược, dung tích gầu: 1,2 -1,8 m3 - Phân xưởng luyện thép	5.500		5500				
3	Mở rộng nhà xưởng sửa chữa - Phân xưởng Cơ điện	2.200	1.800	400				
B	**KẾ HOẠCH NĂM 2018**							
B.1	**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN (I+II)**							
I	***Công trình chuyển tiếp***	***736.291***	***124.168***	***12.242***	***599.881***			
I.1	**Dự án nhóm A**							
I.2	**Dự án nhóm B**	*724.241*	*120468*	*5542*	*598231*			
1	**Đầu tư khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa - Giai đoạn 2**	**37.212**	**33.550**	**1.627**	**2.035**			
1.1	Nắn suối Goòng	11.246	11.246					
1.2	Đê chắn chân Bãi thải số 3	4.558	4.558					
1.3	Xây dựng HT xử lý nước thải khai trường	8.136	6.509	1.627				
1.4	Tuyến đường số 1 đoạn A1, B1, C1 đường ra bãi thải khu Nam	996	996					
1.5	Tuyến đường số 2 đoạn A1, B1, C1 đường nối khai trường khu Nam với khai trường khu Bắc	4.395	4395					
1.6	Tuyến đường số 4 đoạn A4, B4, C4 đường ra bãi thải Tây Nam	2.846	2846					
1.7	Đường ra bãi thải số 3	3.000	3000					
1.8	Kiểm toán dự án	1.114			1114			
1.9	Chi phí quản lý dự án	921			921			
	Thành phần thuộc dự án Khai thác lộ thiên mỏ sắt nà Rụa (Hình thức hợp tác đầu tư)	**687.029**	**86.918**	**3.915**	**596.196**			
1.10	Giải phóng mặt bằng khai trường Khu Bắc và các bãi đổ thải (Hình thức hợp tác đầu tư)	581.365			581.365			
1.11	Đầu tư xây dựng Khu Tái định cư phục vụ dự án khai thác lộ thiên Mỏ sắt Nà Rụa (Hình thức hợp tác đầu tư)	105.664	86.918	3.915	14.831			

TT	Tên công trình	Kế hoạch năm 2018						
		Tổng số	Cơ cấu vốn đầu tư				Nguồn vốn	
			Xây dựng	Thiết bị	Quản lý dự án, tư vấn, GPMB, khác…	Góp vốn	Thương mại	Huy động khác
I.3	**Dự án nhóm C**	**12.050**	**3.700**	**6.700**	**1.650**			
1	Đầu tư xây dựng Hệ thống quan trắc tự động, liên tục khí, nước thải Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng	9.000	800	6.700	1.500			
2	Đầu tư Xây dựng hệ thống cống thoát nước để mở rộng phạm vi đổ thải xỉ bông tại mặt bằng khu LHGT Cao Bằng	3.050	2.900		150			
II	***Công trình khởi công mới***	***34.170***	***4.420***	***29.150***	***600***			
II.3	**Dự án nhóm C**	**34.170**	**4.420**	**29.150**	**600**			
1	Mua sắm 02 xe vận tải 16 tấn tự đổ - Phân xưởng NLVT	3.000		3000				
2	Hạng mục: Cổng trục xếp phôi thép - Phân xưởng luyện thép	2.000	500	1500				
3	Máy nén không khí đầu vào - Phân xưởng Oxy	19.500	1000	18000	500			
4	Máy cân băng động thiết bị quay	800		800				
5	Máy xọc đứng phục vụ gia công - Phân xưởng Cơ điện	600		600				
6	Máy tiện đứng phục vụ gia công - Phân xưởng Cơ điện	3.500		3500				
7	Máy cưa cần - Phân xưởng Cơ điện	150		150				
8	Dây chuyền trung hòa quặng sắt - Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng. Công suất 1.000 tấn/ngày	2.000	400	1600				
10	Hệ thống thu gom nước mặt Khu vực Xưởng tuyển Mỏ sắt Nà Rụa	1.850	1.750		100			
11	Cải tạo, sửa chữa thường xuyên tài sản vật kiến trúc xây dựng(Nhà Văn phòng trụ sở; Khu LHGT Cao Bằng; Văn phòng Ban QLDA ĐT; Khu Xưởng tuyển Nà Rụa)	770	770					

II. Công tác sản xuất kinh doanh.

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	TH 2017	KH 2018	Tỷ lệ (%)
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=2/1**

I	**Chỉ tiêu Doanh thu - Chi phí - Lợi nhuận**				
1	**Doanh thu**	**Tr.đ**	**2.183.546**	**2.207.000**	**101,07**
	- Doanh thu SX khoáng sản	"	2.183.546	2.202.000	
	- Doanh thu SX khác	"		5.000	
2	**Giá vốn bán hàng**	**''**	**2.031.457**	**2.003.393**	**98,62**
3	**Chi phí quản lý - bán hàng**	**''**	**17.685**	**29.598**	**167,36**
	Chi phí quản lý	"	14.150	23.898	168,89
	Chi phí bán hàng	"	3.535	5.700	161,24
4	**Lãi vay + CP tài chính**	**''**	**133.068**	**120.282**	**90,39**
5	**Lợi nhuận**	**Tr.đ**	**2.300**	**50.478**	**2.195**
	Lợi nhuận SXKD	"	2.300	50.478	2.195
	Lợi nhuận khác	"			
II	**Chế độ người lao động**	**''**			
1	Lao động thực tế bình quân KH	người	890	910	102,28
2	Năng suất lao động	Tr.đ/ng/năm	2.453	2.424	98,82
3	Tiền lương bình quân đầu người	trđ/ng/thg	6,540	7,159	109,46
III	**Nộp ngân sách**	**Tr.đ**	**75.000**	**89.355**	**119,14**
IV	**ĐTXD, SCL, SCTX**	**''**	**32.408**	**114.103**	**352,08**
1	Sửa chữa lớn	"	3.387	24.067	710,56
2	Sửa chữa thường xuyên	"	29.021	26.294	90,60
3	Đầu tư xây dựng	"		63.742	
V	**An toàn - Bảo hộ lao động**	**''**	**4.707**	**7.027**	**149,31**
VI	**Môi trường thường xuyên**	**''**	**1.210**	**2.060**	**170,25**
VII	**Sản phẩm**				
VII.1	**Sản phẩm sản xuất chủ yếu**				
1	Phôi thép	Tấn	190.169	190.000	99,91
VII.2	**Sản phẩm tiêu thụ chủ yếu**				
1	Phôi thép	Tấn	213.703	190.000	88,91
2	Gang đúc các loại	"			
VIII	**Chi phí**	**''**			
VIII.1	**Giá thành sản xuất**	**10^3đ/TSp**			
1	Phôi thép	"	9.345	10.544	112,83
VIII.2	**Giá thành tiêu thụ**	**10^3đ/TSp**			
1	Phôi thép	"	10.139	11.333	111,78
VIII.3	**Giá bán sản phẩm dự kiến**	**10^3đ/TSp**			
1	Phôi thép	"	10.155	11.589	114,13
IX	**Giá trị gia tăng**				
1	Khấu hao tài sản	Tr.đ	120.465	120.556	100,08
2	Tổng quỹ tiền lương	"	69.842	78.198	111,96
3	BHXH, BHYT, KPCĐ	"	9.589	9.980	104,08

(Kèm theo biểu chi tiết kế hoạch SXKD năm 2018)

III. Một số giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2018.

1. Về chỉ đạo điều hành sản xuất:

- Tuân thủ sự chỉ đạo của cơ quan điều hành Tổng Công ty, tăng cường phối hợp chặt chẽ với các phòng chuyên môn của Tổng công ty. Duy trì kỷ luật, kỷ cương trong việc chỉ đạo điều hành và thực hiện nhiệm vụ tại đơn vị.

- Xây dựng chi tiết Kế hoạch sản xuất hàng tháng, hàng quý trên cơ sở kế hoạch điều hành Tổng Công ty giao. Định hướng và chỉ đạo quyết liệt các Phòng ban, Phân xưởng bám sát kế hoạch sản xuất để có những giải pháp thực hiện cụ thể. Phối hợp tốt với các đơn vị trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất chung;

- Thường xuyên thực hiện các cuộc họp điều độ sản xuất hàng tuần, sâu sát thực tế sản xuất hơn nữa để xử lý kịp thời vướng mắc phát sinh.

- Trong công tác điều hành của đội ngũ cấp cao: Sát sao với thực tế; quyết liệt trong điều hành; chủ động trong ứng phó với các nguy cơ tiềm ẩn; định hướng, tiên lượng, dự báo trước những biến động trong công nghệ, thiết bị và thị trường, là đầu tàu gương mẫu trong việc thực hiện ý thức kỷ luật lao động, kỷ luật công nghệ.

- Ổn định công tác tổ chức, kiện toàn củng cố nhân lực có trình độ kinh nghiệm và nhiệt huyết với công việc cho các vị trí chủ chốt, vị trí thiếu. Nâng cao nhận thức của người lao động về quyền nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực thi nhiệm vụ được giao nhằm tạo ra môi trường làm việc trong doanh nghiệp minh bạch bình đẳng.

- Trong công tác sản xuất cần tìm tòi học hỏi làm chủ dây chuyền thiết bị, công nghệ, ổn định sản xuất nhằm cải thiện điều kiện môi trường làm việc, đảm bảo an toàn, nâng cao năng xuất chất lượng sản phẩm.

- Trong công tác thực hiện nhiệm vụ, toàn thể CBCNV từ các cấp quản lý đến NLĐ cần chấp hành nghiêm chỉnh nội quy, quy chế của Công ty; quy trình vận hành, quy trình an toàn, quy trình bảo dưỡng sửa chữa và vận hành thiết bị nghiêm ngặt.

- Các phòng ban, phân xưởng chủ động phối kết hợp trong thực hiện và giải quyết công việc được giao với mục tiêu cao nhất là đáp ứng yêu cầu sản xuất.

- Tập trung đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm phôi thép có lợi thế về thị trường tiêu thụ.

- Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành. Xây dựng hạ tầng CNTT tới các phòng ban của Công ty đáp ứng cho việc triển khai các hệ thống ứng dụng của chương trình tin học hóa, tự động hóa của Tổng công ty. Ứng dụng phần mềm dùng chung trong công tác quản lý và điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

- Tăng cường sử dụng sản phẩm, dịch vụ, hỗ trợ trong Tổng công ty trên cơ sở đảm bảo chất lượng, giá cạnh tranh.

2. Tăng cường áp dụng KHCN, nghiên cứu các giải pháp công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng, thực thu khoáng sản góp phần giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm nâng cao hiệu quả SXKD

2.1. Công tác khai thác mỏ

- Tập trung đền bù GPMB bãi thải số 1, số 3, số 4 mỏ sắt Nà Rụa, đảm bảo dung tích đổ thải. Trong điều kiện đền bù GPMB khó khăn, tiếp tục cập nhật và khảo sát hiện trạng thực tế, có giải pháp tăng dung tích đổ thải, giảm cung độ, chiều cao nâng tải.

- Tăng cường công tác quản trị tài nguyên, giảm tổn thất làm nghèo.

- Xem xét tuyển lại quặng nghèo, quặng tại các bãi chứa mỏ sắt Nà Rụa (sản xuất trước kia) để tận thu tài nguyên.

- Tăng cường công tác xúc bốc chọn lọc quặng tại khai trường để tăng tỷ lệ quặng có HL > 58% Fe đưa về nghiền hợp cách và giảm tỷ lệ quặng đưa vào tuyển.

- Thường xuyên cập nhật ranh giới, sự biến động của thân quặng để điều chỉnh phương hướng công trường cho phù hợp với hiện trạng thực tế.

- Tăng cường công tác theo dõi độ cứng, thành phần khoáng vật, cơ lý đá cũng như theo dõi chặt chẽ các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật trong công tác khoan nổ mìn v.v... để có những điều chỉnh các chỉ tiêu kỹ thuật trong nổ mìn nhằm tiết giảm chi phí, phù hợp với thực tế sản xuất.

- Nắn dòng chảy của khu vực đồi núi xung quanh và trên các bờ tầng ra khỏi moong khai thác để giảm lượng nước phải bơm cưỡng bức ra khỏi khai trường, đảm bảo an toàn cho bờ mỏ trong mùa mưa bão.

- Lắp đặt bơm thoát nước khai trường Khu Nam Mỏ sắt Nà Rụa phục vụ sản xuất.

- Lựa chọn nhà đầu tư và khẩn trương triển khai hợp tác đầu tư khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa vào xây dựng cơ bản và sản xuất khai thác mỏ.

- Tích cực phối hợp cùng địa phương và các cơ quan chức năng trong công tác triển khai thực hiện khu Tái định cư cũng như đền bù GPMB khai trường khu Bắc, bãi thải số 3, số 4.

2.2. Công tác Tuyển khoáng

- Tăng cường công tác chăm sóc, bảo dưỡng thiết bị đảm bảo duy trì thiết bị hoạt động liên tục thường xuyên.

- Tăng cường công tác theo dõi, lấy mẫu tại các vị trí công nghệ để có giải pháp điều chỉnh công nghệ đảm bảo tăng sản lượng đạt 300 tấn/ngày, hàm lượng tinh quặng > 63% Fe cũng như giảm thành phần SiO2 <7 trong tinh quặng.

- Nghiên cứu, đưa ra giải pháp thu hồi tinh quặng trong sản phẩm quặng trung gian của vít tuyển tinh bằng bàn đãi.

- Nghiên cứu đưa ra giải pháp tuyển từ khô quặng tại bãi chứa và khai trường có hàm lượng khoảng 50% Fe lên > 58% Fe đáp ứng nguồn quặng nghiền hợp cách trong điều kiện khai trường ngày một khó khăn.

- Tiếp tục triển khai: vận chuyển quặng đuôi tuyển (quặng trung gian) lên bãi chứa. Nghiên cứu xin thêm diện tích đất rừng và tiến hành làm bãi chứa riêng biệt cũng như tiếp tục tìm giải pháp hút bùn thải từ hồ thải quặng đuôi lên.

- Bổ sung công nghệ thu hồi sắt trong quặng trung gian, tăng cường công tác quản lý, điều chỉnh công nghệ... đảm bảo tỷ lệ thực thu tăng lên 5-10% so với hiện nay.

2.3. Công tác luyện kim

2.3.1. Công đoạn thiêu kết

- Tăng cường sử dụng quặng tinh, quặng Limonit, quặng cám hàm lượng Fe cao để phối liệu để nâng cao hàm lượng TFe trong quặng thiêu kết, giảm SiO2.

- Tiến hành mua quặng cám 0-8mm hàm lượng 64%Fe, quặng Limonit có hàm lượng Fe cao để đáp ứng nâng cao hàm lượng TFe trong Quặng thiêu kết thành phẩm lên > 53%Fe.

- Triển khai tích cực phương án rải liệu lót ghi thiêu kết để năng cao chất lượng quặng thiêu kết thành phẩm phục vụ tốt cho công đoạn lò cao và giảm chi phí sản xuất tại công đoạn thiêu kết.

- Sử dụng bùn Venturi cho hệ thống trộn 1, tính toán phối liệu các loại bụi để góp phần tăng hiệu quả xử lý bán thành phẩm của dây chuyền, tăng thực thu, giảm gánh nặng về xử lý môi trường.

- Đảm bảo lượng dự trữ nguyên nhiên liệu đủ nhằm giảm ba động, ổn định thành phần nguyên liệu đầu vào.

- Triển khai thực hiện dây chuyền trung hòa quặng để đảm bảo độ ba động thành phần sắt ≤ 1%, ổn định công nghệ.

- Sử dụng 100% vôi nung trong phối liệu tại khâu thiêu kết để ổn định và nâng cao chất lượng quặng thiêu kết thành phẩm.

- Kiểm soát chặt chẽ nhiệt độ quặng thiêu kết sau khi qua băng tải làm mát đảm bảo nhiệt độ ≤ 120^{o}C.

- Thi công hệ thống nhà mái che nguyên nhiên liệu (di động) để đảm bảo chất lượng nguyên nhiên liệu đầu vào.

2.3.2. Công đoạn luyện gang

- Ổn định chất lượng các nguyên nhiên liệu đầu vào: lựa chọn loại quặng cục 8-38mm sạch (không lẫn, bám đất sét,..) cỡ hạt đảm bảo 8-38 đạt trên 95%; đối với Quặng thiêu kết độ kiềm ổn định 1,6-1,7; hàm lượng sắt ngày càng nâng cao > 53%Fe cỡ hạt đảm bảo > 6mm chiếm trên 90%; Đối với than cốc ổn định cỡ hạt 25-80 mm chiếm trên 95%, chất lượng than đảm bảo theo yêu cầu.

- Đảm bảo số lượng dự trữ nguyên, nhiên liệu chính tại kho/bãi (tối thiểu): Than cốc ≥ 10.000 tấn, quặng sắt các loại ≥ 30.000 tấn.

- Nâng cao tỉ lệ sử dụng liệu chín (quặng thiêu kết) vào lò cao ≥ 90%, hạn chế để không sử dụng trợ dung sống tại lò cao.

- Nâng cao áp lực đỉnh lò cao bằng cách thay van cao áp và vận hành áp lực cao đỉnh lò để tăng sản lượng, giảm tiêu hao cốc.

- Ổn định tiêu hao than cốc 25÷80mm ở mức 460kg/tấn GL.

- Sử dụng than phun có chất bốc cao, chất lượng tốt để tối ưu hóa nhiệt cho lò cao, giảm tiêu hao cốc. Tối ưu hóa hệ thống phun than để tăng cường phun than trợ nhiệt góp phần giảm tiêu hao cốc.

- Tăng cường sử dụng nhiệt độ gió nóng trung bình ≥ 1150oC, duy trì chế độ thao tác ra gang hợp lý, kết cấu lỗ gang, chuẩn hóa thành phần - nhiệt độ gang, hệ thống máng dẫn gang, xỉ...

- Lập phương án triển khai các dự án lớn để cải tại dây chuyền luyện gang như: nghiên cứu bổ sung thêm 01 lò gió nóng, cải tạo máng gang sang loại lưu gang,...

2.3.3. Công đoạn luyện thép

- Tăng cường công tác học hỏi, nghiên cứu công nghệ từ các chuyên gia Trung Quốc. Tổ chức sát hạch định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý cho đội ngũ công nhân theo từng vị trí để nhanh chóng làm chủ thao tác nấu luyện lò thổi.

- Tận thu tối đa các loại mê gang, mê thép, vẩy sắt, xỉ thép… để sử dụng làm liệu nguội cho lò chuyển.

- Lập phương án và triển khai thực hiện đầu tư dây truyền tuyển xỉ để tận thu tối đa kim loại trong xỉ, đảm bảo các vấn đề về môi trường.

- Nghiên cứu sử dụng sắt xốp với giá thành thấp để thay thế cho một phần liệu nguội, nâng cao hiệu quả kinh tế.

- Tiếp tục sử dụng 100% SiCaAl thay thế SiCa và nhôm cục.

- Ổn định tiêu hao "gang lỏng + thép phế"/1 tấn phôi thép ở mức 1.145kg/1 tấn phôi.

- Căn cứ giá thành các loại liệu hợp kim để tính sử dụng hợp lý FeSi, FeMn, SiMn... để đảm bảo giảm giá thành sản xuất.

2.4. Công tác vật tư

- Tăng cường kiểm soát chất lượng vật tư, nguyên vật liệu đầu vào. Đặc biệt đối với các loại vật tư có giá trị cao như than cốc, vôi… Tổ chức mua bán vật tư theo đúng quy định, đảm bảo chất lượng vật tư đưa vào sản xuất.

- Bám sát giá cả thị trường, để từ đó đưa ra được kế hoạch mua vật tư nguyên nhiên vật liệu đảm bảo được giá cả cạnh tranh.

- Thực hiện mua sắm các đơn hàng theo lô lớn nhằm lựa chọn được nhà cung cấp có năng lực, uy tín, để đảm bảo giá cạnh tranh nhất.

- Tăng cường sử dụng vật tư chính hãng sản xuất để nâng cao chất lượng vật tư ổn định công nghệ. Tăng cường sử dụng các dịch vụ và sản phẩm nội bộ trong Tập đoàn, Tổng Công ty trên cơ sở giá cạnh tranh, hợp lý.

- Ký hợp đồng nguyên tắc với các đối tác để đảm bảo cung cấp kịp thời vật tư phục vụ sản xuất và giảm tồn kho.

- Quy hoạch kho bãi hợp lý để giảm tối đa chi phí thuê máy móc, xe vận chuyển các nguyên nhiên vật liệu.

- Đề nghị xây dựng phần mềm quản lý vật tư online áp dụng từ Công ty đến các phân xưởng, xây dựng bảng mã vật tư khoa học… để thuận tiện, quản lý vật tư đảm bảo phục vụ kịp thời sản xuất và quản lý tốt tỷ lệ tồn kho.

- Phân loại kỹ các loại vật tư thu hồi, những vật tư còn có thể sử dụng giao cho PX Cơ điện phục hồi để tái sử dụng, giảm chi phí sản xuất.

2.5. Công tác Lao động tiền lương, đào tạo, hành chính

2.5.1. Công tác Lao động tiền lương

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Công ty, đánh giá đúng năng lực của cán bộ, hiệu quả làm việc của từng CBCNV để sắp xếp lại lao động tại các bộ phận cho phù hợp.

- Rà soát và sắp xếp lại lao động từng công đoạn, để định mức và định biên lao động hợp lý, nhằm nâng cao hơn nữa năng suất lao động (Cụ thể: rà soát từng bước công việc, đánh giá thời gian làm việc, hao phí lao động của từng vị trí để sắp xếp bố trí lại và làm cơ sở để chấm điểm trả lương. Rà soát từng vị trí lao động, đánh giá năng lực, trình độ, sức khỏe và ý thức làm việc để làm cơ sở đánh giá phân loại, sắp xếp và luân chuyển lao động);

- Tiếp tục hướng dẫn các bộ phận hoàn thiện phương án bình công chấm điểm, phương án trả lương đảm bảo trả lương cho người lao động phản ánh đúng năng lực, trình độ và công sức, nhằm động viên khuyến khích người lao động.

2.5.2. Công tác đào tạo

- Tiếp tục phối hợp Chuyên gia Trung Quốc đào tạo vận hành tại vị trí đối với số lao động chủ chốt tại PX Luyện gang và Phân xưởng Luyện thép;

- Phối hợp cùng các Phòng, Ban xây dựng giáo trình lý thuyết, để tổ chức các lớp tự đào tạo, huấn luyện nhằm nâng cao nhận thức và trang bị kiến thức về mặt lý thuyết chuyên môn cho người lao động, song song đó giao cho các phân xưởng triển khai công tác kèm cặp nhằm nâng cao trình độ tay nghề và thực hiện chế độ đối với người lao động;

- Tổ chức các đợt thăm quan học tập dây chuyền công nghệ, cách thức quản lý cho đội ngũ cấp quản lý các phòng, ban, phân xưởng, đi thăm quan học tập tại các đơn vị trong Tổng Công ty, các đơn vị bạn có mô hình tương tự hoặc mô hình đặc thù.

2.5.3. Công tác Hành chính

- Rà soát và xây dựng lại định mức về Văn phòng phẩm, đảm bảo tiết giảm từ 10 đến 15% về số lượng, 10% về giá đầu vào:

+ Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành các quy định của Công ty về việc sử dụng điện nước, VPP, xăng xe, điện thoại, chế độ công tác phí…

+ Xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định của Công ty về việc định mức các chỉ tiêu tiêu hao, sử dụng vật tư, VPP trong công tác quản lý hành chính.

+ Thực hiện chế độ thu cũ, lĩnh mới đối với một số chủng loại VPP, nâng cao hiệu quả trong công tác thực hành tiết kiệm, đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Tham khảo qua nhiều kênh thông tin, qua đó xác định lựa chọn nhà cung cấp VPP thường xuyên, lâu dài để đàm phán tiết giảm chi phí đầu vào một cách hiệu quả.

- Hoàn thiện mô hình nhà ăn ca kiểu mẫu, nhằm chăm sóc tốt sức khỏe cho người lao động.

+ Nghiên cứu, tìm đơn vị có mô hình tương tự để tham khảo, học tập trong công tác quản lý, xây dựng phương án giao khoán Nhà ăn 3 ca.

+ Đánh giá lại việc tổ chức quản lý bếp ăn ca, mở rộng nguồn cung cấp thực phẩm có chất lượng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, giá cả hợp lý đáp ứng nhu cầu ngày một nâng cao chất lượng bữa ăn cho người lao động.

2.6. Công tác tài chính kế toán

- Tiếp tục làm việc với Ngân hàng BIDV giảm lãi suất vay trung dài hạn và ngắn hạn.

- Kiểm soát chặt chẽ giá cả các loại vật tư nguyên nhiên liệu, các biến động về tiêu hao.

- Khi có dòng tiền vào đảo nợ kịp thời để giảm chi phí lãi vay đồng thời giãn thời gian trả nợ.

- Tận dụng chiếm dụng vốn của các nhà cung cấp, ưu tiên thanh toán đối với các khoản nợ đến kỳ phải tính lãi chậm trả.

- Tìm kiếm thêm các nhà tài trợ có mức lãi suất thấp.

2.7. Công tác quản trị chi phí

- Triển khai áp dụng quy chế quản trị chi phí trong nội bộ Công ty;

- Hoàn thiện và ban hành các định mức nội bộ, các quy định để giao khoán cho các đơn vị sản xuất, có cơ chế thưởng, phạt khi tiết kiệm nguyên nhiên liệu, vật tư và ngược lại.

- Trên cơ sở nghiệm thu hàng tháng, quý: Từ sản lượng, các chỉ tiêu tiêu hao vật tư, nguyên nhiên liệu phân tích đánh giá nguyên nhân tăng giảm để có những điều chỉnh kịp thời trong điều hành sản xuất.

- Phối hợp chặt chẽ với các Phòng, ban Tổng Công ty thực hiện tốt công tác kế hoạch, kiểm soát chất lượng, tiến độ cung cấp vật tư phục vụ sản xuất và sửa chữa theo phân cấp; Đảm bảo tiết kiệm 5% chi phí vật tư nguyên nhiên liệu.

2.8. Công tác Quản lý chất lượng sản phẩm

- Bám sát khai trường mỏ sắt Nà Rụa để phân loại bóc tách từng loại quặng trước khi về xưởng tuyển:

+ Quặng có hàm lượng cao đem rửa, đập, sàng lấy ra quặng (0-8)mm; (8-38)mm cấp cho nhà máy.

+ Quặng có hàm lượng nghèo đem nghiền tuyển lấy quặng tinh có hàm lượng ≥ 62%Fe ≤7SiO2; cấp cho nhà máy.

- Quản lý chặt chẽ chất lượng nguyên nhiên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra, bao gồm các sản phẩm của từng công đoạn trong sản xuất của Công ty

- Cùng Tổ xuất nhập hàng hóa xây dựng phương án để hạn chế tối đa sự đè kẹp của các thiết bị lên than cốc trong quá trình xuống và cấp vào sản xuất.

- Phân tích chi tiết từng loại bụi, xỉ, bùn… phát sinh trong dây truyền sản xuất nhằm kiểm soát thất thoát kim loại và phối hợp với bộ phận công nghệ để có các phương án thu hồi kim loại

- Kiểm tra, giám sát thường xuyên quá trình sàng phân loại tại các Phân xưởng (than cốc, quặng thiêu kết, quặng sắt 8-38mm…) để tránh chi phí quay vòng.

- Kiểm soát chất lượng sản phẩm của Công ty như Phôi thép, gang đúc để có phương án điều chỉnh công nghệ kịp thời, phấn đấu hạn chế tỷ lệ phế phẩm đến mức ≤ 1,5%/tổng sản phẩm.

2.9. Công tác An toàn Lao động - Bảo vệ Môi trường

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Nhà nước, Tập đoàn, Tổng Công ty về công tác An toàn – Vệ sinh lao động. Hoàn thiện các hồ sơ liên quan đến quản lý bảo vệ môi trường;

- Quyết liệt trong công tác thực hiện An toàn - VSLĐ, triển khai đồng bộ các giải pháp; qua đó đưa toàn thể hệ thống chính trị: Đảng ủy, Chuyên môn, Công đoàn, Đoàn thanh niên và người lao động cùng vào cuộc;

- Nâng cao chất lượng huấn luyện an toàn từ nội dung đến hình thức và giáo viên huấn luyện; Thay đổi hình thức huấn luyện AT bằng hình ảnh, clip tại nơi mình làm việc và các công việc liên quan... Đặc biệt chú trọng huấn luyện lao động làm việc theo nhóm, phối hợp giữa các nhóm trong khu vực làm việc…;

- Rà soát và bổ sung Quy định, phân định trách nhiệm trong công tác An toàn từ người lao động đến người đứng đầu các đơn vị. Phấn đấu mỗi nhóm, Tổ, đội, Phòng ban, Phân xưởng phải tự chủ được an toàn; tránh tình trạng thực hiện hình thức khi có các đoàn kiểm tra;

- Xử lý nghiêm khắc những cá nhân, tập thể vi phạm nội qui lao động, các biện pháp kỹ thuật an toàn nếu xảy ra tai nạn lao động, sự cố thiết bị. Tiếp tục duy trì và tìm biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới ATVSV;

- Nghiêm túc thực hiện các quy định quản lý Nhà nước về công tác môi trường, quản lý chất thải nguy hại, vệ sinh an toàn thực phẩm.

2.10. Công tác cơ điện

- Thực hiện phương án lắp đặt quả từ khô và dây truyền sàng quặng để lựa chọn lượng quặng giàu lẫn trong quặng nghèo cung cấp vào máy nghiền bi và phân loại được cỡ hạt của quặng giàu cấp về Khu liên hợp.

- Thực hiện lắp đặt hệ thống bơm thoát nước khai trường khu Nam.

- Thực hiện điều độ hoạt động của thiết bị vào giờ thấp điểm để giảm chi phí về điện năng.

- Thực hiện lắp đặt hệ thống sàng than tại cos +280 để phân loại sử dụng than theo đúng yêu cầu đầu vào của các khâu sản xuất.

- Thực hiện công tác trung đại hệ thống thiết bị.

- Mở rộng nhà che quặng Thiêu kết để nâng cao khả năng chứa quặng hạn chế bị mưa ẩm.

- Thực hiện phương án bảo dưỡng, sửa chữa các động cơ 10 KV.

- Thực hiện phương án sục rửa các thiết bị sử dụng bộ làm mát bằng nước.

- Tiếp tục Việt hóa hệ thống điều khiển trong toàn nhà máy để thuận lợi cho công tác vận hành của công nhân.

- Nghiên cứu thay thế vật liệu cánh máy phân cấp ruột xoắn bằng lốp xe cũ để giảm chi phí tiêu hao.

- Lắp đặt hệ thống Rải liệu Thiêu kết.

- Lắp đặt hệ thống cầu trục vận chuyển phôi thép từ PX LuyệnThép ra bãi chứa để giảm chi phí vận tải".

- Rà soát lại các quy trình vận hành thiết bị, định mức sửa chữa các cấp để phù hợp với thực tế nhà máy sau hai năm hoạt động.

- Lắp đặt mới một số máy công cụ (máy xọc đứng, máy cưa cần, máy cân bằng động chi tiết quay) để nâng cao năng lực gia công, sửa chữa của Phân xưởng Cơ điện.

- Tiến hành phục hồi các vật tư thiết bị sau sửa chữa để tiết giảm chi phí mua vật tư (các hộp giảm tốc, động cơ, con lăn đúc liên tục …).

- Tiếp tục thực hiện công tác chăm sóc bảo dưỡng thiết bị để nâng cao thời gian huy động thiết bị vào sản xuất.

- Tập trung chú trọng công tác đào tạo nhân lực làm công tác Cơ điện.

2.11. Một số công tác khác:

Xây dựng tốt mối quan hệ đoàn kết giữa các đơn vị nội bộ trong Công ty; giữa Đảng, Chuyên môn và các tổ chức đoàn thể; cũng như tranh thủ sự giúp đỡ của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt nam, Tổng Công ty Khoáng

sản -TKV, của chính quyền địa phương để thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD năm 2017.

Tăng cường công tác bảo vệ và quản lý tài sản, tài nguyên, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan ban ngành trong công tác giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn;

Phát động các phong trào thi đua lao động, áp dụng khoa học kỹ thuật, phát huy sáng kiến - hợp lý hóa sản xuất góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất chung;

PHẦN III: KẾT LUẬN

Năm 2017 đã kết thúc, mặc dù kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty chưa đạt được như mong muốn nhưng qua một năm sản xuất Công ty đã đúc kết được nhiều kinh nghiệm về công tác quản lý, công tác chỉ đạo, công nhân trực tiếp vận hành dây chuyền sản xuất đã từng bước làm chủ được công nghệ, sản xuất dần ổn định, năng suất, chất lượng sản phẩm đã được cải thiện rõ rệt.

Với tình hình thị trường giá các loại vật tư liên tục tăng cao như hiện nay, năm 2018 Công ty sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình sản xuất, do vậy mỗi CBCNV trong toàn Công ty ở từng vị trí đang giữ các trọng trách được giao cần phải cố gắng học tập, rèn luyện để nâng cao năng lực điều hành cũng như nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đoàn kết một lòng, đồng tâm hợp lực, nỗ lực nhiều hơn nữa trong mọi công việc được giao phấn đấu tiết kiệm vật tư, tiết giảm các chi phí, phát huy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất nhằm đem lại hiệu quả cao nhất trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Kính thưa Đại hội.

Năm 2018 nhiệm vụ của Công ty rất nặng nề, HĐQT Công ty sẽ tập trung trí tuệ, nêu cao trách nhiệm, nỗ lực cùng Ban điều hành và CBCNV Công ty thực hiện tốt Kế hoạch đề ra. HĐQT Công ty tin tưởng với sự quan tâm, đồng thuận của các cổ đông, các cấp lãnh đạo, các sở ban ngành trong tỉnh và sự nỗ lực của CBCNV, Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng sẽ hoàn thành thắng lợi kế hoạch đầu tư xây dựng và SXKD năm 2018.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Cổ đông;
- BKS Cty;
- TV HĐQT;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Trịnh Văn Tuệ

TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU NĂM 2018

Đơn vị: Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng

B01.2-KH 2018

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	DKTH 2017	KH 2018	Tỷ lệ (%)
A	B	C	1	2	3=2/1
I	**Chỉ tiêu Doanh thu - Chi phí - Lợi nhuận**				
1	**Doanh thu**	**Tr.đ**	**2.183.546**	**2.207.000**	**101,07**
	- Doanh thu SX khoáng sản	"	2.183.546	2.202.000	
	- Doanh thu SX khác	"		5.000	
2	**Giá vốn bán hàng**	''	**2.031.457**	**2.003.393**	**98,62**
3	**Chi phí quản lý - bán hàng**	''	**17.685**	**29.598**	**167,36**
	Chi phí quản lý	"	14.150	23.898	168,89
	Chi phí bán hàng	"	3.535	5.700	161,24
4	**Lãi vay + CP tài chính**	''	**133.068**	**120.282**	**90,39**
5	**Lợi nhuận**	**Tr.đ**	**2.300**	**50.478**	**2.195**
	Lợi nhuận SXKD	"	2.300	50.478	2.195
	Lợi nhuận khác	"			
II	**Chế độ người lao động**	''			
1	Lao động thực tế bình quân KH	người	890	910	102,28
2	Năng suất lao động	Tr.đ/ng/năm	2.453	2.424	98,82
3	Tiền lương bình quân đầu người	trđ/ng/thg	6,540	7,159	109,46
III	**Nộp ngân sách**	**Tr.đ**	**75.000**	**89.355**	**119,14**
IV	**ĐTXD, SCL, SCTX**	''	**32.408**	**114.103**	**352,08**
1	Sửa chữa lớn	"	3.387	24.067	710,56
2	Sửa chữa thường xuyên	"	29.021	26.294	90,60
3	Đầu tư xây dựng	"		63.742	
V	**An toàn - Bảo hộ lao động**	''	**4.707**	**7.027**	**149,31**
VI	**Môi trường thường xuyên**	''	**1.210**	**2.060**	**170,25**
VII	**Sản phẩm**				
VII.1	**Sản phẩm sản xuất chủ yếu**				
1	Phôi thép	Tấn	190.169	190.000	99,91
VII.2	**Sản phẩm tiêu thụ chủ yếu**				
1	Phôi thép	Tấn	213.703	190.000	88,91
VIII	**Chi phí**	''			
VIII.1	**Giá thành sản xuất**	**10^3đ/TSp**			
1	Phôi thép	"	9.345	10.544	112,83
VIII.2	**Giá thành tiêu thụ**	**10^3đ/TSp**			
1	Phôi thép	"	10.139	11.333	111,78
VIII.3	**Giá bán sản phẩm dự kiến**	**10^3đ/TSp**			
1	Phôi thép	"	10.155	11.589	114,13
IX	**Giá trị gia tăng**				
1	Khấu hao tài sản	Tr.đ	120.465	120.556	100,08
2	Tổng quỹ tiền lương	"	69.842	78.198	111,96
3	BHXH, BHYT, KPCĐ	"	9.589	9.980	104,08
4	Thuế +phí môi trường (trong giá thành)	"	44.321	44.321	100,00

KẾ HOẠCH DOANH THU - LỢI NHUẬN NĂM 2018
Đơn vị: Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

TT	Chỉ tiêu	Tồn đầu kỳ		SX trong kỳ			Tiêu thụ trong kỳ								Lãi (+) Lỗ (-) (Tr.đ)	Tồn cuối kỳ	
							Doanh thu (chưa VAT)			Giá thành tiêu thụ (tr.đ)							
		Sản lượng (Tấn)	Giá trị) (Tr.đ	Sản lượng (Tấn)	GTĐV (1000đ)	Giá trị (Tr.đ)	Sản lượng (tấn)	Giá bán (1000đ)	Giá trị (Tr.đ)	Giá vốn	Chi phí QLDN	Chi phí lãi vay	CPBH	GTTT		Sản lượng (Tấn)	Giá trị (Tr.đ)
A	B	1	2	3	4	5	8	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20
	Tổng số		**17.316**			**2.003.393**			**2.207.000**						**50.478**		
1	**Sản phẩm phôi thép**	**1.833**	**17.316**	**190.000**	**10.544**	**2.003.393**	**190.000**	**11.589**	**2.202.000**	**2.003.393**	**23.898**	**120.282**	**5.700**	**11.333**	**48.727**	**1.833**	**17.316**
	CT5IIC			80.000	10.722	857.722	80.000	11.850	948.000	857.722	10.289	68.283	2.454	11.734	9.252	-	-
	Q235A			40.000	10.415	416.608	40.000	11.400	456.000	416.608	4.949	19.409	1.180	11.054	13.855	-	-
	SD295A			40.000	10.415	416.608	40.000	11.400	456.000	416.608	4.949	19.909	1.180	11.066	13.355	-	-
	E295			30.000	10.415	312.456	30.000	11.400	342.000	312.456	3.712	12.681	885	10.991	12.266	-	-
	Loại 2	1.833	17.316							-					-	1.833	17.316
2	**Gang đúc**																
3	**Sản phẩm ks khác**								**5.000**	**3.249**					**1.751**		
4	**Khác**																

CHI TIẾT GIÁ THÀNH LUYỆN KIM NĂM 2018

Đơn vị: Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng

KẾ HOẠCH NĂM 2018

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	ĐM tiêu hao trên 1 ĐV SP	Số lượng tiêu hao theo số lượng SP	Đơn giá bình quân đ/ĐVT	Thành tiền (tr.đồng)
1	*2*	*3*	*28*	*29*	*30*	*31*
A	**Số lượng sản phẩm sản xuất**					
1	**Phôi thép**	**Tấn**	**1.932.500,00**	**190.000**	**10.544.172**	**2.003.393**
-	CT5IIC	"	904.000,00	80.000	10.721.521	857.722
-	Q235A	"	374.000,00	40.000	10.415.191	416.608
-	SD295A	"	374.000,00	40.000	10.415.191	416.608
-	E295	"	280.500,00	30.000	10.415.191	312.456
-	Loại 2					
2	**Sản phẩm thu hồi**	**Tấn**				
-	Mê thép	"				
-	Gang mê + dính thùng	"				
3	**Gang đúc**					
B	**Tổng hợp chi phí**	**Tr.đồng**				**2.003.393**
1	Nguyên liệu, vật liệu	Tr.đồng				667.377
2	Nhiên liệu	Tr.đồng				923.234
3	Điện động lực	Tr.đồng				140.567
4	Tiền lương	Tr.đồng				62.197
5	BHXH, Y tế, kinh phí CĐ	Tr.đồng				7.929
6	Khấu hao TSCĐ	Tr.đồng				112.566
7	Chi phí mua ngoài, thuê ngoài	Tr.đồng				71.293
8	Chi phí khác	Tr.đồng				18.229
C	**Các chi phí công đoạn**	**Tr.đồng**				
C.1	**THIÊU KẾT**					
a	**Sản lượng**					
-	Quặng thiêu kết	Tấn		287.280	1.747.257	501.952
b	**Chi phí theo yếu tố**	**Tr.đồng**				**501.952**
1	**Nguyên liệu, vật liệu**	**Tr.đồng**				**338.024**
*	Nguyên liệu					
-	Quặng sắt	Tấn		274.000		
	Hàm lượng	%Fe				
	Tiêu hao	Kg.T qtk	953,77			
+	Quặng cám (0-8mm)	Tấn		75.000	506.522	37.989
	Hàm lượng sắt	%Fe				
	Tiêu hao	Kg.T qtk	261,07			
	Quặng cám 0-8mm (mua ngoài)	Tấn				
+	Tinh quặng (<1mm)	Tấn		199.000	1.297.561	258.215
*	*Vật tư chính*					
-	Đá vôi	Tấn		28.728	172.044	4.942
	Tiêu hao	Kg/TQtk	100,00			
-	Vôi sống	Tấn		17.649	1.380.000	24.355
	Tiêu hao	Kg/TQtk	61,43			
-	Đô lô mít	Tấn		14.364	208.140	2.990
	Tiêu hao	Kg/TQtk	50,00			
-	Thanh ghi thiêu kết	Cái		14.364	205.000	2.945

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	ĐM tiêu hao trên 1 ĐV SP	Số lượng tiêu hao theo số lượng SP	Đơn giá bình quân đ/ĐVT	Thành tiền (tr.đồng)
	Tiêu hao	Cái/Tqtk	0,05			
*	Vật tư phụ					
-	Chi phí sửa chữa lớn	Tr.đồng				5.467
-	Chi phí sửa chữa thường xuyên	Tr.đồng				3.323
-	Tiết kiệm chi phí	%				-2.201
2	**Nhiên liệu**					**76.958**
-	Than cám	Tấn		12.237	2.850.000	34.875
	Tiêu hao	Kg/TQtk	42,60			
-	Than cốc vụn	Tấn		5.000	9.000.000	45.000
	Tiêu hao	Kg/TQtk	17,40			
	Nhiên liệu khâu phụ trợ (dầu DO (	Lít				1.133
-	Tiết kiệm chi phí	%				-4.050
3	**Năng lượng**					**34.047**
-	Điện năng	kWh		13.789.440	1.450	19.995
	Tiêu hao	kWh/TQtk	48,00			
-	Điện năng khâu phụ trợ	kWh				15.844
-	Tiết kiệm chi phí	%				-1.792
4	**Tiền lương**	**Tr.đồng**				**13.732**
	Tiền lương	Tr.đồng				9.778
	Tiền lượng khâu phụ trợ	Tr.đồng				3.954
5	**BHXH, Y tế, kinh phí CĐ**	**Tr.đồng**				**1.727**
	BHXH, Y tế, kinh phí CĐ	Tr.đồng				1.033
	BHXH, YT, KPCĐ khâu phụ trợ	Tr.đồng				695
6	**Khấu hao TSCĐ**	**Tr.đồng**				**31.976**
7	**Chi phí mua ngoài, thuê ngoài**	**Tr.đồng**				
8	**Chi phí khác**	**Tr.đồng**				**5.488**
	Ăn ca	Tr.đồng				842
	CP sản xuất chung	Tr.đồng				4.646
C.2	**LUYỆN GANG**					
a	**Sản lượng**					
-	Gang lỏng	Tấn		199.500	7.907.288	1.577.504
	Trong đó, gang đúc					
b	**Chi phí theo yếu tố**	**Tr.đồng**				**1.577.504**
1	**Nguyên liệu, vật liệu**	**Tr.đồng**				**574.369**
*	Nguyên liệu					
-	Quặng vào lò cao	Tấn		359.100		
	Hàm lượng sắt	%Fe				
	Tiêu hao	T/T GL	1,80			
+	Quặng thiêu kết	Tấn		287.280	1.747.257	501.952
	Hàm lượng sắt	%Fe				
	Tiêu hao	Kg/T GL	1.440,00			
+	Quặng sắt cục (8-38mm)	Tấn		71.820	710.093	50.999
	Hàm lượng sắt	%Fe				
	Tiêu hao	Kg/T GL	360,00			
*	Vật tư chính					
-	Đá vôi(10 - 40mm)	Tấn		599	172.044	103
	Tiêu hao	Kg/T GL	3,00			

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	ĐM tiêu hao trên 1 ĐV SP	Số lượng tiêu hao theo số lượng SP	Đơn giá bình quân đ/ĐVT	Thành tiền (tr.đồng)
-	Đá đôlomite (10-40 mm)	Tấn				
	Tiêu hao	Kg/T GL				
-	Huỳnh thạch	Tấn		20	6.000.000	120
	Tiêu hao	Kg/T GL	0,10			
*	Vật tư phụ					
-	Mắt gió nhỏ	Cái		40	12.400.000	496
	Tiêu hao	ái/1000 TGI	0,20			
-	Mắt gió vừa	Cái		8	38.500.000	308
	Tiêu hao	ái/1000 TGI	0,04			
-	Ống cong	Cái		9	63.000.000	567
	Tiêu hao	ái/1000 TGI	0,05			
-	Ống thổi thẳng	Cái		10	24.100.000	241
	Tiêu hao	ái/1000 TGI	0,05			
-	Mũi khoan lỗ gang Φ50	Cái				
	Tiêu hao	ái/1000 TGL				
-	Mũi khoan lỗ gang Φ60	Cái		400	338.000	135
	Tiêu hao	ái/1000 TGI	2,01			
-	Khuôn đúc gang	Cái				
	Tiêu hao	ái/1000 TGL				
-	Túi vải	Cái		1.000	847.000	847
	Tiêu hao	ái/1000 TGI	5,01			
-	Thép ống Φ14	Kg		6.500	17.100	111
	Tiêu hao	Kg/TGL	0,033			
-	Thép ống Φ16	Tấn		19,50	16.284.462	318
	Tiêu hao	kg/TGL	0,10			
-	Thép tròn Φ25-30	Tấn		6	20.200.000	121
	Tiêu hao	kg/TGL	0,03			
-	Cát sông	m3		1.000	310.000	310
	Tiêu hao	m3/TGL	0,01			
-	Vôi cục	Tấn				
	Tiêu hao	kg/TGL				
-	Củi	Ste		200	400.000	80
	Tiêu hao	ste/1000TGL	1,00			
-	Vỏ trấu(15kg/bao)	Tấn		20	2.820.538	56
	Tiêu hao	kg/TGL	0,10			
-	Vật liệu chịu lửa (DV bao thầu)	Tr.đồng				
-	Vật tư khác	%				
-	Chi phí sửa chữa lớn	Tr.đồng				8.083
-	Chi phí sửa chữa thường xuyên	Tr.đồng				10.649
-	Tiết kiệm chi phí	%				-1.127
2	**Nhiên liệu**	**Tr.đồng**				**845.143**
-	Than cám 3A	Tấn		22.943	2.726.876	62.561
	Tiêu hao	kg/Tgl	115,00			
-	Than cốc	Tấn		91.770	9.000.000	825.930
	Tiêu hao	kg/Tgl	460,00			
-	Dầu Diezel	Lít				
	Tiêu hao	Lít/TGL				

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	ĐM tiêu hao trên 1 ĐV SP	Số lượng tiêu hao theo số lượng SP	Đơn giá bình quân đ/ĐVT	Thành tiền (tr.đồng)
-	Nhiên liệu khâu phụ trợ (dầu DO (	Lít				1.133
-	Tiết kiệm chi phí	%				-44.481
3	**Điện động lực**					**67.913**
-	Điện năng	kWh		35.910.000	1.450	52.070
	Tiêu hao	kWh/T.GL	180,00			
-	Điện năng khâu phụ trợ	kWh				15.844
-	Tiết kiệm chi phí	%				-3.396
4	**Tiền lương**	**Tr.đồng**				**21.167**
-	Tiền lương	Tr.đồng				17.214
-	Tiền lượng khâu phụ trợ	Tr.đồng				3.954
5	**BHXH, Y tế, kinh phí CĐ**	**Tr.đồng**				**3.100**
-	BHXH, Y tế, kinh phí CĐ	Tr.đồng				2.406
-	BHXH, YT, KPCĐ khâu phụ trợ	Tr.đồng				695
6	**Khấu hao TSCĐ**	**Tr.đồng**				**36.310**
7	**Chi phí mua ngoài, thuê ngoài**	**Tr.đồng**				**23.362**
-	Dịch vụ bao thầu vật liệu chịu lửa	Tr.đồng		199.500	69.462	13.858
-	Dịch vụ thuê chuyên gia vận hành	Tr.đồng				9.504
8	**Chi phí khác**	**Tr.đồng**				**6.139**
-	Ăn ca	Tr.đồng				1.493
-	CP sản xuất chung	Tr.đồng				4.646
C.3	**PHÔI THÉP**					
a	**Sản lượng**	**Tấn**		**190.000**	**10.544.172**	**2.003.393**
-	CT5IIC	Tấn				
-	Q235A	Tấn				
-	SD295A	Tấn				
-	E295	Tấn				
-	Loại 2	Tấn				
-	Mê thép	Tấn				
-	Gang mê + dính thùng	Tấn				
b	**Chi phí theo yếu tố**					**2.003.393**
1	**Nguyên liệu, vật liệu**					**1.834.440**
*	Nguyên liệu					
-	Gang lỏng (nước gang)	Tấn		199.500	7.907.288	1.577.504
	Hàm lượng	%Fe				
	Tiêu hao	Kg/T phôi	1.050,00			
-	Thép phế	Tấn		18.050	8.500.000	153.425
	Hàm lượng	%Fe				
	Tiêu hao	Kg/T phôi	95,00			
-	Gang cục	Tấn				
	Hàm lượng	%Fe				
	Tiêu hao	Kg/T phôi				
*	Vật tư chính					
-	Quặng sắt quặng cục	Tấn		1.140	710.093	810
	Tiêu hao	Kg/T phôi	6,00			
-	Ferro silic 75%	Tấn				
	Tiêu hao	Kg/T phôi				
-	Ferro silic 45%	Tấn		523	24.900.000	13.010

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	ĐM tiêu hao trên 1 ĐV SP	Số lượng tiêu hao theo số lượng SP	Đơn giá bình quân đ/ĐVT	Thành tiền (tr.đồng)
	Tiêu hao	Kg/T phôi	2,75			
-	Ferro Mangan	Tấn		760	19.300.000	14.668
	Tiêu hao	Kg/T phôi	4,00			
-	Silico Mangan	Tấn		1.235	21.443.502	26.483
	Tiêu hao	Kg/T phôi	6,50			
-	Nhôm cục	Tấn		67	33.819.024	2.249
	Tiêu hao	Kg/T phôi	0,35			
-	Vôi nung (10 -50mm)	Tấn		10.450	1.380.000	14.421
	Tiêu hao	Kg/T phôi	55,00			
-	Đôlômit (10 -40 mm)	Tấn		1.900	208.140	395
	Tiêu hao	Kg/T phôi	10,00			
-	Huỳnh thạch	Tấn				
	Tiêu hao	Kg/T phôi				
-	Điện cực graphit	Tấn				
	Tiêu hao	Kg/T phôi				
-	Chất khử Ôxy (Si-Ca)	Tấn		95	39.500.000	3.753
	Tiêu hao	Kg/T phôi	0,50			
-	Chất tăng các bon	Tấn		429	19.833.333	8.516
	Tiêu hao	Kg/T phôi	2,26			
-	Than Antraxit	Tấn				
	Tiêu hao	Kg/T phôi				
-	Chất phủ (sử dụng trấu)	Tấn		152	2.820.538	429
	Tiêu hao	Kg/T phôi	0,80			
*	Vật tư phụ					
-	Dầu bảo vệ bộ kết tinh (dầu hạt cả	Lít		3.800	84.150	320
	Tiêu hao	Lít/T phôi	0,02			
-	Xỉ bảo vệ bộ kết tinh	Tấn		57	17.501.751	998
	Tiêu hao	kg/T phôi	0,30			
-	Đầu kiểm tra nhiệt độ	Cái		95	13.000	1
	Tiêu hao	ộ/1000 T ph	0,50			
-	Dụng cụ lấy mẫu	Cái		13.300	20.111	267
	Tiêu hao	Cái/T phôi	0,07			
-	Cửa ra thép	Cái		0	20.190.721	0
	Tiêu hao	Cái/1000 TSP				
-	Ống đồng bộ kết tinh	Cái		57	33.646.042	1.918
	Tiêu hao	Cái/1000 TSI	0,30			
-	Đầu súng Oxy	Cái		86	780.000	67
	Tiêu hao	Cái/1000 TSI	0,45			
-	Vật liệu chịu lửa (DV bao thầu)	Tr.đồng				
-	Vật tư khác	%				
-	Chi phí sửa chữa lớn	Tr.đồng				9.850
-	Chi phí sửa chữa thường xuyên	Tr.đồng				10.804
-	Tiết kiệm chi phí	%				-5.448
2	**Nhiên liệu**					**1.133**
	Dầu Diezel	Lít				
	Tiêu hao	Lít/T phôi				
-	Nhiên liệu khâu phụ trợ (dầu DO	Lít				1.133

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	ĐM tiêu hao trên 1 ĐV SP	Số lượng tiêu hao theo số lượng SP	Đơn giá bình quân đ/ĐVT	Thành tiền (tr.đồng)
3	**Điện động lực**					**38.607**
-	Điện năng	kWh		17.100.000	1.450	24.795
	Tiêu hao	kWh/Phôi	90,00			
-	Điện năng khâu phụ trợ	kWh				15.844
-	Tiết kiệm chi phí	%				-2.032
4	**Tiền lương**	**Tr.đồng**				**27.298**
-	Tiền lương	Tr.đồng				23.345
-	Tiền lượng khâu phụ trợ	Tr.đồng				3.954
5	**BHXH, Y tế, kinh phí CĐ**	**Tr.đồng**				**3.101**
-	BHXH, Y tế, kinh phí CĐ	Tr.đồng				2.407
-	BHXH, YT, KPCĐ khâu phụ trợ	Tr.đồng				695
6	**Khấu hao TSCĐ**	**Tr.đồng**				**44.280**
7	**Chi phí mua ngoài, thuê ngoài**	**Tr.đồng**				**47.931**
-	Dịch vụ bao thầu vật liệu chịu lửa	Tr.đồng		190.000	192.269	36.531
-	Dịch vụ thuê chuyên gia vận hành	Tr.đồng				11.400
8	**Chi phí khác**	**Tr.đồng**				**6.602**
-	Ăn ca	Tr.đồng				1.956
-	CP sản xuất chung	Tr.đồng				4.646
C4	**PHỤ TRỢ**					
*	**Sản lượng**					
-	Oxy	Nm3/T.phôi		30.636.000		
-	Nitơ			62.928.000		
-	Argon	Nm3/T.phôi				
-	Nước	m3				
*	**Vật tư**					**6.874**
	CP sửa chữa lớn PX năng lượng					2.500
	CP sửa chữa TX PX năng lượng + Cơ điện					4.374
*	**Nhiên liệu**					**3.399**
-	Nhiên liệu vận tải (Dầu DO 0,05S	Lít		239.400	14.200	3.399
	Tiêu hao	Lít/TGL	1,20			
-	Dầu mỡ phụ bôi trơn các loại	0,05%				
*	**Điện động lực**					**47.532**
-	Điện năng	KWh		32.780.520	1.450	47.532
	Tiêu hao	KWh/Nm3	1,07			
-	Điện trạm bơm cấp nước nguồn	KWh				
	Tiêu hao	KWh/m3				
4	**Tiền lương**	**Tr.đồng**				**11.861**
-	Tiền lương	Tr.đồng				11.861
5	**BHXH, Y tế, kinh phí CĐ**	**Tr.đồng**				**2.084**
-	BHXH, Y tế, kinh phí CĐ	Tr.đồng				2.084

CHI TIẾT GIÁ THÀNH TUYỂN KHOÁNG NĂM 2018

Đơn vị: Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng

TT	Yếu tố chi phí	ĐVT	ĐM tiêu hao trên 1 ĐV SP	Số lượng tiêu hao theo số lượng SP	Đơn giá bình quân đ/ĐVT	Thành tiền (tr.đồng)
A	*B*	*C*				
	GIÁ THÀNH SẢN PHẨM			**234.000**		**178.500**
	Tinh quặng sắt <1mm	Tấn		84.000	1.265.164	106.274
	Quặng sắt vụn 0-8mm	Tấn		75.000	481.507	36.113
	Quặng sắt cục 8-38mm	Tấn		75.000	481.507	36.113
*	**Dở dang đầu kỳ**					
	Tinh quặng sắt <1mm	Tấn				
	Quặng sắt vụn 0-8mm	Tấn				
	Quặng sắt cục 8-38mm	Tấn				
*	**Phát sinh trong kỳ**			**234.000**		**178.500**
	Tinh quặng sắt <1mm	Tấn		84.000	1.265.164	106.274
	Quặng sắt vụn 0-8mm	Tấn		75.000	481.507	36.113
	Quặng sắt cục 8-38mm	Tấn		75.000	481.507	36.113
*	**Dở dang cuối kỳ**					
	Tinh quặng sắt <1mm	Tấn				
	Quặng sắt vụn 0-8mm	Tấn				
	Quặng sắt cục 8-38mm	Tấn				
A	**Số lượng sản phẩm sản xuất**			**234.000**		**178.500**
-	Tinh quặng sắt <1mm	Tấn		84.000	1.265.164	106.274
-	Quặng sắt vụn 0-8mm	Tấn		75.000	481.507	36.113
-	Quặng sắt cục 8-38mm	Tấn		75.000	481.507	36.113
B	**Tổng hợp chi phí**					**178.500**
1	Nguyên liệu, vật liệu	Tr.đồng				151.196
2	Nhiên liệu	Tr.đồng				1.498
3	Điện động lực	Tr.đồng				8.709
4	Tiền lương	Tr.đồng				3.338
5	BHXH, Y tế, kinh phí CĐ	Tr.đồng				471
6	Khấu hao TSCĐ	Tr.đồng				6.028
7	Chi phí mua ngoài, thuê ngoài	Tr.đồng				6.898
8	Chi phí khác	Tr.đồng				360
C	**Các chi phí công đoạn**					
C.1	**Khâu đập, sàng**					
I	**Sản phẩm**			**350.000**	**438.677**	**153.537**
1	Quặng cỡ trên sàng 8-38mm	Tấn		75.000	481.507	36.113
-	Hàm lượng	%Fe		58,00		
2	Quặng vào nghiền tuyển	Tấn		200.000	406.554	81.311
-	Hàm lượng	%Fe		49,97		
3	Quặng vụn 0-8mm	Tấn		75.000	481.507	36.113
-	Hàm lượng	%Fe		58,00		
II	**Chi phí theo yếu tố**					**153.537**
	Chi phí nghiền đập				33.783	11.824
1	**Nguyên liệu, vật liệu**					**141.713**
1.1	Nguyên liệu					
	Quặng nguyên khai vào đập sàng	Tấn		350.000	395.630	138.471
1.2	Tiêu hao vật tư					
	Má tĩnh máy đập hàm thô PE750x1060	Cái/1000TNK	0,01	3,50	57.291.224	201
	Má động máy đập hàm thô PE750x1060	Cái/1000TNK	0,01	3,50	57.291.224	201

TT	Yếu tố chi phí	ĐVT	ĐM tiêu hao trên 1 ĐV SP	Số lượng tiêu hao theo số lượng SP	Đơn giá bình quân đ/ĐVT	Thành tiền (tr.đồng)
	Thanh chèn máy đập hàm thô	Cái/1000TNK	0,01	3,50	31.496.000	110
	Vách đập côn máy đập (2cái/bộ)	Bộ/1000TNK				
	Đĩa phân phối máy đập (2cái/bộ)	Bộ/1000TNK				
	Vách cán đập côn (2cái/bộ)	Bộ/1000TNK				
	Hợp kim kẽm máy đập côn	Kg/1000TNK				
	Má tĩnh máy đập hàm trung PEX 300x1300	Cái/1000TNK	0,01	3,50	57.291.224	201
	Má động máy đập hàm trung PEX 300x1300	Cái/1000TNK	0,01	3,50	57.291.224	201
	Thanh chèn máy đập hàm trung	Cái/1000TNK	0,01	3,50	31.496.000	110
	Nón tĩnh máy đập côn PYD 1200	Cái/1000TNK	0,01	3,50	57.291.224	201
	Nón động máy đập côn PYD 1200	Cái/1000TNK	0,01	3,50	57.291.224	201
	Lưới sàng S1 (1,8 m x4,8 m lỗ 30 mm)	Cái/1000TNK	0,02	7,00	45.000.000	315
	Lưới sàng S2 (1,8 m x4,8 m lỗ 10 mm)	Cái/1000TNK	0,10	35,00	45.000.000	1.575
*	Vật tư khác	%				99
	Tiết kiệm 5%	%				-171
2	**Nhiên liệu**	**Tr.đồng**				**642**
	Dầu DO 0,05S phục vụ bốc xúc quặng nguyên kha	lít/T	0,30	45.000,00	14.200	639
	Dầu mỡ phụ bôi trơn các loại					3
3	**Điện động lực**					**3.732**
	Điện năng	KWh/TNK	16,16	2.424.000,00	1.450	3.515
	Điện năng phục vụ khai trường	KWh/TNK	1,00	150.000,00	1.450	218
4	**Tiền lương**	**Tr.đồng**				**1.113**
5	**BHXH, Y tế, kinh phí CĐ**	**Tr.đồng**				**157**
6	**Khấu hao TSCĐ**	**Tr.đồng**				**2.009**
7	**Chi phí mua ngoài, thuê ngoài**	**Tr.đồng**				**4.050**
	Chi phí thuê VC quặng từ xưởng tuyển về nhà máy			150.000	27.000	4.050
8	**Chi phí khác**	**Tr.đồng**				**120**
	Ăn ca					120
	CP sản xuất chung					
C.2	**Khâu nghiền tuyển**					
a	**Sản phẩm**			**200.000**		
1	Tinh quặng sắt	Tấn		84.000	1.265.164	106.274
	Hàm lượng	%Fe		62,00		
	Thực thu	%		52,11		
2	Quặng trung gian	Tấn				
	Hàm lượng	%Fe				
3	Q.Đuôi tuyển	Tấn		116.000		
	Hàm lượng	%Fe		41,26		
b	**Chi phí theo yếu tố**					**106.274**
1	**Nguyên liệu, vật liệu**					**90.794**
1.1	Nguyên liệu					
	Quặng qua đập sàng vào nghiền tuyển	Tấn		200.000	406.554	81.311
	Hàm lượng	%Fe				
1.2	Tiêu hao vật tư					
*	Vật tư cơ điện					
	Cánh Máy rửa cánh vuông	kg/1000TNK	18,00	3.600	45.000	162
	Bộ (01 Hàm tĩnh, 01 hàm động, 01 thanh chèn) ma	kg/1000TNK	15,00	3.000	360.000	1.080
	Bi nghiền phi 80	Kg/TNK	0,85	170	14.850.000	2.525
	Tấm lót máy nghiền bi 27000*4000	Kg/TNK	0,30	60	44.000.000	2.640
	Vỏ bơm cát	Cái/1000TNK				
	Cánh bơm cát	Cái/1000TNK				

TT	Yếu tố chi phí	ĐVT	ĐM tiêu hao trên 1 ĐV SP	Số lượng tiêu hao theo số lượng SP	Đơn giá bình quân đ/ĐVT	Thành tiền (tr.đồng)
	Bộ (01 vỏ bơm, 01 cánh bơm)	Bộ/1000TNK	0,03	6	50.000.000	300
	Vật tư khác	%				
	Chi phí sửa chữa lớn	Tr.đồng				1.000
	Chi phí sửa chữa thường xuyên	Tr.đồng				2.276
	Tiết kiệm 5%	%				-499
2	**Nhiên liệu**					**856**
	Dầu DO 0,05S phục vụ bốc xúc tinh quặng	lít/T	0,30	60.000	14.200	852
	Dầu mỡ phụ bôi trơn các loại					4
3	**Điện động lực**					**4.976**
	Điện năng	KWh/TNK	16,16	3.232.000	1.450	4.686
	Điện năng phục vụ khai trường	KWh/TNK	1,00	200.000	1.450	290
4	**Tiền lương**	**Tr.đồng**				**2.226**
5	**BHXH, Y tế, kinh phí CĐ**	**Tr.đồng**				**314**
6	**Khấu hao TSCĐ**	**Tr.đồng**				**4.019**
7	**Chi phí mua ngoài, thuê ngoài**	**Tr.đồng**				**2.848**
	Chi phí thuê VC quặng từ xưởng tuyển về nhà máy			84.000	27.000	2.268
	Chi phí bốc xúc,V/c quặng nghèo NK từ bãi chứa về xưởng tuyển					
	Chi phí bốc xúc, vận chuyển quặng đuôi tuyển lên bãi			116.000	5.000	580
8	**Chi phí khác**	**Tr.đồng**				**240**
	Ăn ca					240
	CP sản xuất chung					

CHI TIẾT GIÁ THÀNH KHAI THÁC NĂM 2018

Đơn vị: Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng

Kế hoạch năm 2018

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	*B*	*C*			
	GIÁ THÀNH SẢN PHẨM		**350.000**	**395.630**	**138.471**
-	Quặng hợp cách (0-38mm, >60%Fe)	Tấn	150.000	447.724	67.159
-	Quặng nghèo <50%Fe	Tấn	200.000	356.560	71.312
*	**Dở dang đầu kỳ**		**307.772**	**361.973**	**111.405**
-	*Quặng hợp cách (0-38mm, >60%Fe)*	*Tấn*			
-	*Quặng nghèo <50%Fe*	*Tấn*	307.772	361.973	111.405
*	**Phát sinh trong kỳ**		**350.000**	**390.870**	**136.805**
-	*Quặng hợp cách (0-38mm, >60%Fe)*	*Tấn*	150.000	447.724	67.159
-	*Quặng nghèo <50%Fe*	*Tấn*	200.000	348.230	69.646
*	**Dở dang cuối kỳ**		**307.772**	**356.560**	**109.739**
-	*Quặng hợp cách (0-38mm, >60%Fe)*	*Tấn*			
-	*Quặng nghèo <50%Fe*	*Tấn*	307.772	356.560	109.739
A	**Số lượng sản phẩm sản xuất**				
-	Quặng sắt NK	Tấn	350.000	402.952	141.033
	Quặng hợp giàu (60%Fe)		150.000	447.724	67.159
	Quặng nghèo (48%Fe)		200.000	348.230	69.646
B	**Tổng hợp chi phí**		**350.000**	**402.952**	**141.033**
1	**Nguyên liệu, vật liệu**	**Tr.đồng**			
2	**Nhiên liệu**	**Tr.đồng**			
3	**Điện động lực**	**Tr.đồng**			
4	**Tiền lương**	**Tr.đồng**			
5	**BHXH, Y tế, kinh phí CĐ**	**Tr.đồng**			
6	**Khấu hao TSCĐ**	**Tr.đồng**			
7	**Chi phí mua ngoài, thuê ngoài**	**Tr.đồng**			**71.807**
*	***Thi công bóc đất, đá và khai thác quặng***	***Tr.đồng***	***350.000***	***205.163***	***71.807***
-	Khoan, nổ mìn phá đá đường kính 105mm (lần 1)	m3	1.030.000	25.616	26.384
-	Khoan, nổ mìn phá quặng đường kính 105mm (lần	m3	85.365	31.076	2.653
-	Khoan, nổ mìn phá đá đường kính 36-40mm (lần 1	m3	20.600	48.275	994
-	Khoan, nổ mìn phá quặng đường kính 36-40mm (l	m3	4.270	56.145	240
-	Xúc đất	m3	20.000	9.540	191
-	Xúc đá	m3	1.030.000	10.012	10.312
-	Xúc quặng	m3	85.365	12.675	1.082
-	Vận chuyển đất, cự ly 0,86 km (BT01)	m3	20.000	13.515	270
-	Vận chuyển đá, cự ly 1,03 km (BT01)	m3		20.412	0
-	Vận chuyển đá, cự ly 1,63	m3	1.030.000	24.026	24.747
-	Vận chuyển quặng, cự ly 1,31 km (XT)	m3	85.365	34.923	2.981
-	San gạt bãi thải đất (35%KL)	m3	7.000	4.906	34
-	San gạt bãi thải đá (35%KL)	m3	360.500	5.320	1.918
*	***Gia công đập, nghiền + máy thi công***				
8	**Chi phí khác**	**Tr.đồng**			**69.226**
-	Ăn ca	Tr.đồng			

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
-	Chi phí đền bù GPMB	Tr.đồng	350.000	40.493	14.173
-	Phí cấp quyền khai thác	Tr.đồng	350.000	14.571	5.100
-	Thuế tài nguyên	Tr.đồng	350.000	63.000	22.050
-	Phí bảo vệ môi trường	Tr.đồng	350.000	63.630	22.271
-	Chi phí sử dụng tài liệu địa chất	Tr.đồng	350.000	6.060	2.121
-	Chi phí tư vấn	Tr.đồng	350.000	5.120	1.792
-	Tiền thuê đất	Tr.đồng	350.000	1.200	420
-	Chi phí thăm dò phục vụ sản xuất	Tr.đồng			800
-	Lập bản đồ cơ lý	Tr.đồng			500
-	Khác	Tr.đồng			

CHI TIẾT CHI PHÍ QUẢN LÝ NĂM 2018

TT	Nội dung chi phí	ĐVT	Thành tiền	Ghi chú
1	**Nguyên liệu, vật liệu**	**Tr.đồng**		
2	**Nhiên liệu**	"	**185**	
	Ô tô 4 chỗ ngồi 11K - 9858	"	65	
	Ô tô 7 chỗ ngồi 11K - 2949	"	70	
	Ô tô 10 chỗ ngồi 11K - 3533	"	50	
3	**Điện động lực**		**1.100**	
	- Điện năng cho Ban điều hành Khu LHGT	*Tr.đồng*	*990*	
	- Điện năng cho Ban điều hành Mỏ	"	*110*	
4	**Tiền lương**	"	**12.663**	
5	**BHXH, Y tế, kinh phí CĐ**	"	**1.580**	
6	**Khấu hao TSCĐ**	"	**1.960**	
7	**Chi phí mua ngoài, thuê ngoài**	"	**670**	
	Chi phí VPP, công cụ, dụng cụ	"	250	
	Chi phí điện thoại, Internet	"	350	
	Thuê kiểm toán	"	70	
8	**Chi phí khác**	"	**3.971**	
	Ăn ca	"	1.071	
	BHLĐ, trang phục công sở	"	400	
	Chi bằng tiền khác	"	2.500	
	TỔNG CỘNG	Tr.đồng	**23.898**	

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TÁC AT-VSLĐ NĂM 2018

Đơn vị: Công ty Cổ phần Gang Thép Cao Bằng

Biểu số: 2.7 KH/ATMT

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018			Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện		Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)		Bắt đầu	Kết thúc	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	**Biện pháp kỹ thuật an toàn, PCCN**				**1.628.330.000**				
1	Thiết bị che chắn	T bị	25	300.000	7.500.000	P.ATMT+P.KTCĐ	01/01/2018	31/12/2018	
2	Thiết bị bảo vệ, biển báo, nội quy, ...	Cái	50	280.000	14.000.000	P.ATMT+P.KTCĐ	01/01/2018	31/12/2018	
3	Mua bổ sung dụng cụ PCCC + tiêu lệnh	Bình	50	550.000	27.500.000	P.ATMT+P.KTCĐ	01/01/2018	31/12/2018	
4	Kiểm định thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ	TH	5	2.500.000	12.500.000	P.ATMT+P.KTCĐ			
5	Thí nghiệm dụng cụ an toàn và thiết bị điện	Lần	1	750.000.000	750.000.000	P.CĐ	Quý II	Quy IV	
6	Đăng ký đăng kiểm xe cơ giới	xe	3	1.260.000	3.780.000	VP	01/01/2018	31/12/2018	
7	Bảo hiểm máy móc thiết bị xe cơ giới	xe	3	850.000	2.550.000	VP	01/01/2018	31/12/2018	
8	Phòng chống thiên tai - TKCN, ƯCSC				810.500.000				
II	**Biện pháp KT VSLĐ, PCĐH, cải thiện ĐKLĐ**				**34.000.000**				
1	Lắp đặt, bổ sung hệ thống thông gió (Quạt)	Cái	6	2.500.000	15.000.000	P.ATMT	01/01/2018	31/12/2018	
2	Lắp đặt, bổ sung hệ thống chiếu sáng cho nhà xưởng	HT	4	2.500.000	10.000.000	P.ATMT	01/01/2018	31/12/2018	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018			Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện		Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)		Bắt đầu	Kết thúc	
3	Chống ồn, chống bụi, chống nóng...(Các phân xưởng)	HT	3	3.000.000	9.000.000	P.ATMT	01/01/2018	31/12/2018	
III	**Trang bị PT bảo vệ cá nhân cho NLĐ**	**Người**	**880**		**1.208.269.000**	P.ATMT+P. VT	Quý II	Quý IV	
IV	**Chăm sóc sức khỏe người lao động**				**4.002.460.000**	P.TCLĐ			
1	Đo kiểm tra môi trường lao động	lần	1	26.700.000	26.700.000	P.ATMT			
2	Khám sức khỏe định kỳ 02 lần/năm (Lao động trực tiếp)	lượt người	1.500	210.000	315.000.000	P.TCHC	Quý II	Quy II	
3	Khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm (LĐ gián tiếp)	lượt người	130	210.000	27.300.000	P.TCHC	Quý II	Quy II	
4	Bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật mức 1	suất	77.328	10.000	773.280.000	P.TCHC	01/01/2018	31/12/2018	
5	Bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật mức 2	suất	101.220	15.000	1.518.300.000	P.TCHC	01/01/2018	31/12/2018	
6	Bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật mức 3	suất	57.144	20.000	1.142.880.000	P.TCHC	01/01/2018	31/12/2018	
7	Chi phí cấp cứu TNLĐ	lượt người	2	7.000.000	14.000.000	P.ATMT			
8	Bảo hiểm Tai nạn lao động + Bệnh nghề nghiệp	lượt người	880	210.227	185.000.000	P.TCHC	01/01/2018	31/12/2018	
V	**Tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện ATVSLĐ**				**154.172.000**				
1	Huấn luyện về AT-VSLĐ	lượt người	880			P.TCLĐ+ATMT	Quý II	Quy III	
2	Huấn luyện diễn tập PCCC	người	146	250.000	36.500.000	P. ATMT			
3	Tháng hành động ATVSLĐ	lần	1	15.000.000	15.000.000	ATMT+ PX			
4	Phụ cấp ATVSV	Người	62	1.656.000	102.672.000	Công đoàn +TCHC			
	Tổng cộng (I+II+III+IV+V)				**7.027.231.000**				

KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI - TÌM KIẾM CỨU NẠN, ƯCSC NĂM 2018

Đơn vị: Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng

Biểu số: 2.6 KH/ATMT

Số TT	Vị trí, nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Giá trị (đ)	Ghi chú
	Tổng số			**488.000.000**	
I	**Công tác thoát nước, nạo vét mương rãnh**	m3	**1.400**	**375.000.000**	
1	Khơi thông mương thoát nước, hố thu…	m3	600	150.000.000	
2	Xây dựng đập ngăn bùn thải và kè rọ đá lọc nước	m3	800	225.000.000	
3	Xây kề chân bãi thải số 3 mỏ sắt Nà Rụa				
II	**Công tác đảm bảo cơ điện**			**40.000.000**	
1	Sửa chữa, gia cố hệ thống lưới điện, máy móc	HT	02	20.000.000	
2	Lắp đặt bổ sung điện chiếu sáng	HT	02	10.000.000	
3	Lắp đặt bổ sung điện chiếu sáng bãi thải, nhà xưởng.....	HT	02	10.000.000	
III	**Gia cố nhà cửa, nhà xưởng**			**15.000.000**	
1	Sửa chữa nhà xưởng	m2	60	15.000.000	
IV	**Mua sắm trang bị, vật tư**			**15.000.000**	
1	Mua sắm dụng cụ, vật tư phòng chống (Đèn pin, ủng cao su, quần áo đi mưa, ...	bộ	20	10.000.000	
2	Mua sắm thiết bị phòng chống (Bình cứu hỏa, thang di động...)	Bình	10	5.000.000	
V	**Đào tạo huấn luyện, trực PCTT, ƯCSC**			**43.000.000**	
1	Đào tạo, huấn luyện, diễn tập, ứng cứu sự cố	Cuộc	02	35.000.000	
2	Trực mưa bão, ƯCSC	ca	8	8.000.000	

KẾ HOẠCH CHI PHÍ MÔI TRƯỜNG THƯỜNG XUYÊN NĂM 2018

Đơn vị: Công ty Cổ phần Gang Thép Cao Bằng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Gía trị (đồng)	Ghi chú
1	Quan trắc môi trường định kỳ	Quý	4	250.000.000	
2	Nạo vét mương rãnh	m3	1.200	440.000.000	
-	Nạo vét các bể nước và mương ránh thoát nước KLH và Xưởng tuyển mỏ sắt Nà Rụa	m3	1.000		
-	Nạo vét mương thoát nước chân bãi thải số 3	m3	200		
-	Bể nước thiêu kết				
-	Nạo vét hệ thống hố thu, mương rãnh				
3	Trồng cây xanh	Cây	4.000	50.000.000	
-	Chi phí mua cây	Cây	4.000		
-	Chi phí trồng cây + nhân công + Phân bón	Nhân công	100		
4	Thu gom, xử lý chất thải nguy hại	Kg	3.500	50.000.000	
5	Chi phí lập hồ sơ, xin giấy phép xả nước thải vào nguồn nước tại khu liên hợp Gang thép.	Lập HS báo cáo	1	150.000.000	
	Chi phí lập hồ sơ, xin giấy phép xả nước thải Mỏ	Lập HS báo cáo			
	Chi phí lập hồ sơ, xin giấy phép khai thác nước mặt KLH	Lập HS báo cáo			
	Chi phí lập hồ sơ, xin giấy xác nhận hoàn thành các công trình BVMT khu Nam mỏ Nà Rụa				
6	Sửa chữa, cải tạo hệ thống thoát nước khu vực Xưởng tuyển khoáng Nà Rụa	HT	1	600.000.000	
7	Sửa chữa cải tạo hệ thống thu gom và sử lý nước mặt tại khu liên hợp Gang thép	Bể	02	500.000.000	
8	Hoạt động phong trào			20.000.000	
	Tổng cộng (1+2+3……11)			**2.060.000.000**	

KẾ HOẠCH TRUNG ĐẠI TU THIẾT BỊ NĂM 2018

Biểu: 2.4 KH-CN

Đơn vị tính triệu đồng

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Tổng số	Tự làm		Tại NM		Thuê ngoài TKV		Tổng giá trị		Đăng ký S/C tại các đơn vị trong TKV	Ghi chú
				S.lg	Thành tiền	S.lg	Thành tiề	S.lg	Thành tiề	Sửa chữa	Hạch toán trong năm		
	Tổng số		**16**	**16**	**36.100**					**36.100**	**36.100**		
1	**Phân xưởng Thiêu kết**	**HT**	**3**	**3**	**8.200**					**8.200**	**8.200**		
1.1	Lọc bụi tĩnh điện	HT	*1*	*1*	5.300					5.300	5.300		
1.2	Hệ thống máy thiêu kết	HT	*1*	*1*	1.500					1.500	1.500		
1.3	Hệ thống Băng tải làm mát	HT	*1*	*1*	1.400					1.400	1.400		
2	**Phân xưởng Luyện Gang**	**HT**	**3**	***3***	**10.250**					**10.250**	**10.250**		
2.1	Hệ thống phun than	HT	*1*	*1*	1.200					1.200	1.200		
2.2	Hệ thống nạp liệu	HT	*1*	*1*	2.550					2.550	2.550		
2.3	Lò cao và thiết bị phụ trợ	HT	*1*	*1*	6.500					6.500	6.500		
3	**Phân xưởng Luyện thép**	**HT**	**3**	***3***	**12.900**					**12.900**	**12.900**		
3.1	Hệ thống lò chuyển và phụ trợ	HT	*2*	*2*	*9.300*					9.300	9.300		
3.2	Hệ thống Lò trộn nước Gang và phụ trợ	HT	*1*	*1*	*3.600*					3.600	3.600		
4	**Phân xưởng Năng lượng vận tải**		**6**	**6**	**3.750**					**3.750**	**3.750**		
4.1	Hệ thống tháp phân lưu	HT	*1*	*1*	*600*					600	600		
4.2	Máy nén không khí đầu vào	Máy	*1*	*1*	*800*					800	800		
4.3	Hệ thống máy nén khí Oxy, Nitơ	HT	*1*	*1*	*600*					600	600		
4.4	Hệ thống điều áp khí ôxy	HT	*1*	*1*	*800*					800	800		
4.5	Hệ thống điều áp khí nitơ	HT	*1*	*1*	*800*					800	800		
4.6	Hệ thống tháp làm mát	HT	*1*	*1*	*150*					150	150		
5	**Phân xưởng Tuyển Khoáng**	HT	**1**	**1**	**1.000**					**1.000**	**1.000**		
5.1	Dây chuyền Tuyển Khoáng	HT	1	*1*	1.000					1.000	1.000		

BIỂU KẾ HOẠCH

ĐỊNH BIÊN LAO ĐỘNG THEO DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ NĂM 2018

Biểu số 5.2 KH-LĐ

STT	Đơn vị/bộ phận	Lao động làm HC	Lao động theo ca	Lao động nghỉ thay thế	Tổng số lao động sử dụng	Ghi chú
a	b	1	2	3	4	5
	TỔNG LĐ TOÀN CÔNG TY	**148**	**661**	**101**	**910**	
A	**KHỐI QUẢN LÝ CÔNG TY**	**62**	**0**	**0**	**62**	
I	**Ban giám đốc**	**4**	**0**	**0**	**4**	
1	Giám đốc	1			1	
2	Phó Giám đốc	3			3	
II	**Phòng KTTC**	**7**	**0**	**0**	**7**	
1	KTT	1			1	
2	Trưởng phòng KT	1			1	
3	Chuyên viên	5			5	
III	**Phòng TCHC**	**10**	**0**	**0**	**10**	
1	Trưởng phòng	1			1	
2	Phó trưởng phòng	2			2	
3	Chuyên viên Đ.Mức, Tiền lương, N.Sự, BHXH	4			4	
4	Nhân viên Văn thư, lễ tân, pháp chế, thi đua KT	2			2	
5	Phụ trách Nhà ăn ca	1			1	
IV	**Phòng KH - Kinh doanh**	**4**	**0**	**0**	**4**	
1	Trưởng phòng	1			1	
2	Phó phòng	1			1	
3	Chuyên viên	2			2	
V	**Phòng Vật tư**	**4**	**0**	**0**	**4**	
1	Trưởng phòng	1			1	
2	Phó phòng	1			1	
3	Nhân viên tiếp liệu phòng VT	2			2	
VI	**Phòng KT Công nghệ**	**12**	**0**	**0**	**12**	
1	Trưởng phòng	1			1	
2	Phó phòng	4			4	

STT	Đơn vị/bộ phận	Lao động làm HC	Lao động theo ca	Lao động nghỉ thay thế	Tổng số lao động sử dụng	Ghi chú
a	b	1	2	3	4	5
3	Kỹ sư LK	1			1	
1	Kỹ sư mỏ (Khai thác, chắc địa, địa chất)	5			5	
2	Kỹ sư Tuyển khoáng	1			1	
VII	**P. KT Cơ điện**	**7**	**0**	**0**	**7**	
1	Trưởng phòng	1			1	
2	Phó phòng	2			2	
3	Kỹ sư	4			4	
VIII	**P. AT -MT**	**5**	**0**	**0**	**5**	
1	Trưởng phòng	1			1	
2	Phó phòng	1			1	
3	Chuyên viên	3			3	
IX	**Phòng Bảo vệ quân sự**	**2**	**0**	**0**	**2**	
1	Trưởng phòng	1			1	
2	Phó phòng	1			1	
X	**Phòng KSC**	**2**	**0**	**0**	**2**	
1	Trưởng phòng	1			1	
2	Phó phòng	1			1	
XI	**Ban quản lý Dự án Đầu tư**	**5**	**0**	**0**	**5**	
1	Trưởng ban	1			1	
2	Phó ban	1			1	
3	Chuyên viên nghiệp vụ	3			3	
B	**CÁC PHÂN XƯỞNG SẢN XUẤT**	**21**	**495**	**76**	**592**	
I	**PHÂN XƯỞNG THIÊU KẾT**	**5**	**90**	**13**	**108**	
1	**Quản lý PX**	**5**	**0**	**0**	**5**	
-	Quản đốc	1			1	
-	Phó quản đốc	2			2	
-	Kỹ thuật viên PX	1			1	
-	Thống kê Kinh tế	1			1	
2	**Lao động công nghệ**	**0**	**81**	**12**	**93**	

STT	Đơn vị/bộ phận	Lao động làm HC	Lao động theo ca	Lao động nghỉ thay thế	Tổng số lao động sử dụng	Ghi chú
a	b	1	2	3	4	5
-	Trưởng ca		3	0	3	
-	CN Phối liệu		33	5	38	
-	CN thiêu kết		33	5	38	
-	CN vận hành trạm, điện, nước, thu bụi		12	2	14	
3	**Phụ trợ phân xưởng**	**0**	**9**	**1**	**10**	
-	CN trực sửa chữa TB		9	1	10	
II	**PHÂN XƯỞNG LUYỆN GANG**	**6**	**147**	**23**	**176**	
1	**Quản lý PX**	**6**			6	
-	Quản đốc	1			1	
-	Phó QĐ	2			2	
-	KTV phân xưởng	2			2	
-	Thống kê Kinh tế	1			1	
2	**Lao động công nghệ**	**0**	**129**	**20**	**149**	
-	Trưởng ca + Phó ca		6	1	7	
-	CN Phối liệu		33	5	38	
-	CN trước lò		45	7	52	
-	CN phun than + gió nóng		24	4	28	
-	CN Vận hành TB		21	3	24	
3	**Phụ trợ PX**	**0**	**18**	**3**	**21**	
-	CN trực sửa chữa TB		18	3	21	
III	**PHÂN XƯỞNG LUYỆN THÉP**	**6**	**207**	**32**	**245**	
1	**Quản lý PX**	**6**	**0**	**0**	**6**	
-	Quản đốc (phụ trách)	1		0	1	
-	Phó quản đốc	2		0	2	
-	Kỹ thuật viên PX	2		0	2	
-	Thống kê phân xưởng	1		0	1	
2	**Lao động công nghệ**	**0**	**189**	**29**	**218**	
	Trưởng ca, phó ca		6	1	7	
	CN nạp liệu và CB liệu		12	2	14	

STT	Đơn vị/bộ phận	Lao động làm HC	Lao động theo ca	Lao động nghỉ thay thế	Tổng số lao động sử dụng	Ghi chú
a	b	1	2	3	4	5
	CN vận hành lò chuyển		45	7	52	
	CN đúc liên tục		36	6	42	
	CN Vận hành cẩu trục, xe nâng, máy xúc		36	6	42	
	CN chuẩn bị sản xuất		21	3	24	
	CN VH TB và trạm xử lý nước		33	5	38	
3	**Phụ trợ phân xưởng**	**0**	**18**	**3**	**21**	
	CN trực sửa chữa TB		18	3	21	
IV	**PHÂN XƯỞNG TUYỂN KHOÁNG**	**4**	**51**	**8**	**63**	
1	**Tổ quản lý**	**4**	**0**	**0**	**4**	
-	Quản đốc PX	1			1	
-	Phó quản đốc	1			1	
-	Kỹ thuật viên PX	1			1	
-	Thống kê phân xưởng	1			1	
2	**Lao động công nghệ**	**0**	**42**	**6**	**48**	
-	Trưởng ca		3	0	3	
-	Khâu đập sàng		9	1	10	
-	Khâu tuyển rửa		12	2	14	
-	Khâu nghiền tuyển		12	2	14	
-	Vận hành xúc lật		6	1	7	
3	**Phụ trợ**	**0**	**9**	**1**	**10**	
-	Trực sửa chữa Cơ điện		6	1	7	
-	Nấu ăn ca		3	0	3	
C	**PHỤ TRỢ CÔNG TY**	**20**	**130**	**20**	**170**	
I	**PHÂN XƯỞNG NLVT**	**9**	**45**	**7**	**61**	
1	**Quản lý PX**	**4**			4	
-	Quản đốc	1			1	
-	Phó QĐ	1			1	
-	KTV phân xưởng	1			1	
-	Thống kê phân xưởng	1			1	

STT	Đơn vị/bộ phận	Lao động làm HC	Lao động theo ca	Lao động nghỉ thay thế	Tổng số lao động sử dụng	Ghi chú
a	b	1	2	3	4	5
2	**Bộ phận sản xuất**	**0**	**45**	**7**	**52**	
-	Trạm điện 110 kv		6	1	7	
-	Trạm o xy		12	2	14	
-	Trạm bơm nước ngoài hàng rào		6	1	7	
-	Trạm xử lý nước nguồn		6	1	7	
-	Trạm khí than		9	1	10	
-	Trực vận hành và sửa chữa các trạm 10Kv		6	1	7	
3	**Phụ trợ**	**5**	**0**	**0**	**5**	
-	Tổ sửa chữa TB	5			5	
II	**Phân xưởng Cơ điện**	**6**	**60**	**9**	**75**	
1	**Quản lý PX**	**4**	**0**	**0**	**4**	
-	Quản đốc	1			1	
-	Phó Quản đốc	1			1	
-	Kỹ thuật viên PX	1			1	
-	Thống kê Kinh tế	1			1	
2	**Bộ phận sản xuất**	**2**	**60**	**9**	**71**	
-	Vận hành xúc lật		16	2	18	
-	Vận hành ô tô	2	6	1	9	
-	Vận hành xe nâng		5	1	6	
-	Sửa chữa thiết bị		22	3	25	
-	Gia công chế tạo		6	1	7	
-	Sửa chữa động lực		5	1	6	
III	**Phòng KCS**	**5**	**25**	**4**	**34**	
2	**Nhân viên**	**5**	**25**	**4**	**34**	
-	CN Hóa PT		15	2	17	
-	CN lấy mẫu	5	10	2	17	
D	**PHỤC VỤ CHUNG**	**45**	**36**	**6**	**87**	
I	**Phòng Bảo vệ Quân sự**	**1**	**21**	**3**	**25**	
-	Nhân viên	1	21	3	25	

STT	Đơn vị/bộ phận	Lao động làm HC	Lao động theo ca	Lao động nghỉ thay thế	Tổng số lao động sử dụng	Ghi chú
a	b	1	2	3	4	5
II	**Tổ y tế**	**4**			**4**	
III	**Các bộ phận phục vụ khác**	**40**	**15**	**2**	**57**	
-	Thủ kho Công ty	4			4	
-	Vận hành bàn cân	4			4	
-	Quản trị mạng	1			1	
-	Điện nước âm thanh…ánh sáng	1			1	
-	Lái xe con	3			3	
-	Vệ sinh công nghiệp	10			10	
-	Phục vụ xuất bán hàng và vệ sinh phôi thép	15			15	
-	Nhân viên giải phóng mặt bằng	1			1	
-	Nhân viên nấu ăn ca	1	15	2	18	

BIỂU XÁC ĐỊNH HAO PHÍ LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG
KẾ HOẠCH NĂM 2018

STT	Đơn vị/bộ phận	Lao động định biên (người)	Khối lượng công việc	Tổng hao phí LĐ (công)	Lao động định mức (người)	Đơn giá tiền lương (đồng/công)	Tổng quỹ BHXH, BHYT, BHTN	Tổng quỹ tiền lương (đồng)	Tổng quỹ tiền ăn ca (đồng)	Bồi dưỡng độc hại
1	2	3	4	5	6	8	9	11	12	13
	TỔNG CỘNG	**809**	**-**	**302.102**	**910**		**9.979.925.360**	**20.461.380.374.388.000**	**7.050.564.000**	**4.109.580.000**
A	**KHỐI QUẢN LÝ CTY**	**62**	**-**	**58.826**	**62**		**695.704.400**	**1.701.589.139.280.000**	**482.112.000**	**156.672.000**
I	**BAN ĐIỀU HÀNH (VCQL)**	**5**	**-**	**1.440**	**5**		**88.133.760**	**1.295.496.000**	**38.880.000**	**-**
	Giám đốc	1		288	1	1.000.000	19.103.040	292.680.000	7.776.000	
	Phó giám đốc sản xuất	1		288	1	875.000	18.049.680	256.680.000	7.776.000	
	Phó giám đốc Kỹ thuật	1		288	1	875.000	16.993.680	256.680.000	7.776.000	
	Phó giám đốc cơ điện	1		288	1	875.000	16.993.680	256.680.000	7.776.000	
	Kê toán trưởng	1		288	1	792.000	16.993.680	232.776.000	7.776.000	
II	**PHÒNG BAN**	**57**	**-**	**57.386**	**57**		**607.570.640**	**1.701.587.843.784.000**	**443.232.000**	**156.672.000**
1	**Phòng Kỹ thuật Cơ điện**	**7**		**2.016**	**7**		**82.383.680**	**208.628.657.208.000**	**54.432.000**	**34.272.000**
	Trưởng phòng	1		288	1	141.827.154.000	17.856.960	40.846.225.032.000	7.776.000	4.896.000
	Phó trưởng phòng	2		576	2	119.804.304.000	24.916.160	69.007.288.464.000	15.552.000	9.792.000
	Kỹ sư	4		1.152	4	85.742.296.000	39.610.560	98.775.143.712.000	31.104.000	19.584.000
2	**Phòng Quản lý chất lượng SP**	**2**	**-**	**576**	**2**		**20.715.280**	**75.349.869.264.000**	**15.552.000**	**9.792.000**
	Trưởng phòng	1		288	1	141.827.154.000	10.422.640	40.846.225.032.000	7.776.000	4.896.000
	Phó trưởng phòng	1		288	1	119.804.304.000	10.292.640	34.503.644.232.000	7.776.000	4.896.000
3	**Phòng An toàn - Môi trường**	**5**	**-**	**1.440**	**5**		**50.423.200**	**149.431.227.048.000**	**38.880.000**	**24.480.000**
	Trưởng phòng	1		288	1	141.827.154.000	10.422.640	40.846.225.032.000	7.776.000	4.896.000
	Phó trưởng phòng	1		288	1	119.804.304.000	10.292.640	34.503.644.232.000	7.776.000	4.896.000
	Chuyên viên	3		864	3	85.742.296.000	29.707.920	74.081.357.784.000	23.328.000	14.688.000
4	**Phòng Kế toán Tài chính**	**6**	**-**	**288**	**6**		**72.148.480**	**161.862.690.096.000**	**46.656.000**	**-**
	Trưởng phòng	1		288	1	133.311.652.000	12.458.080	38.393.760.456.000	7.776.000	
	Cán bộ nghiệp vụ (Cử nhân)	5		1.440	5	85.742.296.000	59.690.400	123.468.929.640.000	38.880.000	
5	**Phòng TCHC**	**10**	**-**	**45.290**	**10**		**102.166.480**	**282.710.014.992.000**	**77.760.000**	**19.584.000**
	Trưởng phòng	1		288	1	141.827.154.000	13.680.400	40.846.225.032.000	7.776.000	
	Phó trưởng phòng	2		576	2	119.804.304.000	20.585.280	69.007.288.464.000	15.552.000	
	Chuyên viên Đ.mức, tiền lương, N.sự, BHXH	4		1.152	4	85.742.296.000	39.610.560	98.775.143.712.000	31.104.000	19.584.000

STT	Đơn vị/bộ phận	Lao động định biên (người)	Khối lượng công việc	Tổng hao phí LĐ (công)	Lao động định mức (người)	Đơn giá tiền lương (đồng/công)	Tổng quỹ BHXH, BHYT, BHTN	Tổng quỹ tiền lương (đồng)	Tổng quỹ tiền ăn ca (đồng)	Bồi dưỡng độc hại
1	2	3	4	5	6	8	9	11	12	13
	Nhân viên văn thư, pháp chế, thi đua KT	2		576	2	85.742.296.000	18.860.160	49.387.571.856.000	15.552.000	
	Phụ trách nhà ăn ca	1		288	1	85.742.296.000	9.430.080	24.693.785.928.000	7.776.000	
6	**Phòng Kế hoạch - Kinh doanh**	**4**	**-**	**1.152**	**4**		**47.162.800**	**124.737.441.120.000**	**31.104.000**	**-**
	Trưởng phòng	1		288	1	141.827.154.000	15.029.440	40.846.225.032.000	7.776.000	
	Phó trưởng phòng	1		288	1	119.804.304.000	12.328.080	34.503.644.232.000	7.776.000	
	Chuyên viên	2		576	2	85.742.296.000	19.805.280	49.387.571.856.000	15.552.000	
7	**Phòng Kỹ thuật Công nghệ**	**12**	**-**	**3.456**	**12**		**120.911.680**	**351.717.303.456.000**	**93.312.000**	**58.752.000**
	Trưởng phòng	1		288	1	141.827.154.000	10.422.640	40.846.225.032.000	7.776.000	4.896.000
	Phó trưởng phòng	4		1.152	4	119.804.304.000	41.170.560	138.014.576.928.000	31.104.000	19.584.000
	Kỹ sư Luyện kim	1		288	1	85.742.296.000	9.902.640	24.693.785.928.000	7.776.000	4.896.000
	Kỹ sư mỏ (Khái thác, trắc địa, địa chất)	5		1.440	5	85.742.296.000	49.513.200	123.468.929.640.000	38.880.000	24.480.000
	Kỹ sư Tuyển khoáng	1		288	1	85.742.296.000	9.902.640	24.693.785.928.000	7.776.000	4.896.000
9	**Phòng Vật tư**	**4**	**-**	**1.152**	**4**		**40.520.560**	**124.737.441.120.000**	**31.104.000**	**9.792.000**
	Trưởng phòng	1		288	1	141.827.154.000	10.422.640	40.846.225.032.000	7.776.000	
	Phó trưởng phòng	1		288	1	119.804.304.000	10.292.640	34.503.644.232.000	7.776.000	
	Nhân viên tiếp liệu phòng Vật tư	2		576	2	85.742.296.000	19.805.280	49.387.571.856.000	15.552.000	9.792.000
10	**Phòng Bảo vệ quân sự**	**2**	**-**	**576**	**2**		**20.715.280**	**72.981.972.432.000**	**15.552.000**	**-**
	Trưởng phòng	1		288	1	133.311.652.000	10.422.640	38.393.760.456.000	7.776.000	
	Phó trưởng phòng	1		288	1	120.097.942.000	10.292.640	34.588.211.976.000	7.776.000	
11	**Ban quản lý Dự án Đầu tư**	**5**	**-**	**1.440**	**5**		**50.423.200**	**149.431.227.048.000**	**38.880.000**	**-**
	Trưởng ban	1		288	1	141.827.154.000	10.422.640	40.846.225.032.000	7.776.000	
	Phó ban	1		288	1	119.804.304.000	10.292.640	34.503.644.232.000	7.776.000	
	Chuyên viên nghiệp vụ	3		864	3	85.742.296.000	29.707.920	74.081.357.784.000	23.328.000	
B	**KHỐI SẢN XUẤT**	**516**		**169.398**	**592**		**5.967.803.740**	**13.270.267.093.680.000**	**4.573.746.000**	**2.860.182.000**
I	**PHÂN XƯỞNG THIÊU KẾT**	**95**		**31.140**	**108**		**992.798.200**	**2.469.315.143.592.000**	**840.780.000**	**524.484.000**
1	**Quản lý phân xưởng**	**5**		**1.440**	**5**		**50.813.200**	**158.818.246.632.000**	**38.880.000**	**19.584.000**
	Quản đốc	1		288	1	141.827.154.000	10.422.640	40.846.225.032.000	7.776.000	4.896.000
	Phó quản đốc	2		576	2	127.732.530.000	20.585.280	73.573.946.640.000	15.552.000	9.792.000
	Kỹ thuật viên PX	1		288	1	85.742.296.000	9.902.640	24.693.785.928.000	7.776.000	4.896.000

STT	Đơn vị/bộ phận	Lao động định biên (người)	Khối lượng công việc	Tổng hao phí LĐ (công)	Lao động định mức (người)	Đơn giá tiền lương (đồng/công)	Tổng quỹ BHXH, BHYT, BHTN	Tổng quỹ tiền lương (đồng)	Tổng quỹ tiền ăn ca (đồng)	Bồi dưỡng độc hại
1	2	3	4	5	6	8	9	11	12	13
	Thống kê Kinh tế	1		288	1	68.417.654.000	9.902.640	19.704.289.032.000	7.776.000	
2	**Lao động công nghệ**	**81**		**26.730**	**93**		**847.977.075**	**2.081.133.276.660.000**	**721.710.000**	**454.410.000**
	Trưởng ca	3		990	3	94.257.798.000	31.335.975	93.315.234.060.000	26.730.000	16.830.000
	Công nhân phối liệu	33		10.890	38	77.226.794.000	344.695.725	840.999.941.100.000	294.030.000	185.130.000
	Công nhân thiêu kết	33		10.890	38	77.226.794.000	347.690.475	840.999.941.100.000	294.030.000	185.130.000
	Công nhân vận hành trạm điện, nước, thu bụi	12		3.960	14	77.226.794.000	124.254.900	305.818.160.400.000	106.920.000	67.320.000
3	**Phụ trợ phân xưởng**	**9**	**-**	**2.970**	**10**		**94.007.925**	**229.363.620.300.000**	**80.190.000**	**50.490.000**
	Công nhân trực sửa chữa thiết bị	9		2.970	10	77.226.794.000	94.007.925	229.363.620.300.000	80.190.000	50.490.000
II	**PHÂN XƯỞNG LUYỆN GANG**	**153**	**190.000**	**50.238**	**178**		**2.185.354.840**	**3.958.939.227.204.000**	**1.356.426.000**	**849.150.000**
1	**Tổ quản lý phân xưởng**	**6**		**1.728**	**6**		**60.715.840**	**178.945.374.384.000**	**46.656.000**	**24.480.000**
	Quản đốc	1		288	1	141.827.154.000	10.422.640	40.846.225.032.000	7.776.000	4.896.000
	Phó quản đốc	2		576	2	119.804.304.000	20.585.280	69.007.288.464.000	15.552.000	9.792.000
	Nhân viên thống kê	1		288	1	68.417.654.000	9.902.640	19.704.289.032.000	7.776.000	
	Kỹ thuật viên PX	2		576	2	85.742.296.000	19.805.280	49.387.571.856.000	15.552.000	9.792.000
2	**Lao động công nghệ**	**129**	**-**	**42.570**	**151**		**1.936.623.150**	**3.321.266.612.220.000**	**1.149.390.000**	**723.690.000**
	Trưởng ca + phó ca	6		1.980	7	94.257.798.000	608.260.950	186.630.468.120.000	53.460.000	33.660.000
	Công nhân phối liệu	33		10.890	41	77.226.794.000	376.031.700	840.999.941.100.000	294.030.000	185.130.000
	Công nhân trước lò (vận hành lò cao)	45		14.850	52	77.226.794.000	478.207.125	1.146.818.101.500.000	400.950.000	252.450.000
	Công nhân phun than + gió nóng	24		7.920	28	77.226.794.000	252.865.800	611.636.320.800.000	213.840.000	134.640.000
	Công nhân vận hành thiết bị	21		6.930	24	77.226.794.000	221.257.575	535.181.780.700.000	187.110.000	117.810.000
3	**Phụ trợ sản xuất**	**18**	**-**	**5.940**	**21**		**188.015.850**	**458.727.240.600.000**	**160.380.000**	**100.980.000**
	Công nhân trực sửa chữa thiết bị	18		5.940	21	77.226.794.000	188.015.850	458.727.240.600.000	160.380.000	100.980.000
III	**PHÂN XƯỞNG LUYỆN THÉP**	**213**	**190.000**	**70.038**	**243**		**2.238.525.265**	**5.492.596.687.380.000**	**1.891.026.000**	**1.185.750.000**
1	**Tổ quản lý**	**6**		**1.728**	**6**		**60.715.840**	**183.512.032.560.000**	**46.656.000**	**24.480.000**
	Quản đốc	1		288	1	141.827.154.000	10.422.640	40.846.225.032.000	7.776.000	4.896.000
	Phó quản đốc	2		576	2	127.732.530.000	20.585.280	73.573.946.640.000	15.552.000	9.792.000
	Thống kê	1		288	1	68.417.654.000	9.902.640	19.704.289.032.000	7.776.000	
	Kỹ thuật viên PX	2		576	2	85.742.296.000	19.805.280	49.387.571.856.000	15.552.000	9.792.000
2	**Lao động công nghệ**	**189**	**-**	**62.370**	**217**		**1.991.427.075**	**4.850.357.414.220.000**	**1.683.990.000**	**1.060.290.000**

STT	Đơn vị/bộ phận	Lao động định biên (người)	Khối lượng công việc	Tổng hao phí LĐ (công)	Lao động định mức (người)	Đơn giá tiền lương (đồng/công)	Tổng quỹ BHXH, BHYT, BHTN	Tổng quỹ tiền lương (đồng)	Tổng quỹ tiền ăn ca (đồng)	Bồi dưỡng độc hại
1	2	3	4	5	6	8	9	11	12	13
	Trưởng ca, phó ca	6		1.980	7	94.257.798.000	63.797.250	186.630.468.120.000	53.460.000	33.660.000
	CN nạp liệu và chuẩn bị liệu	12		3.960	14	77.226.794.000	127.594.500	305.818.160.400.000	106.920.000	67.320.000
	CN vận hành lò chuyển	45		14.850	52	77.226.794.000	478.479.375	1.146.818.101.500.000	400.950.000	252.450.000
	CN đúc liên tục	36		11.880	41	77.226.794.000	379.298.700	917.454.481.200.000	320.760.000	201.960.000
	Công nhân vận hành cầu trục, xe nâng	36		11.880	41	77.226.794.000	379.298.700	917.454.481.200.000	320.760.000	201.960.000
	Công nhân CBSX	21		6.930	24	77.226.794.000	221.257.575	535.181.780.700.000	187.110.000	117.810.000
	Công nhân VHTB và trạm xử lý nước	33		10.890	38	77.226.794.000	341.700.975	840.999.941.100.000	294.030.000	185.130.000
3	**Phụ trợ phân xưởng**	**18**		**5.940**	**21**		**186.382.350**	**458.727.240.600.000**	**160.380.000**	**100.980.000**
	Công nhân trực sửa chữa thiết bị	18		5.940	21	77.226.794.000	186.382.350	458.727.240.600.000	160.380.000	100.980.000
IV	**PX TUYỂN KHOÁNG**	**55**	**367.000**	**17.982**	**62**		**551.125.435**	**1.349.416.035.504.000**	**485.514.000**	**300.798.000**
1	**Tổ quản lý**	**4**		**1.152**	**4**		**40.520.560**	**119.747.944.224.000**	**31.104.000**	**14.688.000**
	Quản đốc	1		288	1	141.827.154.000	10.422.640	40.846.225.032.000	7.776.000	4.896.000
	Phó quản đốc	1		288	1	119.804.304.000	10.292.640	34.503.644.232.000	7.776.000	4.896.000
	Thống kê	1		288	1	68.417.654.000	9.902.640	19.704.289.032.000	7.776.000	
	Kỹ thuật viên PX	1		288	1	85.742.296.000	9.902.640	24.693.785.928.000	7.776.000	4.896.000
2	**Lao động công nghệ**	**42**	**-**	**13.860**	**48**		**408.483.900**	**1.012.513.939.020.000**	**374.220.000**	**235.620.000**
	Trưởng ca	3		990	3	94.257.798.000	34.040.325	93.315.234.060.000	26.730.000	16.830.000
	Khâu đập sàng	9		2.970	10	71.060.396.000	102.120.975	211.049.418.240.000	80.190.000	50.490.000
	Khâu tuyển rửa	12		3.960	14	71.060.396.000	136.161.300	281.399.224.320.000	106.920.000	67.320.000
	Khâu nghiền tuyển	12		3.960	14	71.060.396.000	136.161.300	281.399.224.320.000	106.920.000	67.320.000
	Vận hành xúc lật	6		1.980	7	73.409.500.000	68.080.650	145.350.838.080.000	53.460.000	33.660.000
3	**Phụ trợ phân xưởng**	**9**	**-**	**2.970**	**10**		**102.120.975**	**217.154.152.260.000**	**80.190.000**	**50.490.000**
	Trực sửa chữa Cơ điện	6		1.980	7	77.226.794.000	68.080.650	152.909.080.200.000	53.460.000	33.660.000
	Nấu ăn	3		990	3	64.893.998.000	34.040.325	64.245.072.060.000	26.730.000	16.830.000
C	**KHỐI PHỤ TRỢ**	**150**		**48.954**	**170**		**2.239.518.980**	**3.832.316.634.804.000**	**1.321.758.000**	**827.322.000**
I	**PX NĂNG LƯỢNG VẬN TẢI**	**54**	**11.557**	**17.442**	**61**		**559.827.535**	**1.372.867.723.332.000**	**470.934.000**	**291.618.000**
1	**Tổ quản lý**	**4**		**1.152**	**4**		**40.520.560**	**114.843.015.072.000**	**31.104.000**	**14.688.000**
	Quản đốc	1		288	1	133.311.652.000	10.422.640	38.393.760.456.000	7.776.000	4.896.000
	Phó quản đốc	1		288	1	111.288.802.000	10.292.640	32.051.179.656.000	7.776.000	4.896.000

STT	Đơn vị/bộ phận	Lao động định biên (người)	Khối lượng công việc	Tổng hao phí LĐ (công)	Lao động định mức (người)	Đơn giá tiền lương (đồng/công)	Tổng quỹ BHXH, BHYT, BHTN	Tổng quỹ tiền lương (đồng)	Tổng quỹ tiền ăn ca (đồng)	Bồi dưỡng độc hại
1	2	3	4	5	6	8	9	11	12	13
	Thống kê PX	1		288	1	68.417.654.000	9.902.640	19.704.289.032.000	7.776.000	
	Kỹ thuật viên PX	1		288	1	85.742.296.000	9.902.640	24.693.785.928.000	7.776.000	4.896.000
2	**Bộ phận sản xuất**	**45**		**14.850**	**52**		**474.123.375**	**1.146.818.101.500.000**	**400.950.000**	**252.450.000**
	Trạm Ôxy	12		3.960	14	77.226.794.000	126.432.900	305.818.160.400.000	106.920.000	67.320.000
	Trạm điện 110	6		1.980	7	77.226.794.000	63.216.450	152.909.080.200.000	53.460.000	33.660.000
	Trạm cấp nước ngoài hàng rào	6		1.980	7	77.226.794.000	63.216.450	152.909.080.200.000	53.460.000	33.660.000
	Trạm xử lý nước nguồn	6		1.980	7	77.226.794.000	63.216.450	152.909.080.200.000	53.460.000	33.660.000
	Trạm khí than	9		2.970	10	77.226.794.000	94.824.675	229.363.620.300.000	80.190.000	50.490.000
	Trực vận hành và sửa chữa các trạm 10kv	6		1.980	7	77.226.794.000	63.216.450	152.909.080.200.000	53.460.000	33.660.000
3	**Tổ phụ trợ**	**5**		**1.440**	**5**		**45.183.600**	**111.206.606.760.000**	**38.880.000**	**24.480.000**
	Tổ sửa chữa thiết bị	5		1.440	5	77.226.794.000	45.183.600	111.206.606.760.000	38.880.000	24.480.000
II	**PHÂN XƯỞNG CƠ ĐIỆN**	**66**		**21.612**	**75**		**734.104.660**	**1.694.903.510.472.000**	**583.524.000**	**367.404.000**
1	**Tổ quản lý**	**4**	**-**	**1.152**	**4**		**40.520.560**	**114.843.015.072.000**	**31.104.000**	**19.584.000**
	Quản đốc	1		288	1	133.311.652.000	10.422.640	38.393.760.456.000	7.776.000	4.896.000
	PQĐ	1		288	1	111.288.802.000	10.292.640	32.051.179.656.000	7.776.000	4.896.000
	Thống kê PX	1		288	1	68.417.654.000	9.902.640	19.704.289.032.000	7.776.000	4.896.000
	Kỹ thuật viên PX	1		288	1	85.742.296.000	9.902.640	24.693.785.928.000	7.776.000	4.896.000
2	**Bộ phận sản xuất**	**62**	**-**	**20.460**	**71**		**693.584.100**	**1.580.060.495.400.000**	**552.420.000**	**347.820.000**
	Vận hành xúc lật	16		5.280	18	77.226.794.000	181.548.400	407.757.547.200.000	142.560.000	89.760.000
	Vận hành ôtô	8		2.640	9	77.226.794.000	90.774.200	203.878.773.600.000	71.280.000	44.880.000
	Vận hành xe nâng	5		1.650	6	77.226.794.000	56.733.875	127.424.233.500.000	44.550.000	28.050.000
	Sửa chữa thiết bị	22		7.260	25	77.226.794.000	249.629.050	560.666.627.400.000	196.020.000	123.420.000
	Gia công chế tạo	6		1.980	7	77.226.794.000	62.671.950	152.909.080.200.000	53.460.000	33.660.000
	Sửa chữa động lực	5		1.650	6	77.226.794.000	52.226.625	127.424.233.500.000	44.550.000	28.050.000
III	**PHÒNG KCS**	**30**	**-**	**9.900**	**34**		**945.586.785**	**764.545.401.000.000**	**267.300.000**	**168.300.000**
1	Công nhân hóa PT	15		4.950	17	77.226.794.000	156.679.875	382.272.700.500.000	133.650.000	84.150.000
2	Công nhân lấy mẫu	15		4.950	17	77.226.794.000	788.906.910	382.272.700.500.000	133.650.000	84.150.000
C	**KHỐI PHỤC VỤ CHUNG**	**81**		**24.924**	**87**		**1.076.898.240**	**1.657.207.506.624.000**	**672.948.000**	**265.404.000**
I	**PHÒNG BVQS**	**22**	**-**	**7.260**	**25**		**36.146.880**	**496.712.271.000.000**	**196.020.000**	**123.420.000**

STT	Đơn vị/bộ phận	Lao động định biên (người)	Khối lượng công việc	Tổng hao phí LĐ (công)	Lao động định mức (người)	Đơn giá tiền lương (đồng/công)	Tổng quỹ BHXH, BHYT, BHTN	Tổng quỹ tiền lương (đồng)	Tổng quỹ tiền ăn ca (đồng)	Bồi dưỡng độc hại
1	2	3	4	5	6	8	9	11	12	13
	Nhân viên	22		7.260	25	68.417.654.000	36.146.880	496.712.271.000.000	196.020.000	123.420.000
II	**TỔ Y TẾ**	**4**		1.152	**4**	77.226.794.000	522.646.080	**88.965.283.248.000**	**31.104.000**	
III	**CÁC BỘ PHẬN PHỤC VỤ KHÁC**	**55**	**-**	**16.512**	**57**		**518.105.280**	**1.071.529.952.376.000**	**445.824.000**	**141.984.000**
	Thủ kho Công ty	4		1.152	4	64.893.998.000	36.146.880	74.757.904.416.000	31.104.000	19.584.000
	Vận hành bàn cân	4		1.152	4	64.893.998.000	36.146.880	74.757.904.416.000	31.104.000	
	Quản trị mạng	1		288	1	64.893.998.000	9.036.720	18.689.476.104.000	7.776.000	
	Điện nước, âm thanh, ánh sáng	1		288	1	64.893.998.000	9.036.720	18.689.476.104.000	7.776.000	
	lái xe con	3		864	3	64.893.998.000	27.110.160	56.068.428.312.000	23.328.000	
	Vệ sinh công nghiệp	10		2.880	10	64.893.998.000	90.367.200	186.894.761.040.000	77.760.000	48.960.000
	Phục vụ xuất bán hàng và vệ sinh phôi thép	15		4.320	15	64.893.998.000	135.550.800	280.342.141.560.000	116.640.000	73.440.000
	Nhân viên giải phóng mặt bằng	1		288	1	64.893.998.000	9.036.720	18.689.476.104.000	7.776.000	
	Nấu ăn ca	16		5.280	18	64.893.998.000	165.673.200	342.640.384.320.000	142.560.000	

CÁC KHOẢN THU NỘP NGÂN SÁCH NĂM 2018
Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018				
			Số lượng	Đơn giá tính thuế	Doanh thu chịu thuế (tr.đồng)	Thuế suất (%)	Thuế phải nộp (tr.đ)
1	2	3	4	5	6	7	8
A	**Thuế phải nộp (I+X)**						**59.863**
I	***Thuế tài nguyên***	-					**22.050**
1	Quặng sắt	tấn	350.000				22.050
II	***Thuế môi trường***						**-**
1	Quặng sắt	tấn	350.000				
III	***Thuế GTGT phải nộp (1-2)***						**37.393**
1	**Thuế GTGT phải nộp (1)**		**190.000**		**2.202.000**		**220.200**
	CT5IIC	tấn	80.000	11.850	948.000	10	94.800
	Q235A	tấn	40.000	11.400	456.000	10	45.600
	SD295A	tấn	40.000	11.400	456.000	10	45.600
	E295	tấn	30.000	11.400	342.000	10	34.200
	Loại 2	tấn	-	-	-	10	-
	Gang đúc	tấn	-	-	-	10	-
2	**Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ (2)**		**190.000**		**1.505.239**		**182.807**
	CT5IIC	tấn	80.000	9.783	782.659	10	78.266
	Q235A	tấn	40.000	9.504	380.149	10	38.015
	SD295A	tấn	40.000	9.504	380.149	10	38.015
	E295	tấn	30.000	9.504	285.111	10	28.511
	Loại 2	tấn	-	-	-	10	-
	Gang đúc	tấn	-	-	-	10	-
IV	***Thuế xuất khẩu***						
V	***Thuế nhập khẩu***						
VI	***Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp***						
VII	***Thuế tiêu thụ đặc biệt***						
VIII	***Thuế đất và thuê đất***						**420**
	Tiền thuê đất Mỏ sắt Nà Rụa						420
B	**Các khoản phí, lệ phí (I+III)**						**29.492**
I	***Phí Bảo vệ môi trường1+…)***						**22.271**
	Quặng sắt		350.000				22.271
II	***Phí sử dụng Hạ tầng***						
III	***Lệ phí, phí khác (1+…)***						**7.221**
	Tiền cấp quyền khai thác						5.100
	Phí sử dụng tài liệu địa chất						2.121
C	**Tổng cộng (A+B)**						**89.355**

KẾ HOẠCH KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH NĂM 2018
Đơn vị: Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

TT	Chỉ tiêu	Tổng số (đồng)	Nhà cửa VKT	Vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị, động lực	Thiết bị công tác	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Đất đá XDCB	Tài sản cố định khác	Tài sản cố định vô hình	Bất động sản đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	**Thực hiện năm trước (2017)**											
1	Nguyên giá TSCĐ đầu năm	**1.837.318**	469.457	-	1.362.520	-	4.703	637				
2	Nguyên giá TSCĐ tăng trong năm	**150.837**	74.383		75.711		743					
3	Nguyên giá TSCĐ giảm trong năm	**-**										
4	Nguyên giá TSCĐ cuối năm (1+2-3)	**1.988.155**	543.840	-	1.438.231	-	5.447	637	-	-	-	-
5	**Nguyên giá TSCĐ trích khấu hao**	**1.988.155**	**543.840**	**-**	**1.438.231**	**-**	**5.447**	**637**	-	-	-	-
6	**Mức trích khấu hao**	**223.863**	**52.406**	**-**	**167.050**	**-**	**3.863**	**544**	**-**	**-**	**-**	
6.1	Mức trích khấu hao của TSCĐ đầu năm	**103.307**	29.617		70.350	-	2.840	500				
6.2	Mức trích khấu hao của TSCĐ tăng trong năm	**120.556**	22.789		96.700		1.023	44				
6.3	Mức trích khấu hao TSCĐ giảm trong năm	-										
7	**Mức trích khấu hao phân theo nguồn vốn**	**120.556**	**22.789**	**-**	**96.700**	**-**	**1.023**	**44**	**-**	**-**	**-**	**-**
	Trong đó: - Ngân sách (Cổ phần Nhà nước)	**18.896**	4.379		13.957		538	23			-	-
	- Cổ phần phổ thông	**17.069**	3.955		12.607		486	21			-	-
	- Vay	**84.591**	14.455		70.136							
	- Nguồn khác											
8	**Tỷ lệ khấu hao (%)**	**6%**	**4,2%**		**7%**		**19%**	**7%**				
II	**Kế hoạch năm 2018**	**-**									-	-
1	Nguyên giá TSCĐ đầu năm	**1.988.155**	543.840	-	1.438.231	-	5.447	637	-	-	-	-
2	Nguyên giá TSCĐ tăng trong năm	**-**										
3	Nguyên giá TSCĐ giảm trong năm	**-**	-									
4	Nguyên giá TSCĐ cuối năm (1+2-3)	**1.988.155**	543.840		1.438.231	-	5.447	637	-	-	-	-
5	**Nguyên giá TSCĐ trích khấu hao**	**1.988.155**	**543.840**	**-**	**1.438.231**	**-**	**5.447**	**637**	**-**	**-**	**-**	**-**
6	**Mức trích khấu hao**	**344.417**	**75.195**	**-**	**263.750**	**-**	**4.887**	**586**	**-**	**-**	**-**	**-**
6.1	Mức trích khấu hao của TSCĐ đầu năm	**223.863**	52.406	-	167.050	-	3.863	544	-	-		
	Trong đó: Mức trích khấu hao của TSCĐ tăng năm trước (2017)	**120.556**	22.789		96.700		1.023	44		-		
	Tỷ lệ khấu hao của TSCĐ đầu năm	**0,17**	0,14		0,18		0,90	0,92				

TT	Chỉ tiêu	Tổng số (đồng)	Nhà cửa VKT	Vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị, động lực	Thiết bị công tác	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Đất đá XDCB	Tài sản cố định khác	Tài sản cố định vô hình	Bất động sản đầu tư
6.2	Mức trích khấu hao của TSCĐ tăng trong năm	**120.555**	22.789		96.700		1.023	43				
6.3	Mức trích khấu hao TSCĐ giảm trong năm											
7	**Mức trích khấu hao phân theo nguồn vốn**	**120.555**	**22.789**	**-**	**96.700**	**-**	**1.023**	**43**	**-**	**-**	**-**	
	Trong đó: - Ngân sách (Cổ phần Nhà nước)	**18.895**	4.379		13.957	-	538	22	-			
	- Cổ phần phổ thông	**17.068**	3.955		12.607	-	486	20	-			
	- Vay	**84.591**	14.455		70.136							
	- Nguồn khác											
8	**Tỷ lệ khấu hao (%)**	**6%**	**4%**		**7%**		**19%**	**7%**				

BẢNG TÍNH LÃI VAY NGẮN HẠN, TRUNG HẠN NĂM 2018

TT	Diễn giải	Nợ gốc 1/1/2017	Lãi suất /tháng	Số ngày tính lãi	Tỷ giá (USD)	Lãi vay năm 2018	Ghi chú
	Vay DH - TCty khoáng sản - Vinacomin (Ký quỹ LC lần 1, tiền XD nhà VP, Tiền Bãi NVL)	69.000.000.000	0,54%	360		4.485.000.000	
	Vay China EXIMBANK	860.530.594.797	0,31%	360		30.146.877.745	
	Vay BIDV dự án khu liên hợp gang thép CB	394.000.000.000	0,92%	360		40.865.000.000	
	Vay BIDV dự án mỏ sắt Nà Rụa	115.000.000.000	0,92%	360		11.825.000.000	
	Vốn lưu động phôi thép+ Lãi chậm trả thanh toán	241.000.000.000	0,67%	360		19.280.000.000	
	Chiết khấu lãi xuất ứng trước tiền hàng	228.000.000.000	0,50%	360		13.680.000.000	
	Cộng	**1.907.530.594.797**				**120.281.877.745**	

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (110+120+130+140+150)	**100**		**451 869 198 007**	**554 563 736 370**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	VI.1	**1 523 828 427**	**25 261 216 743**
1. Tiền	111		1 523 828 427	25 261 216 743
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**0**	**0**
1. Chứng khoán kinh doanh	121	VI.2a		
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh(*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	VI.2b		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**3 341 934 086**	**25 319 069 833**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3	184 501 672	443 190 033
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		919 837 598	12 367 786 910
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.4	2 237 594 816	12 508 092 890
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	137		0	
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	VI.5		
IV. Hàng tồn kho	**140**	VI.7	**434 222 299 886**	**466 151 590 826**
1. Hàng tồn kho	141		434 222 299 886	468 030 019 587
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			(1 878 428 761)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**12 781 135 608**	**37 831 858 968**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13a	3 464 528 108	7 024 306 823
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9 316 607 500	30 807 552 145
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	VI.17b		
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	VI.14a		
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**1 843 147 002 131**	**1 973 378 495 057**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**13 348 000 000**	**11 629 000 000**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	VI.3		
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	VI.4b	13 348 000 000	11 629 000 000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi(*)	219			
II. Tài sản cố định	**220**		**1 760 253 079 368**	**1 734 010 753 207**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	1 760 253 079 368	1 734 010 753 207
- Nguyên giá	222		1984 024 782 017	1837 317 664 512
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		(223 771 702 649)	(103 306 911 305)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	VI.11	0	0
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	0	0
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229			
III. Bất động sản đầu tư	**230**	VI.12	**0**	**0**
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		10 811 196 566	165 079 624 103
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	VI.8a		
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.8b	10 811 196 566	165 079 624 103
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**0**	**0**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**58 734 726 197**	**62 659 117 747**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13b	58 734 726 197	62 659 117 747
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VI.24a		
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268	VI.14b		
5. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**2 295 016 200 138**	**2 527 942 231 427**
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**2 156 813 111 929**	**2 392 039 493 085**
I. Nợ ngắn hạn	310		**830 251 004 089**	**926 518 599 450**
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	VI.16a	349 672 682 496	335 990 278 950
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		179 680 150	190 238 963 162
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.17a	7 348 470 200	16 308 992 504
4. Phải trả người lao động	314		6 589 831 595	6 944 161 263
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18a	16 844 323 605	18 683 277 504
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	VI.20a		
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19a	52 170 359 258	91 627 015 716
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.15a	397 445 656 785	266 725 910 351
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322			
13. Quỹ Bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	**330**		**1 326 562 107 840**	**1 465 520 893 635**
1. Phải trả người bán dài hạn	331	VI.16b		
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	VI.18b		
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	VI.20b		
7. Phải trả dài hạn khác	337	VI.19b		
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.15a,b	1326 562 107 840	1465 520 893 635
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	VI.24b		
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**138 203 088 209**	**135 902 738 342**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**138 203 088 209**	**135 902 738 342**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	VI.25	430 063 660 000	430 063 660 000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		430 063 660 000	430 063 660 000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	VI.25a		
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	VI.25a		
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	VI.25a		
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	VI.25a		
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	VI.25a		
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	VI.25e		
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	VI.25e		

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	VI.25e		
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	VI.25a	- 291 860 571 791	- 294 160 921 658
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ này	421b		(291 860 571 791)	(294 160 921 658)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**0**	**0**
1. Nguồn kinh phí sự nghiệp	432	VI.28		
2. Nguồn KP đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**2 295 016 200 138**	**2 527 942 231 427**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	VII.1	2.183.608.948.721	**572 062 314 040**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (01-02)	**10**		**2 183 608 948 721**	**572 062 314 040**
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	**2.031.465.812.607**	**678 869 037 293**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**152 143 136 114**	**- 106 806 723 253**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	**2 856 822 985**	**4 057 910 767**
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	**132 937 311 566**	**130 175 129 228**
Tr.đó: Chi phí lãi vay	*23*		*127 889 077 767*	*17 432 920 644*
8. Chi phí bán hàng	25	VII.8	**3 688 479 068**	**1 047 367 495**
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	**14 153 019 029**	**13 564 265 411**
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {20+(21-22)-(25+26)}	**30**		**4 221 149 436**	**- 247 535 574 620**
11. Thu nhập khác	31	VII.6	**101 822 183**	**2 747 280 739**
12. Chi phí khác	32	VII.7	**2 022 621 752**	**3 379 955 894**
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**- 1 920 799 569**	**- 632 675 155**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (30+40)	**50**		**2 300 349 867**	**- 248 168 249 775**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.10	0	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VII.11		0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**2 300 349 867**	**- 248 168 249 775**
18. Lãi trên cổ phiếu*	**70**		**0**	**0**
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu*	**71**		**0**	**0**

CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số : 568/BC-BKS	*Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2018*

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kính thưa: - Đoàn Chủ tịch ĐHĐH
- Các quý vị cổ đông
- Các vị khách quý

Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần gang thép Cao Bằng.
- Căn cứ Nghị quyết số 480/NQ - ĐHĐCĐ đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2017 thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2017.
- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2017 ngày 15 tháng 03 năm 2018 của Công ty cổ phần gang thép Cao Bằng được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty kết quả hoạt động của BKS năm 2017, kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của Công ty, thẩm định Báo cáo tài chính và đánh giá công tác quản lý điều hành của HĐQT, BGĐ trong năm 2017 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017:

- ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 đã miễn nhiệm BKS nhiệm kỳ 2012-2017 và bầu BKS nhiệm kỳ mới 2017 – 2022.
- BKS có các nhiệm vụ chính sau: thực hiện các quyền giám sát việc thực thi Điều lệ và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên; giám sát các hoạt động tài chính; giám sát tính thực thi của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Điều hành (BĐH) theo luật định.
- Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017 – 2022 gồm 03 thành viên, trong đó 01 thành viên được tái bổ nhiệm.
- Trong năm tài chính 2017, BKS hoạt động tốt với vai trò giám sát trong công tác điều hành hoạt động Công ty, tăng cường các biện pháp giám sát, đảm bảo hoạt động tài chính của Công ty rõ ràng và minh bạch

1. Các phiên họp của BKS

Trong năm 2017, BKS đã tiến hành họp 3 phiên. Nội dung cụ thể như sau:

Phiên hop	TP tham dự	Nội dung họp
Phiên 1	3/3	- Thảo luận và đánh giá Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2016; đánh giá kết quả kế hoạch kinh doanh năm 2016, các hồ sơ chuẩn bị ĐHĐCĐ 2017 do Ban Điều hành chuẩn bị.

		- Đánh giá công tác giám sát tính tuân thủ quy định của các thành viên HĐQT, Ban Điều hành trong năm 2016.
Phiên 2 Ngày 27/04	3/3	- Bầu Trưởng ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022 (Bà Nguyễn Thanh Hương). - Phân công chi tiết công việc đảm trách của các thành viên trong năm 2017 sau ĐHĐCĐ 2017.
Phiên 3 Ngày 22/06	3/3	- Xem xét, đánh giá báo cáo kết quả kinh doanh quý 1 năm 2017 của Công ty - Đánh giá kế hoạch kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017 của Công ty

2. Kết quả làm việc của BKS

2.1 Hoạt động giám sát tình hình thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2017

Tình hình hoạt động SXKD; Kế hoạch lợi nhuận, doanh thu

- Sản lượng sản xuất 190.168 tấn, đạt 100,09% kế hoạch
- Sản lượng tiêu thụ: 213.703 tấn, đạt 105,79% kế hoạch
- Doanh thu đạt 2.183, 609 tỷ, đạt 105,18% kế hoạch
- Lợi nhuận đạt 2,3 tỷ, chỉ đạt 5,49% kế hoạch (kế hoạch: 41,897 tỷ lợi nhuận)
- Quỹ tiền lương: 69,842 tỷ, đạt 99,05% kế hoạch
- Tiền lương bình quân: 6,526 triệu đồng/người/năm, đạt 100,51% kế hoạch
- Nộp ngân sách: 74,742 tỷ động, đạt 74,87% kế hoạch

***Công tác đầu tư xây dựng* :**

- Tình hình quyết toán Nhà máy gang thép cao bằng: Công tác kiểm toán quyết toán vốn đầu tư chậm, dự án bàn giao từ cuối năm 2015, tuy nhiên đơn vị chưa hoàn thành công tác kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư.
- Dự án khai thác mỏ sắt Nà Rụa (giai đoạn 1): Công ty chưa thực hiện kiểm toán, quyết toán dự án hoàn thành.
- Công tác đến bù, GPMB, triển khai khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa: không đạt tiến độ kế hoạch

2.2 Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Điều hành và cổ đông

- Kiểm tra, giám sát, đảm bảo công ty hoạt động đúng Luật Doanh nghiệp và giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ 2017 đã thông qua.
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT trong kỳ và có những đóng góp tích cực.

2.3 Thẩm định báo cáo tài chính năm 2017

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Doanh thu đạt 2.183, 609 tỷ, đạt 105,18% kế hoạch
- Lợi nhuận đạt 2,3 tỷ, chỉ đạt 5,49% kế hoạch (kế hoạch: 41,897 tỷ lợi nhuận)

Nhận xét chung

- Năm 2017 là năm thứ hai dây chuyền luyện gang thép của KLH Gang thép Cao Bằng đi vào hoạt động về cơ bản các thiết bị hoạt động tương đối ổn định, năm 2017

công ty đạt và vượt kế hoạch sản lượng sản xuất, sản lượng tiêu thụ và doanh thu. Tuy nhiên, lợi nhuận năm 2017 chưa đạt kế hoạch theo kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra, do một số nguyên nhân:

+ Giá bán bình quân thực hiện thực tế giảm so với kế hoạch

+ Các chi phí lãi vay, khấu hao tăng so với kế hoạch

+ Giá nguyên liệu đầu vào tăng so với kế hoạch (tinh quặng sắt, than cốc...)

+ Tiêu hao nguyên nhiên liệu tăng so với kế hoạch

Một số chỉ tiêu cơ bản trên bảng CĐKT lập ngày 31/12/2017:

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Tăng, giảm so với đầu năm	
				Số tiền	Tỷ lệ %
B	*C*	*1*	*2*	*3=1-2*	*4=3/2*
Tài sản ngắn hạn	**100**	**451.869.198.007**	**554.563.736.370**	**(102.694.538.363)**	**-19%**
Tiền tương đương tiền	110	1.523.828.427	25.261.216.743	(23.737.388.316)	-94%
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	3.341.934.086	25.319.069.833	(21.977.135.747)	-87%
Hàng tồn kho	140	434.222.299.886	466.151.590.826	(31.929.290.940)	-7%
Tài sản ngắn hạn khác	150	12.781.135.608	37.831.858.968	(25.050.723.360)	-66%
Tài sản dài hạn	**200**	**1.843.147.002.131**	**1.973.378.495.057**	**(130.231.492.926)**	**-7%**
Các khoản phải thu dài hạn	210	13.348.000.000	11.629.000.000	1.719.000.000	15%
Tài sản cố định hữu hình	221	1.760.253.079.368	1.734.010.753.207	26.242.326.161	2%
Tài sản dở dang dài hạn	240	10.811.196.566	165.079.624.103	(154.268.427.537)	-93%
Tài sản dài hạn khác	260	58.734.726.197	62.659.117.747	(3.924.391.550)	-6%
Tổng cộng tài sản (270= 100 + 200)	**270**	**2.295.016.200.138**	**2.527.942.231.427**	**(232.926.031.289)**	**-9%**
Nợ phải trả	**300**	**2.156.813.111.929**	**2.392.039.493.085**	**(235.226.381.156)**	**-10%**
Nợ ngắn hạn	310	830.251.004.089	926.518.599.450	(96.267.595.361)	-10%
Nợ dài hạn	330	1.326.562.107.840	1.465.520.893.635	(138.958.785.795)	-9%
Vốn chủ sở hữu	**400**	**138.203.088.209**	**135.902.738.342**	**2.300.349.867**	**2%**
Vốn góp của chủ sở hữu	411	430.063.660.000	430.063.660.000	-	0%
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(291.860.571.791)	(294.160.921.658)	2.300.349.867	-1%
Tổng cộng nguồn vốn	**440**	**2.295.016.200.138**	**2.527.942.231.427**	**(232.926.031.289)**	**-9%**

- Công tác quản lý, sử dụng lao động trong năm 2017 có nhiều tiến bộ, tỷ lệ lao động quản lý từ trên 12% giảm xống dưới 10%. Tuy nhiên lao động phục vụ tăng cao so với năm trước.

Thời điểm	**Tổng số**	**C.Nghệ**	**P.Trợ**	**P.Vụ**	**Q.Lý**
Cuối kỳ: 31.12.2017 (người)	889	541	162	99	87
Tỷ lệ:%/T.Số	100,00	60,85	18,22	11,14	9,79

Đầu kỳ 31.12.2016 (người)	850	556	165	24	105
Tỷ lệ:%/T.Số	100,00	65,41	19,41	2,82	12,35
Tăng giảm so đầu kỳ (người)	39	(15)	(3)	75	(18)

Nhận xét chung

Qua xem xét thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017, Ban kiểm soát có ý kiến như sau :

- Công ty đã áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp, chuẩn mực kế toán, thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành.
- Nhìn chung các chỉ tiêu về hiệu quả kinh doanh như tổng tài sản, lợi nhuận sau thuế và các chỉ tiêu tỷ suất ROA, ROE năm 2017 đều có sự cải thiện so với với cùng kỳ năm 2016
- Hàng tồn kho lớn (434,2 tỷ), trong đó giá trị nguyên vật liệu là 263 tỷ, tăng 200 tỷ so với số dư đầu năm 2017. Đề nghị Công ty xem xét lập kế hoạch sản xuất, dữ trữ nguyên vật liệu phù hợp với thị trường để tránh tình trạng vốn ứ đọng không hiệu quả.
- Công ty cần xây dựng quy trình, quy chế nội bộ từ khâu mua sắm quản lý vật tư, định mức vật tư đưa vào sản xuất, quy trình vận hành, quy trình tiêu thụ sản phẩm, quy chế tài chính... để đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo hiệu quả đầu tư của dự án, bảo toàn vốn cho các cổ đông.
- Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty vẫn chưa thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng tại Nhà máy gang thép Cao Bằng. Đề nghị Công ty sớm quyết toán vốn đầu tư dự án làm cơ sở trích và điều chỉnh KHTSCĐ đưa vào giá thành sản xuất phù hợp với quy định.
- Công ty vẫn chưa làm chủ hoàn toàn trong vận hành công nghệ nhà máy, chi phí hợp đồng thuê chuyên gia Trung Quốc vẫn còn lớn (Bình quân 27 người với tổng chi phí năm 2017 là 25,18 tỷ đồng).

2.4 Hoạt động khác của BKS

- Tiến hành xem xét các báo cáo tài chính theo quý do Ban Điều hành cung cấp.
- Đánh giá, kiểm tra tình hình công nợ, tình hình hàng tồn kho.
- Tham gia buổi họp kết luận của kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2017

3. Thù lao và chi phí hoạt động của BKS

- Trong năm 2017, các thành viên BKS đã nỗ lực trong việc thực thi dựa trên chức năng và nhiệm vụ được giao.
- Về thù lao và chi phí hoạt động của BKS

  + Thù lao theo NQ ĐHĐCĐ năm 2017 thông qua: 70,8 triệu

II. Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2018

- Giám sát tính tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2018: BKS tiếp tục phối hợp chặt chẽ trong việc xem xét các báo cáo đánh giá của kiểm toán độc lập và giám sát việc thực thi các vấn đề được kiểm toán đưa ra.
- Tiếp tục rà soát, xem xét, giám sát các quy chế tài chính, quy chế hoạt động cũng như các quy định chính sách do HĐQT và BĐH ban hành trong năm, đồng thời,

đảm bảo tính tuân thủ luật pháp, đánh giá sự ảnh hưởng đến lợi ích cổ đông của việc thực thi các quy định này.

III. Kết luận và kiến nghị:

Ban kiểm soát thống nhất với số liệu Báo cáo tài chính năm 2017 do Công ty CP gang thép Cao Bằng lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, đảm bảo lợi ích cho cổ đông, BKS có một số kiến nghị như sau:

- Tổ chức sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của toàn Công ty cho phù hợp với điều kiện sản xuất. Tuyển dụng đào tạo và sắp xếp, bố trí nhân lực theo cơ cấu và mô hình sản xuất. Bổ nhiệm cán bộ có năng lực tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, công tác chuyên môn nghiệp vụ.
- Thu xếp vốn vay đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh với mức lãi suất thấp nhất.
- Công tác quản lý chi phí đầu vào: Kiểm soát tiêu hao NVL; Phân tích, dự báo giá nguyên vật liệu, lập kế hoạch dữ trữ tồn kho hợp lý; Thực hiện công tác chào hàng cạnh tranh, đấu thầu mua bán các loại vật tư hàng hóa để tìm được các nhà cung ứng có giá thấp, đảm bảo chất lượng nhất là đối với các loại vật tư, nhiên liệu có giá trị lớn, như: than cốc, quặng sắt, vật tư công nghệ luyện kim…kiểm soát chặt chẽ nguyên liệu tồn kho tại nhà máy.
- Xây dựng phương án tiêu thụ sản phẩm về giá cả, chất lượng đảm bảo hiệu quả SXKD và thời gian thu hồi vốn nhanh nhất.
- Xây dựng và bổ sung các quy trình, quy chế, quy định nội bộ để kiểm soát, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trên đây là toàn bộ nội dung BKS báo cáo Đại hội đồng cổ đông. Kính mong Quý vị đóng góp ý kiến để BKS làm tốt chức năng, nhiệm vụ cổ đông giao phó và kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thay mặt BKS, chúng tôi xin chân thành cảm ơn HĐQT, Ban lãnh đạo,các phòng ban đơn vị, các cổ đông và cán bộ CNV Công ty đã hỗ trợ và tạo điều kiện cho chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ.

Xin trân trọng cảm ơn.

TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Hương

CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG
ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Số: 30 /TTr - HĐQT

Cao Bằng, ngày 13 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH
Về việc: Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2017
Kế hoạch chi trả thù lao năm 2018

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Thực hiện Nghị quyết số 480/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên thường niên năm 2017 thông qua mức thù lao đối với các thành viên HĐQT, BKS và Thư ký năm 2017.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thực hiện việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2017, cụ thể như sau:

TT	Chức danh	Số lượng	Tiền thù lao đồng/người/tháng	Số tháng	Tiền thù lao đồng/năm
1	Chủ tịch HĐQT	1	2.400.000	12	28.800.000
2	Thành viên HĐQT	4	2.100.000	12	100.800.000
3	Trưởng BKS	1	2.100.000	12	25.200.000
4	Ủy viên BKS, Tký	3	1.900.000	12	68.400.000
	Cộng	**9**			**223.200.000**

(Bằng chữ: Hai trăm hai mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng)

Kế hoạch năm 2018 Công ty đề nghị mức chi trả thù lao đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký như sau:

TT	Chức danh	Số lượng	Tiền thù lao đồng/người/tháng	Số tháng	Tiền thù lao đồng/năm
1	Chủ tịch HĐQT	1	2.400.000	12	28.800.000
2	Thành viên HĐQT	4	2.100.000	12	100.800.000
3	Trưởng BKS	1	2.100.000	12	25.200.000
4	Ủy viên BKS, Tký	3	1.900.000	12	68.400.000
	Cộng	**9**			**223.200.000**

(Bằng chữ: Hai trăm hai mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng)

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức chi trả thù lao đối với các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký Công ty năm 2017 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2018 với các nội dung nêu trên.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Trịnh Văn Tuệ

CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG
ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Số: 31/TTr-BKS

Cao Bằng, ngày 13 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH
Về việc: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội khóa 13 nước CHXHXN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày 11 tháng 10 năm 2006; sửa đổi bổ sung ngày 08 tháng 7 năm 2016;

Để thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2018 của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 chấp thuận và ủy quyền cho Ban kiểm soát phối hợp với Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành với chi phí hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Lưu: VP, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Hương

CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG
ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 32/TTr - HĐQT

Cao Bằng, ngày 13 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày 11 tháng 10 năm 2006; sửa đổi bổ sung ngày 08 tháng 7 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC, ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện nay của Công ty được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, xây dựng theo Điều lệ mẫu, ban hành kèm theo thông tư số 121/2012/TT - BTC ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính, quy định về quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng.

Đối chiếu với các văn bản nêu trên, Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty có nhiều điểm chưa phù hợp với quy định mới. Để bản Điều lệ là cơ sở pháp lý thiết thực cho mọi hoạt động của Công ty và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

(*Có phụ lục sửa đổi bổ sung Điều lệ kèm theo*)./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Trịnh Văn Tuệ

ĐIỀU LỆ 2016	ĐIỀU LỆ 2018 (MẪU)
PHẦN MỞ ĐẦU	PHẦN MỞ ĐẦU
2. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được xây dựng trên cơ sở: - Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Điều lệ mẫu áp dụng cho các Công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.	***Sửa đổi*** - Điều lệ mẫu áp dụng cho các Công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.
CHƯƠNG I: **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**	**CHƯƠNG I:** **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**
Điều 1. Giải thích từ ngữ, thuật ngữ trong Điều lệ *1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau*: e) "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. f) "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. g) "Người quản lý công ty" có nghĩa là Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này. i) "Cổ đông" có nghĩa là mọi tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty và phải được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông.	**Điều 1. Giải thích từ ngữ, thuật ngữ trong Điều lệ** ***Sửa đổi*** e) "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu. ***Bổ sung*** …) "Người điều hành Công ty" là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty. ***Bổ sung*** ….) "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại Khoản 9, Điều 6, Luật Chứng khoán.
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam. 6. Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty.	**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty** ***Bổ sung*** 2. Công ty có biểu tượng riêng như sau: (in biểu tượng của Công ty) ***Bỏ*** 6. Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty

8. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 51 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	***Sửa đổi*** 8. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 55 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn
	Bổ sung **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.** Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật, là Giám đốc Công ty. Người đại diện theo pháp luật có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định hiện hành của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	**Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động** ***Bổ sung*** 1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp (hoặc quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
CHƯƠNG II: **VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**	**CHƯƠNG II:** **VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 2. Cổ phần: a) Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông, kể cả các cổ phần do Nhà nước nắm giữ. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11, Điều 12 của Điều lệ này. c) Việc chào bán cổ phần của công ty thực hiện theo các quy định tại các Điều 122, 123, 124 của Luật doanh nghiệp và quy định của pháp luật về chứng khoán.	**Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập** 2. Cổ phần: ***Sửa đổi.*** a) Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 của Điều lệ này. ***Bổ sung*** - Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện

	và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
3. Mua lại cổ phần Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty có thể mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định tại Điều 130 Luật doanh nghiệp. Cổ phần được Công ty mua lại theo quy định tại Điều 129, 130 Luật doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Khoản 4, Điều 111 Luật doanh nghiệp. HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan. Trường hợp HĐQT không thực hiện chào bán, Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần., trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác	***Bổ sung*** 3. Mua lại cổ phần Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty có thể mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định tại Điều 130 Luật doanh nghiệp. Cổ phần được Công ty mua lại theo quy định tại Điều 129, 130 Luật doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán (cổ phiếu quỹ) theo quy định tại Khoản 4, Điều 111 Luật doanh nghiệp. HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan. Trường hợp HĐQT không thực hiện chào bán, Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần., trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
5. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.	***Bổ sung*** ..) Cổ đông sáng lập là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác của các cổ đông sáng lập được nêu tại phụ lục đính kèm Điều lệ này. Trường hợp cổ đông sáng lập chuyển nhượng cổ phần theo quy định tại Điều 8 Điều lệ này, thì đương nhiên không còn là cổ đông sáng lập của Công ty, cổ đông nhận chuyển nhượng cổ phần có các quyền và trách nhiệm theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này.
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông 2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp	**Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu** ***Sửa đổi*** 2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện

luật của Công ty theo các quy định tại Luật doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại Khoản 1, Điều 120 của Luật doanh nghiệp. *5. Sổ đăng ký cổ đông:* *a) Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Cổ đông phổ thông và cổ đông ưu đãi khác có thể được đăng ký vào các sổ khác nhau. Sổ đăng ký cổ đông ít nhất phải có các nội dung sau:* *- Tên, trụ sở chính của Công ty.* *- Tổng số cổ phần được quyền phát hành, loại cổ phần được quyền phát hành và tổng số cổ phần được quyền phát hành của từng loại.* *- Tổng số cổ phần đã phát hành từng loại và giá trị vốn của cổ phần đã góp.* *- Tên cổ đông được sắp xếp theo vần chữ cái, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.* *b) Sổ đăng ký cổ đông có thể được lập và lưu trữ bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông có thể được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc nơi khác nhưng phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả các cổ đông biết. Các cổ đông có quyền xem xét và nhận được bản sao danh sách cổ đông Công ty trong giờ làm việc tại nơi lưu giữ sổ đăng ký cổ đông.* *6. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.*	từ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp. (bỏ mục này) (bỏ mục này)
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác 1. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ	***Bổ sung*** **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán, sổ đăng ký cổ đông** ***Bổ sung*** 1. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ

các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.	các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác. 2. Sổ đăng ký cổ đông: a) Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Cổ đông phổ thông và cổ đông ưu đãi khác có thể được đăng ký vào các sổ khác nhau. Sổ đăng ký cổ đông ít nhất phải có các nội dung sau: - Tên, trụ sở chính của Công ty. - Tổng số cổ phần được quyền phát hành, loại cổ phần được quyền phát hành và tổng số cổ phần được quyền phát hành của từng loại. - Tổng số cổ phần đã phát hành từng loại và giá trị vốn của cổ phần đã góp. - Tên cổ đông được sắp xếp theo vần chữ cái, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần. b) Sổ đăng ký cổ đông có thể được lập và lưu trữ bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông có thể được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc nơi khác nhưng phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả các cổ đông biết. Các cổ đông có quyền xem xét và nhận được bản sao danh sách cổ đông Công ty trong giờ làm việc tại nơi lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. 3. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền biểu quyết, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ	**Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.	***Bổ sung*** 3. Trong vòng 3 năm kể từ ngày được thành lập, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp. Cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác. Trường hợp chuyển nhượng số cổ phần này cho những người không phải là cổ đông sáng lập thì cần phải có sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết và việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty.
Điều 9. Thu hồi cổ phần 3. Nếu sau thời hạn quy định, cổ đông chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán được một phần số cổ phần đã đăng ký mua thì thực hiện như sau: .... c) Số cổ phần chưa thanh toán được coi là cổ phần chưa bán và Hội đồng quản trị có quyền thu hồi và quyết định phương án xử lý tiếp theo. 4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	***Bổ sung*** **Điều 10. Thu hồi và thanh toán cổ phần** ***Sửa đổi*** c. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện. ***Bổ sung*** 4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
CHƯƠNG III: **CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**	**CHƯƠNG III:** **CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty 2. Cơ cấu tổ chức của các chi nhánh và văn phòng đại diện của Công ty được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị đó do HĐQT Công ty ban hành.	(Bỏ mục này)
Mục 1: **CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**	**Mục 1:** **CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Điều 11. Quyền của cổ đông	**Điều 12. Quyền của cổ đông**
	Bổ sung
	2. Cổ đông được quyền đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vị và lợi ích ngang nhau.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:	
...	***Sửa đổi***
c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 7 Điều lệ này;	c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 8 Điều lệ này;
đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	***Bổ sung***
	..) Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.
	Sửa đổi
g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;	g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với Nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 06 (Sáu) tháng trở lên, có các quyền sau:	
	Sửa đổi
a) Đề cử các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Khoản 5, Điều 24, Khoản 5 Điều 32 Điều lệ này;	a) Đề cử các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Khoản 2, Điều 25, Khoản 2 Điều 36Điều lệ này;
	Bổ sung
	5. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông 5. Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.	**Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông** ***Sửa đổi*** 2) Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp. b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. ***Bổ sung*** 7. Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật danh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau: a) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; b) Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông 2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp nhưng phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và dự toán ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm. (bỏ) 3. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây: .... c) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất từ 30% trở lên so với số đầu kỳ;	**Điều 14. Đại hội đồng cổ đông** ***Sửa đổi*** 2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp nhưng phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và dự toán ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán dự Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.. ***Sửa đổi*** c) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

d) Khi số thành viên của HĐQT, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;	d) Khi số thành viên của HĐQT, thành viên HĐQT độc lập, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định trong Điều lệ này;
e) Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội bằng một văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.	e) Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội bằng một văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.
4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường: a) HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại ít hơn số thành viên nêu tại điểm d khoản 3 Điều này, hoặc nhận được yêu cầu nêu tại điểm b, đ khoản 3 hoặc điểm e khoản 3 Điều này. (bỏ)	***Sửa đổi*** a) HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên HĐQT độc lập, Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm d khoản 3 Điều này, hoặc nhận được yêu cầu nêu tại điểm đ, e khoản 3 Điều này.
c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp, những cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại điểm e, khoản 3 của Điều này có quyền thay thế HĐQT, Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	***Sửa đổi*** c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b, khoản 4 Điều này, thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại điểm đ, khoản 3 của Điều này có quyền thay thế HĐQT, Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 36 Luật doanh nghiệp. ***Bổ sung*** d) Người triệu tập phải lập và chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều 18 Điều lệ này.
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: ... e) Định hướng phát triển của Công ty (kế hoạch dài hạn).	**Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông** ***Bổ sung*** e) Định hướng, kế hoạch phát triển ngắn hạn, và dài hạn của Công ty.

	Sửa đổi
l) Quyết định đầu tư, quyết định giao dịch mua, bán tài sản của Công ty hoặc chi nhánh có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;	m) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
n) Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại được chào bán trong 12 tháng;	n) Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại được chào bán;
o) Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;	q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những người được quy định tại khoản 1, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
	r) Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này.
3. Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua:	3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua trong các trường hợp sau đây:
a) Các hợp đồng, giao dịch quy định tại Điểm p Khoản 2 Điều này nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng hay giao dịch;	a) Thông qua các hợp đồng, giao dịch quy định tại Điểm q Khoản 2 Điều này nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng hay giao dịch;
b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan đến cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.	b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan đến cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
Điều 15. Các đại diện được uỷ quyền	**Điều 16. Các đại diện được uỷ quyền**
....	
2. Việc chỉ định đại diện được ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:	
	Bổ sung
a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;	a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp;
	Sửa đổi
b) Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện	b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức

theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp; 5. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực ngay cả khi người ủy quyền đã: ..... c) Huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền; Tuy nhiên, quy định này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.	và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp; ***<u>Sửa đổi</u>*** Tuy nhiên, quy định này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp nêu trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.
Điều 16. Thay đổi các quyền 1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. 3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 19 Điều lệ này.	**Điều 17. Thay đổi các quyền** **Sửa đổi** 1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. ***<u>Sửa đổi</u>*** 3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b, Khoản 4 Điều 13, hoặc tại điểm c, Khoản 4 Điều 13. 2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ	**Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông** ***<u>Bổ sung</u>*** 1. Công ty phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của Công ty. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. ***<u>Sửa đổi</u>*** 1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b, hoặc tại điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;	a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;	***Bổ sung*** đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điên tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đảm bảo, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điên tử (website) của Công ty. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười năm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đưỡng dẫn đén toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận bao gồm: a) Chương trình họp,các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ongs viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; c) Phiếu biểu quyết; d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; đ) Dự thảo nghị quyết đối với từng vẫn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho	5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải

Công ty ít nhất 3 ngày làm việc trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.	được gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày làm việc trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 của Điều này, nếu: a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ 5% trở lên cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên; c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.	5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến khoản 4 của Điều này, nếu thuộc một trong các trường hợp sau: a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% trở lên cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Điều lệ này; c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi, thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
8. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình (bỏ)	***Bổ sung*** 8. Hội đồng quản trị hoặc người có thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các trường hợp quy định tại điểm b, hoặc điểm c, Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. 4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi	**Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông** ***Sửa đổi*** 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. 4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi

kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.	kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông .... 3. Chủ toạ, thư ký và ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau: d) Đại hội đại hội đồng cổ đông bầu trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ; Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành. ..... 6. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình của Đại hội. Việc biểu quyết tại đại hội được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó hoặc công bố trước khi bế mạc Đại hội đồng cổ đông. ... 10. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.	**Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông** ***Sửa đổi*** d) Đại hội đại hội đồng cổ đông bầu trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ; Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa. ***Sửa đổi*** 6. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình của Đại hội. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. ***Sửa đổi*** 10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội. ***Bổ sung*** 13. Hàng năm, Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
Điều 20. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức	**Điều 21. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. 2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty; b) Định hướng phát triển Công ty (kế hoạch phát triển dài hạn); c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát; đ) Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty; e) Quyết định dự án đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán; g) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán; h) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán; i) Các hình thức tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty; 3. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ 75**%** tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông: 4. Nghị quyết về các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông trừ các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều này: 5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Điều 34 Điều lệ này.	***Sửa đổi*** e) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc giao dịch mua do Công ty thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán; ***Sửa đổi*** 3. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ 65**%** tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông: 4. Nghị quyết về các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ 51% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông trừ các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều này: 5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Điều 39 Điều lệ này. ***Bổ sung*** 7. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có

	hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty (trừ các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 20 Điều lệ này phải được biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông). Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận. 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.	**Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông** ***<u>Sửa đổi</u>*** 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty (trừ các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 21 Điều lệ này phải được biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông). Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận. ***<u>Bổ sung</u>*** 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 18 Điều lệ này.
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty, có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung theo quy định tại Điều 146 Luật doanh nghiệp, có chữ ký của Chủ tọa đại hội và Thư ký	**Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông** ***<u>Sửa đổi</u>*** 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty, có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và phải có các nội dung theo quy định tại Điều 146 Luật doanh nghiệp, có chữ ký của Chủ tọa đại hội và Thư ký
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ	**Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông** ***<u>Sửa đổi</u>*** Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ

đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3, Điều 11 Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần của nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.	đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3, Điều 12 Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần của nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: ***<u>Bổ sung</u>*** 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 7, Điều 21 Điều lệ này.
Mục 2: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**	**Mục 2:** **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
	<u>Bổ sung</u> **Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị** 1. Trường hợp đx xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: a) Họ tên, ngày, tháng, năm sing; b) Trình độ học vấn; c) Trình độ chuyên môn; d) Quá trình công tác; đ) Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty. g) Các lợi ích có liên quan đến Công ty (nếu có); h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

	i) Các thông tin khác; 2. Giới thiệu đề cử vào Hội đồng quản trị. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. 3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ ... 4. Các thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông. Các cổ đông được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng quản trị. 5. Giới thiệu, đề cử vào Hội đồng quản trị Các cổ đông nắm giữ ít hơn 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. 6. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng	**Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ** ***(Bỏ)*** ***(Bỏ)*** ***(Bỏ)***

cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.	***Bổ sung*** 4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị. d) Cơ cấu Hội đồng quản trị đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty và có xét yếu tố về giới tính.
7. Một thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau: .... d) Vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;	***Bổ sung*** d) Vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng; ... h) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; i) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị; k) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị ... 3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: .... đ) Đề xuất việc tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty; e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải	**Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị** ***Bổ sung*** đ) Đề xuất việc tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty; đề xuất Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền. Quyết định tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, chuyển đổi Công ty, quyết định Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua. e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý, cán bộ điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của

quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;	Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý, cán bộ điều hành đó;
	Bổ sung
m) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên HĐQT, BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên HĐQT có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.	m) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch được ký giữa Công ty và những đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 162 Luật doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên HĐQT, BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên HĐQT có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
	Sửa đổi
n) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm l, Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp.	n) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm m, Khoản 2 Điều 15 Điều lệ này, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp.
	Bổ sung
	o) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.
p) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;	p) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
q) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông biết việc HĐQT bổ nhiệm Giám đốc .	
	s) Được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong Công ty (nếu có);
	t) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:	4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
	Bổ sung
	a) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty; thành lập các Công ty con của Công ty (nếu có);

	Sửa đổi
a) Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 của Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại tại điểm d, khoản 2 điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thâu tóm công ty và liên doanh);	b) Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 của Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại tại điểm d, khoản 2 điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Công ty
	Bổ sung
d) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc vượt quá giá trị kế hoạch;	đ) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc vượt quá giá trị kế hoạch; hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
e) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;	e) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty quy định tại điểm d, khoản 3 Điều này và điểm n, khoản 2 Điều 15 tại những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
5. HĐQT phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.	5. HĐQT phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.
6. HĐQT có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty, trừ khi luật pháp có quy định khác.	6. HĐQT có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý, cán bộ điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty, trừ khi luật pháp có quy định khác.
.....	***Sửa đổi***
8. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất sáu tháng có quyền yêu cầu HĐQT đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.	8. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu HĐQT đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

9. Các thành viên HĐQT (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thù lao của thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên. 10. Tổng số tiền trả cho các thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. 11. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch HĐQT), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT. 12. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, kể cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông.	**(Bỏ)**
	<u>Bổ sung</u> **Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT** 1. Các thành viên HĐQT (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thù lao của thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty, phải báo cáo

	Đại hội đồng cổ đông thường niên. 2. Tổng số tiền trả cho các thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. 3. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch HĐQT), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT. 4. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, kể cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông.
Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn và bầu một thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ tịch HĐQT. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Giám đốc của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. ..... 5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.	**Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị** ***<u>Sửa đổi</u>*** 1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn và bầu một thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ tịch HĐQT. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Giám đốc của Công ty. ***<u>Bổ sung</u>*** 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày
Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 1. Cuộc họp bầu Chủ tịch HĐQT. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu ra Chủ tịch HĐQT và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được	**Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị** 1. Cuộc họp bầu Chủ tịch HĐQT. ***<u>Sửa đổi</u>*** Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT

tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.	nhiệm kỳ đó. Hội đồng quản trị phải bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị tại cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT, đồng thời ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
.....	***Bổ sung***
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.	5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Địa điểm họp.	6. Địa điểm họp.
	Sửa đổi
Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và sự nhất trí của HĐQT.	Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và sự nhất trí của HĐQT.
7. Thông báo và chương trình họp.	7. Thông báo và chương trình họp.
	Sửa đổi
a) Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 05 ngày trước khi tổ chức họp, đồng thời gửi các thành viên Ban kiểm soát hoặc Giám đốc Công ty không phải là thành viên HĐQT; các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu biểu quyết của thành viên HĐQT.	a) Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ít nhất 05 ngày trước khi tổ chức họp, đồng thời có thể gửi Giám đốc Công ty không phải là thành viên HĐQT; các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu biểu quyết của thành viên HĐQT.
	Bổ sung
Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.	Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được đăng ký tại công ty.
8. Số thành viên tham dự tối thiểu.	8. Số thành viên tham dự tối thiểu.
	Bổ sung
a) Cuộc họp của Hội đồng quản trị	a) Cuộc họp của Hội đồng quản trị

theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền). .... 9. Biểu quyết. .... d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó. ..... 15. Biên bản cuộc họp HĐQT. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu theo Điều 154 Luật doanh nghiệp và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký ít nhất của 01 thành viên HĐQT tham gia cuộc họp và có đóng dấu của Công ty. Cuộc họp HĐQT có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.	theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. ***<u>Sửa đổi</u>*** d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều 41 Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó. .... 15. Biên bản cuộc họp HĐQT. ***<u>Bổ sung</u>*** Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu theo Điều 154 Luật doanh nghiệp và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự và người ghi biên bản. Cuộc họp HĐQT có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.
	<u>Bổ sung</u> **Điều 31. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị** 1. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban, cụ thể Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm soát nội bộ. Thành viên của tiểu ban có ít nhất ba (03) người, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập/thành viên quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban này

	tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị. 2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ Công ty
	Bổ sung **Điều 32. Người phụ trách Công ty** 1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Công ty kiêm nhiệm làm thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người quản trị Công ty do Hội đồng quan trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. 2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau: a) Có hiểu biết về pháp luật; b) Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; c) Am hiểu hoạt động kinh doanh và quản trị nội bộ của Công ty; có khả năng tổng hợp, sử dụng thành thạo tin học, và các thiết bị văn phòng; d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị. 3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. 4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau: a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông; b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát. c) Tư vấn thủ tục của các cuộc họp; d) Tham dự các cuộc họp; e) Tư vấn thủ tục lập các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định

	của pháp luật; g) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; h) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về hoạt động công bố thông tin của Công ty; i) Bảo ật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; k) Được hưởng thù lao (phụ cấp) theo Quy chế quản lý nội bộ của Công ty và/hoặc theo quyết định của Hội đồng quản trị. l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
Mục 3: **GIÁM ĐỐC CÔNG TY, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY**	**Mục 3:** **GIÁM ĐỐC CÔNG TY, VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY**
Điều 30. Bổ nhiệm, bãi miễn, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc .... 2. Nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 năm trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. ..... 4. Quyền hạn và nhiệm vụ. e) Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty, góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác.	**Điều 35. Bổ nhiệm, bãi miễn, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.** 2. Nhiệm kỳ. ***Bổ sung*** Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 năm trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồn lao động (nếu có). ***Bổ sung*** e) Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty, góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác; đề nghị phê duyệt các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Đề nghị thông qua việc tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty, đề xuất Quy chế nội bộ về quản trị Công ty báo cáo Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền.
Điều 31. Thư ký Công ty 1. HĐQT chỉ định một hoặc một số người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản về thù lao, quyền lợi và nhiệm vụ của Thư ký Công ty theo quyết định của Hội đồng, đồng thời có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định pháp luật về lao động hiện hành.	**(Bỏ)**

2. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm: a) Chuẩn bị các cuộc họp của HĐQT, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát; b) Làm biên bản các cuộc họp; c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d) Tham dự các cuộc họp; đ) Đảm bảo các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp. e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; 3. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.	
Mục 4: **BAN KIỂM SOÁT**	**Mục 4:** **BAN KIỂM SOÁT**
	Bổ sung **Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên** 1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ học vấn; c) Trình độ chuyên môn; d) Quá trình công tác; đ) Các Công ty mà ứng viên đang nắm chức vụ Kiểm soát viên và các chức danh quản lý, điều hành khác; e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đang là Kiểm soát viên của Công ty; g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); h) Họ, tên cổ đông hoặc nhóm cổ

	đông đề cử ứng viên dod (nếu có); i) Các thông tin khác (nếu có); 2. Giới thiệu đề cử vào Ban kiểm soát. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. 3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục và cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khác. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty. Thành viên Ban kiểm soát phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật 3. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc	***<u>Sửa đổi</u>*** **Điều 37. Số lượng, thành phần, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên** 1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. ***<u>Bổ sung</u>*** 2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau: a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; b) Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó; **(Bỏ)**

lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty và phải có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam. 4. Ban kiểm soát phải bầu một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty, không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính và không phải là Giám đốc tài chính của công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: ..... 5. Giới thiệu, đề cử vào Ban kiểm soát. Các cổ đông nắm giữ ít hơn 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. 6. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử. 7. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau: a) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát hoặc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp. b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty; c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ	***Sửa đổi*** 3. Các Kiểm soát viên phải bầu một Kiểm soát viên làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty, không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính và không phải là Giám đốc tài chính của Công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: ..... **(Bỏ)** ***Sửa đổi*** 4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau: a) Kiểm soát viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên hoặc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp. b) Kiểm soát viên đó có đơn từ chức được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận; c) Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng

người đó không còn năng lực hành vi dân sự; d) Thành viên đó không thực hiện nghĩa vụ của mình, vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (6) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; đ) Thành viên đó bị miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông do không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này e) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó; g) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.	tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự; d) Kiểm soát viên đó không thực hiện nghĩa vụ của mình, vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (6) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng; đ) Kiểm soát viên đó bị bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông do không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này ***<u>Bổ sung</u>*** h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
Điều 33. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát 1. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát: a) Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao; ..... đ) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này; e) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong	**Điều 38. Ban kiểm soát** 1. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát: ***<u>Sửa đổi</u>*** a) Giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, và người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông; ***<u>Bổ sung</u>*** b) Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về hoạt động giám sát và thực hiện các nhiệm vụ được giao; ***<u>Sửa đổi</u>*** e) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này; g) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong

thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;	thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
f) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;	
g) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 160 Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;	i) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và người điều hành khác vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
	Bổ sung
h) Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập; thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;	k) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập; thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
.....	
2. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:	
.....	***Sửa đổi***
c) Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị, họp Đại hội đồng cổ đông sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.	c) Người phụ trách quản trị (Thư ký) Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị, họp Đại hội đồng cổ đông sẽ phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
d) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.	***(Bỏ)***
e) Thành viên Ban Kiểm soát có	

quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc; g) Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị liên quan đến kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành Công ty phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông. 3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.	***Sửa đổi*** 4. Cuộc họp Ban kiểm soát a) Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký (nếu có) và các Kiểm soát viên tham dự cuộc họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm để xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên. b) Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện Công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các kiểm soát viên quan tâm.
Mục 5: **BẦU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT**	**Mục 5:** **BẦU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT**
Điều 34. Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ..... 2. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định tại các Khoản 5 Điều 24 và Khoản 5 Điều 32 tương ứng. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.	**Điều 39. Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát** ***Sửa đổi*** 2. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định tại các Khoản 2 Điều 25 và Khoản 2 Điều 36 tương ứng. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
Mục 6: **NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM**	**Mục 6:** **NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN**

SOÁT GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH KHÁC
Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	**Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**
	Bổ sung
	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
.....	
2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.	(Bỏ)
	Bổ sung
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân nào mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	3. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân nào mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp Công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các Công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ-Công ty con, Tập đoàn Kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
	Sửa đổi
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý khác, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:	4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác, hoặc các cá nhân, tổ chức liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan	a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan

trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc .... c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.	trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cán bộ điều hành đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc .... c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông, thông qua hoặc phê chuẩn. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác, cá nhân và tổ chức có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan
Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.	**Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường** 1. Trách nhiệm về thiệt hại. ***Sửa đổi*** Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
CHƯƠNG IV: **QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**	**CHƯƠNG IV:** **QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**
Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy	**Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ** ***Sửa đổi*** 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy

quyền của cổ đông mà người đó đại diện, hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.	quyền của cổ đông mà người đó đại diện, hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
CHƯƠNG V: **NGƯỜI LAO ĐỘNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG CÔNG TY**	**CHƯƠNG V:** **NGƯỜI LAO ĐỘNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG CÔNG TY**
Điều 39. Người lao động, công đoàn và tổ chức chính trị - xã hội 1. Giám đốc Công ty phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.	**Điều 44. Người lao động, công đoàn và tổ chức chính trị - xã hội** ***Sửa đổi*** 1. Giám đốc Công ty phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.
Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý 1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Uỷ ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với công ty niêm yết), cơ quan đăng ký kinh doanh và Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam. .... 3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Uỷ ban chứng khoán Nhà nước và nộp cho Uỷ ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam. 4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được	**Điều 50. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý** ***Sửa đổi*** 1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Uỷ ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với công ty niêm yết), cơ quan đăng ký kinh doanh và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. ***Sửa đổi*** 3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với các công ty niêm yết/Công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các Công ty niêm yết) và nộp về cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh và Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam. 4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán

gửi tới tất cả các cổ đông. Trường hợp Công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên website đó.	viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng qiuy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
Điều 51. Chấm dứt hoạt động 1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: ..... c) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.	**Điều 55. Chấm dứt hoạt động** ***Bổ sung*** c) Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia *hạn (nếu thời hạn hoạt động của Công ty là vô hạn thì bỏ đoạn này)*
	Bổ sung **Điều 56. Gia hạn hoạt động** *(nếu Công ty có thời hạn hoạt động là vô thời hạn thì bỏ đoạn này)* 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thcs thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị. 2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uye quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.
Điều 55. Hiệu lực thi hành 1. Bản Điều lệ này gồm XIII chương và 55 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng nhất trí thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2016 tại Hội trường tầng VIII - Trụ sở Văn phòng Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	**Điều 60. Hiệu lực thi hành** ***Sửa đổi*** 1. Bản Điều lệ này gồm XIII chương và 60 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng nhất trí thông qua ngày tháng 4 năm 2018 tại …….. và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN – TKV
CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG

Số 569/BC-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Cao Bằng, ngày 13 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO TRÌNH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
V/v dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty năm 2018

I. Cơ sở pháp lý.

Điều lệ Công ty năm 2018 được xây dựng:

- Thông tư số 95/2017/TT-BTC, ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

- Phụ lục số 01 "Điều lệ mẫu" ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

II. Kết cấu Điều lệ năm 2018.

* Gồm 13 Chương với 60 Điều tăng 05 điều so với Điều lệ năm 2016, cụ thể:

Chương I. Quy định chung

Bổ sung thêm: "Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty";

Chương II. Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Mục 2 . Hội đồng quản trị - Bổ sung thêm :

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị;

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị;

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty";

Mục 3. Giám đốc Công ty và người điều hành kgacs của Công ty tại Điều lệ năm 2016 bỏ Điều 31. Thư ký Công ty;

Mục 4. Ban kiểm soát – Bổ sung thêm

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

Chương VII. Tài khoản ngân hàng, năm tài chính và chế độ kế toán

Điều lệ năm 2016 bỏ Điều 43. Nguồn bổ sung vốn điều lệ

Chương XI. Chấm dứt hoạt động và thanh lý

Bổ sung thêm: Điều 56. Gia hạn hoạt động.

* Kết cấu cụ thể:

Chương I. **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Giải thích từ ngữ, thuật ngữ trong Điều lệ;

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty;

Bổ sung

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 4. Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh của Công ty *(Điều 3. Điều lệ năm 2016);*

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Chương II. **VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập *(Điều 5. Điều lệ năm 2016)*

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu *(Điều 6. Điều lệ năm 2016)*

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán, Sổ đăng ký cổ đông *(Điều 7. Điều lệ năm 2016)*

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần *(Điều 8. Điều lệ năm 2016)*

Điều 10. Thu hồi và thanh toán cổ phần *(Điều 9. Điều lệ năm 2016)*

Chương III. **CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát *(Điều 10. Điều lệ năm 2016)*

Mục 1. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông *(Điều 11. Điều lệ năm 2016)*

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông *(Điều 12. Điều lệ năm 2016)*

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông *(Điều 13. Điều lệ năm 2016)*

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông *(Điều 14. Điều lệ năm 2016)*

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền *(Điều 15. Điều lệ năm 2016)*

Điều 17. Thay đổi các quyền *(Điều 16. Điều lệ năm 2016)*

Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông *(Điều 17. Điều lệ năm 2016)*

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông *(Điều 18. Điều lệ năm 2016)*

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông *(Điều 19. Điều lệ năm 2016)*

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông *(Điều 20. Điều lệ năm 2016)*

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông *(Điều 21. Điều lệ năm 2016)*

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông *(Điều 22. Điều lệ năm 2016)*

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông *(Điều 23. Điều lệ năm 2016)*

Mục 2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bổ sung:

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị *(Điều 24. Điều lệ năm 2016)*

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị *(Điều 25. Điều lệ năm 2016)*

Bổ sung:

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị *(Điều 26. Điều lệ năm 2016)*

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị *(Điều 27. Điều lệ năm 2016)*

Bổ sung:

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

Mục 3. GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý *(Điều 28. Điều lệ năm 2016)*

Điều 34. Người điều hành Công ty *(Điều 29. Điều lệ năm 2016)*

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc *(Điều 30. Điều lệ năm 2016)*

(Điều 31. Điều lệ năm 2016 "Thư ký Công ty" - bỏ)

Mục 4. **BAN KIỂM SOÁT**

Bổ sung:

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

Điều 37. Số lượng, thành phần, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên *(Điều 32. Điều lệ năm 2016)*

Điều 38. Ban kiểm soát *(Điều 33. Điều lệ năm 2016)*

Mục 5. **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Điều 39. Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát *(Điều 34. Điều lệ năm 2016)*

Mục 6. **TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác *(Điều 35. Điều lệ năm 2016)*

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi *(Điều 36. Điều lệ năm 2016)*

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường *(Điều 37. Điều lệ năm 2016)*

Chương IV. **QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ *(Điều 38. Điều lệ năm 2016)*

Chương V. **CÔNG NHÂN VIÊN, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ-XÃ HỘI TRONG CÔNG TY**

Điều 44. Công nhân viên, công đoàn và tổ chức chính trị-xã hội *(Điều 39. Điều lệ năm 2016)*

Chương VI. **PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Điều 45. Phân phối lợi nhuận *(Điều 40. Điều lệ năm 2016)*

Điều 46. Cổ tức *(Điều 41. Điều lệ năm 2016)*

Chương VII. **TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Điều 47. Tài khoản ngân hàng *(Điều 42. Điều lệ năm 2016)*

(Điều 43. Điều lệ năm 2016 "Nguồn bổ sung vốn điều lệ" – bỏ)

Điều 48. Năm tài chính *(Điều 44. Điều lệ năm 2016)*

Điều 49. Chế độ kế toán *(Điều 45. Điều lệ năm 2016)*

Chương VIII. **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

Điều 50. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý *(Điều 46. Điều lệ năm 2016)*

Điều 51. Báo cáo thường niên *(Điều 47. Điều lệ năm 2016)*

Điều 52. Công khai thông tin *(Điều 48. Điều lệ năm 2016)*

Chương IX. **KIỂM TOÁN CÔNG TY**

Điều 53. Kiểm toán *(Điều 49. Điều lệ năm 2016)*

Chương X. **CON DẤU**

Điều 54. Con dấu *(Điều 50. Điều lệ năm 2016)*

Chương XI. **CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

Điều 55. Chấm dứt hoạt động *(Điều 51. Điều lệ năm 2016)*

Bổ sung:

Điều 56. Gia hạn hoạt động

Điều 57. Thanh lý *(Điều 52. Điều lệ năm 2016)*

Chương XII. **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ *(Điều 53. Điều lệ năm 2016)*

Chương XIII. **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 59. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ *(Điều 54. Điều lệ năm 2016)*

Điều 60. Hiệu lực thi hành *(Điều 55. Điều lệ năm 2016)*

III. Nội dung Điều lệ.

Về nội dung các Điều, Khoản trong Điều lệ năm 2016 và Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2018 không có sự thay đổi nhiều, cơ bản giống nhau và được bổ sung hoặc rút ngắn gọn lại nhưng vẫn đảm bảo tính pháp lý theo quy định của pháp luật.

*** Một số nội dung có sự thay đổi và bổ sung:**

Chương I. Quy định chung

Bổ sung Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật, là Giám đốc Công ty. Người đại diện theo pháp luật có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định hiện hành và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Chương II. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.

Bổ sung khoản 3 Điều 9 "Chuyển nhượng cổ phần"

3. Trong vòng 3 năm kể từ ngày được thành lập, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp. Cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác. Trường hợp chuyển nhượng số cổ phần này cho những người không phải là cổ đông sáng lập thì cần phải có sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết và việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty.

Mục 1. **Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông.**

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.

Điểm c khoản 3. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây:

Điều lệ năm 2016

c) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất từ 30% trở lên so với số đầu kỳ;

d) Khi số thành viên của HĐQT, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

Sửa đổi Dự thảo Điều lệ năm 2018

c) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

d) Khi số thành viên của HĐQT, thành viên HĐQT độc lập, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định trong Điều lệ này;

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

Khoản 5.Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực ngay cả khi người ủy quyền đã:

Điều lệ năm 2016

Tuy nhiên, quy định này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Dự thảo Điều lệ năm 2018

Tuy nhiên, quy định này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp nêu trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều lệ năm 2016

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.

Dự thảo Điều lệ năm 2018

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

Bổ sung

Bổ sung khoản 1. Công ty phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của Công ty. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Sửa đổi khoản 3.

Điều lệ năm 2016

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điên tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

Dự thảo Điều lệ năm 2018

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phươn thức đảm bảo, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điên tử (website) của Công ty. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười năm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đưỡng dẫn đén toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận bao gồm:

a) Chương trình họp,các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ongs viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

đ) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Sửa đổi

Điều lệ năm 2016

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Dự thảo Điều lệ năm 2018

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 21. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Sửa đổi

Điều lệ năm 2016

3. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

4. Nghị quyết về các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông trừ các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều này:

Dự thảo Điều lệ năm 2018

3. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

4. Nghị quyết về các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ 51% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông trừ các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều này:

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Sửa đổi

Điều lệ năm 2016

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty, có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung theo quy định tại Điều 146 Luật doanh nghiệp, có chữ ký của Chủ tọa đại hội và Thư ký

Dự thảo Điều lệ năm 2018

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty, có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và phải có các nội dung theo quy định tại Điều 146 Luật doanh nghiệp, có chữ ký của Chủ tọa đại hội và Thư ký

Mục 2. **Hội đồng quản trị**

Bổ sung

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đx xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sing;

b) Trình độ học vấn;

c) Trình độ chuyên môn;

d) Quá trình công tác;

đ) Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty.

g) Các lợi ích có liên quan đến Công ty (nếu có);

h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i) Các thông tin khác;

2. Giới thiệu đề cử vào Hội đồng quản trị.

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

Bổ sung

o) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

Bổ sung

Điều lệ năm 2016

d) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc vượt quá giá trị kế hoạch;

Dự thảo Điều lệ năm 2018

đ) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc vượt quá giá trị kế hoạch; hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

Sửa đổi

Điều lệ năm 2016

8. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận

thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất sáu tháng có quyền yêu cầu HĐQT đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

Dự thảo Điều lệ năm 2018

8. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu HĐQT đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

Bổ sung

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT

1. Các thành viên HĐQT (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thù lao của thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Tổng số tiền trả cho các thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

3. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch HĐQT), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

4. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, kể cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Bổ sung

Điều 31. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban, cụ thể Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm soát nội bộ. Thành viên của tiểu ban có ít nhất ba (03) người, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị độc

lập/thành viên quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban này tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ Công ty

Điều 32. Người phụ trách Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Công ty kiêm nhiệm làm thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người quản trị Công ty do Hội đồng quan trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c) Am hiểu hoạt động kinh doanh và quản trị nội bộ của Công ty; có khả năng tổng hợp, sử dụng thành thạo tin học, và các thiết bị văn phòng;

d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

c) Tư vấn thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

g) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

h) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

i) Bảo ật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

k) Được hưởng thù lao (phụ cấp) theo Quy chế quản lý nội bộ của Công ty và/hoặc theo quyết định của Hội đồng quản trị.

l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Mục 4. **Ban kiểm soát**

<u>Bổ sung</u>

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ học vấn;

c) Trình độ chuyên môn;

d) Quá trình công tác;

đ) Các Công ty mà ứng viên đang nắm chức vụ Kiểm soát viên và các chức danh quản lý, điều hành khác;

e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đang là Kiểm soát viên của Công ty;

g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

h) Họ, tên cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên dod (nếu có);

i) Các thông tin khác (nếu có);

2. Giới thiệu đề cử vào Ban kiểm soát.

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục và cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 38. Ban kiểm soát

4. Cuộc họp Ban kiểm soát

Điều lệ năm 2016

3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.

Dự thảo Điều lệ năm 2018

a) Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên trở lên dự họp. Biên

bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký (nếu có) và các Kiểm soát viên tham dự cuộc họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm để xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

b) Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện Công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các kiểm soát viên quan tâm.

Chương XI. **Chấm dứt hoạt động và thanh lý**

Bổ sung

Điều 56. Gia hạn hoạt động *(nếu Công ty có thời hạn hoạt động là vô thời hạn thì bỏ đoạn này)*

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Trịnh Văn Tuệ

CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG
ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 33/TTr - HĐQT

Cao Bằng, ngày 13 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua quy chế nội bộ về quản trị công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày 11 tháng 10 năm 2006; sửa đổi bổ sung ngày 08 tháng 7 năm 2016;

Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC, ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung sau:

- Thông qua quy chế nội bộ về quản trị công ty theo các quy định về quản trị nội bộ áp dụng cho công ty đại chúng niêm yết.

(Chi tiết quy chế nội bộ về quản trị Công ty gửi kèm theo).

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm ban hành phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty và theo đúng quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Trịnh Văn Tuệ

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Cao Bằng, ngày 13 tháng 4 năm 2018

Dự thảo

QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số……../QĐ-HĐQT ngày… tháng... năm 2018 của Hội đồng quản trị)

MỤC LỤC

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

Chương II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

Điều 4. Trách nhiệm của cổ đông lớn

Điều 5. Điều lệ công ty

Điều 6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường

Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Điều 8. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Điều 9. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập

Chương III: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 11. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị

Điều 12. Thành phần Hội đồng quản trị

Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 15. Họp Hội đồng quản trị

Điều 16. Thù lao của Hội đồng quản trị

Điều 17. Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Điều 18. Tiểu ban của Hội đồng quản trị

Điều 19. Thư ký công ty

Điều 20. Đào tạo về quản trị công ty

Chương IV: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 21. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

Điều 22. Thành phần Ban kiểm soát

Điều 23. Quyền tiếp cận thông tin của thành viên Ban kiểm soát

Điều 24. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Điều 25. Thù lao của Ban kiểm soát

Chương V: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 26. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác

Điều 27. Giao dịch với người có liên quan

Điều 28. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty

Chương VI: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 29. Nghĩa vụ công bố thông tin

Điều 30. Công bố thông tin về quản trị công ty

Điều 31. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành

Chương VII: GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 32. Giám sát

Điều 33. Xử lý vi phạm

Chương VIII: SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 34. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty

Chương IX: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 35. Ngày hiệu lực

PHỤ LỤC I

QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chương II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VÀ THẨM QUYỀN TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Đại hội đồng cổ đông

Điều 4. Thẩm quyền Triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Điều 5. Nhiệm vụ của Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Chương III: TRÌNH TỰ TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 6. Trình tự triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Chương IV: THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ

Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ

Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

Điều 10. Chủ toạ, Thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 11. Cách thức bỏ phiếu

Điều 12. Cách thức kiểm phiếu

Điều 13. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Điều 14. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Thẩm quyền và Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Lập Biên bản Đại hội cổ đông

Điều 17. Công bố Quyết định và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông (hoặc Biên bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản) ra công chúng

Điều 18. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

PHỤ LỤC II

QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chương II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT

Điều 4. Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị của cổ đông, nhóm cổ đông

Điều 5. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Điều 6. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Điều 7. Trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị

Điều 8. Bổ nhiệm tạm thời thành viên Hội đồng quản trị

Điều 9. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

PHỤ LỤC III

QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chương II: CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quy định về cuộc họp đầu tiên

Điều 4. Cuộc họp định kỳ và bất thường

Điều 5. Thông báo và chuẩn bị nội dung cuộc họp

Điều 6. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Điều 7. Cách thức biểu quyết

Điều 8. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Điều 9.Biên bản họp Hội đồng quản trị

Điều 10. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị

PHỤ LỤC IV

QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chương II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

Điều 4. Cách thức đề cử và ứng cử vào vị trí thành viên Ban kiểm soát của cổ đông và nhóm cổ đông.

Điều 5. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Điều 6. Các trường hợp miễn nhiệm, bổ nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

Điều 8. Bổ nhiệm tạm thời thành viên Ban kiểm soát

Điều 9. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

PHỤ LỤC V

QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chương II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 3. Các tiêu chuẩn để lựa chọn cán bộ quản lý

Điều 4. Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý

Điều 5. Ký hợp đồng lao động với cán bộ quản lý.

Điều 6. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm cán bộ quản lý

Điều 7. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm cán bộ quản lý

PHỤ LỤC VI

QUY ĐỊNH VỀ QUI TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chương II: QUY ĐỊNH PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Điều 3. Nguyên tắc làm việc

Điều 4. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT với BKS, Giám đốc điều hành

Điều 5. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Giám đốc điều hành.

Điều 6. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Giám đốc điều hành với HĐQT và BKS

PHỤ LỤC VII

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chương II: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 3. Đánh giá hoạt động

Điều 4. Khen thưởng

Điều 5. Kỷ luật

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này được xây dựng theo luật doanh nghiệp 2014 và Nghị Định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính Phủ.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 34, Điều 6 Luật Chứng khoán.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp.

4. "Công ty": Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng

5. "HĐQT": Hội đồng quản trị

6. "ĐHĐCĐ": Đại hội đồng cổ đông

7. "BKS": Ban kiểm soát

8. "Đại biểu": Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền)

Chương II
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 114, Điều 115 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra cổ đông công ty đại chúng có các quyền sau đây:

a) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

b) Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 4. Trách nhiệm của cổ đông lớn

Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Điều lệ công ty

Điều lệ công ty được ĐHĐCĐ thông qua và không được trái với Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo các quy định sau:

1. Công ty phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định nội bộ của công ty. Công ty đại chúng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Công ty đại chúng phải quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty về thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông;

2. Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm, thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 7 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

3. Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty về việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

4. Hàng năm, công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;

3. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);

4. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);

5. Kết quả giám sát đối với Giám đốc;

6. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;

7. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 8. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của BKS trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

2. Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;

3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;

4. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;

5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Giám đốc và các cổ đông.

Điều 9. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập

Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán phải được mời dự họp ĐHĐCĐ thường niên để phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

Chương III
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành

viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.

Công ty đại chúng phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 114 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của công ty. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức danh Giám đốc.

3. Thành viên Hội đồng quản trị của công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

Điều 12. Thành phần Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên HĐQT là 05 người. Cơ cấu HĐQT cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty.

2. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành. Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành.

3. Công ty đại chúng cần hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty cần đảm bảo tối thiểu 1/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập nếu Đại hội đồng cổ đông xét thấy cần thiết .

Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc hộp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty;

d) Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra Hội đồng quản trị có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;

2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;

3. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;

4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

5. Xem xét Quyết định thành lập, sát nhập các đơn vị trực thuộc công ty trên cơ sở đề nghị của Giám đốc công ty.

6. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

7. Quyết định thành lập các Hội đồng và Ban thuộc thẩm quyền quy định.

Điều 15. Họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hàng năm, Hội đồng quản trị yêu cầu thành viên độc lập (nếu có) có báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 16. Thù lao của Hội đồng quản trị

1. Thù lao của HĐQT được ĐHĐCĐ thông qua hàng năm và được công bố theo quy định.

2. Trường hợp thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của công ty và các đơn vị trực thuộc thì thù lao được công bố phải bao gồm các khoản lương, thưởng gắn với chức danh điều hành và các khoản thù lao khác.

3. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do công ty thanh toán, cấp cho từng thành viên HĐQT được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của công ty.

Điều 17. Quy chế nội bộ về quản trị công ty

1. HĐQT xây dựng và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty không được trái với các nguyên tắc và quy định hiện hành về quản trị Công ty. Quy chế nội bộ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

2. Quy chế nội bộ về quản trị công ty gồm các nội dung sau:

a) Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông *(Phụ lục I đính kèm)*;

b) Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị *(Phụ lục II đính kèm);*

c) Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị *(Phụ lục III đính kèm);*

d) Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Kiểm soát viên *(Phụ lục IV đính kèm);*

e) Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp *(Phụ lục V đính kèm);*

f) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc điều hành *(Phụ lục VI đính kèm)*;

g) Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác *(Phụ lục VII đính kèm)*;

Điều 18. Tiểu ban của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban quản trị trực thuộc

Điều 19. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, HĐQT chỉ định một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

2. Vai trò và nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Công ty bao gồm:

- Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát;

- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- Tham dự các cuộc họp;

- Đảm bảo các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;

- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Đào tạo về quản trị công ty

Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, Người phụ trách quản trị Công ty, tiểu ban quản trị tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.

Chương IV
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 21. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 10 Quy chế này.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty. Cơ chế đề cử của Ban kiểm soát đương nhiệm được công bố rõ ràng và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 22. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) người . Trong Ban kiểm soát có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.

2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Công ty có thể hướng dẫn quy định về hoạt động và thực thi nhiệm vụ của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 24. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

3. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;

4. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

5. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

Điều 25. Thù lao của Ban kiểm soát

Hàng năm các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban kiểm soát. Thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát được ĐHĐCĐ thông qua. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà công ty đã thanh toán, cấp cho từng thành viên Ban kiểm soát được công bố trong Báo cáo thường niên của công ty và cho các cổ đông.

Chương V
NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 26. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 27. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, công ty đại chúng phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

2. Công ty đại chúng áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của công ty.

3. Công ty đại chúng áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty.

Điều 28. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty

1. Công ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.

2. Công ty phải tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

Chương VI
BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 29. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra, công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 30. Công bố thông tin về quản trị công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 06 tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 31. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 28 Quy chế này, thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

2. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc cổ đông lớn.

Chương VII
GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 32. Giám sát

1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện giám sát nội dung liên quan đến quản trị công ty của các công ty đại chúng theo quy định.

2. Công ty đại chúng và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện quy định quản trị công ty quy định.

3. Công ty đại chúng và các tổ chức, cá nhân có liên quan có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hoạt động quản trị công ty của công ty đại chúng và giải trình các sự việc liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Trường hợp công ty đại chúng và các tổ chức, cá nhân có liên quan không tuân thủ quy định tại khoản 3 Điều này bị xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 33. Xử lý vi phạm

Công ty, các tổ chức và cá nhân có liên quan vi phạm hoặc không thực hiện quy chế này tùy theo tính chất, mức độ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Chương VIII
SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 34. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy định này phải được Hội đồng quản trị Công ty xem xét thông qua ĐHĐCĐ và quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Chương IX
NGÀY HIỆU LỰC

Điều 35. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 09 chương 35 điều và 06 Phụ lục, được HĐQT Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng nhất trí thông qua ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc có chữ ký của ít nhất 1/2 tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị./.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Quyết định số ... /QĐ-HĐQT, ngày ... tháng ... năm 2018 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế nội bộ quản trị công ty)

QUY ĐỊNH
VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010

- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017;

- Căn cứ thông tư 95/2017TT- BTC ngày 22/9/2017;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, bao gồm nội dung chính sau:

a) Đại hội đồng cổ đông và Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

b) Trình tự triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

+ Công tác chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông;

+ Thông báo về việc chốt Danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông;

+ Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

+ Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

c) Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;

+ Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

+ Cách thức bỏ phiếu;

+ Cách thức kiểm phiếu, đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;

+ Thông báo kết quả kiểm phiếu;

+ Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông;

+ Thông báo quyết định Đại hội đồng cổ đông ra công chúng;

+ Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác thực hiện, tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

Chương II
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VÀ THẨM QUYỀN TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một phần ba (1/3) số thành viên quy định trong Điều lệ;

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;

e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội

đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 3 Phụ lục này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 3 Phụ lục này;

2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Phụ lục này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Phụ lục này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 3 Phụ lục này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 5. Nhiệm vụ của Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

- Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

- Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

Chương III
TRÌNH TỰ TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 6. Trình tự triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Quy định về việc triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp và thông báo mời họp ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 18 của Điều lệ Công ty, cụ thể trình tự các bước chuẩn bị họp ĐHĐCĐ thường niên như sau:

1. Công tác chuẩn bị họp ĐHĐCĐ

a) Người triệu tập ĐHĐCĐ phải lên chương trình họp, ngày tổ chức ĐHĐCĐ, địa điểm tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, các tài liệu theo quy định và các vấn đề khác phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Các vấn đề đưa vào chương trình ĐHĐCĐ phải phù hợp với thẩm quyền ĐHĐCĐ được quy định tại Điều lệ Công ty.

Các Báo cáo tài liệu cần cung cấp tại ĐHĐCĐ thường niên:

+ Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;

+ Báo cáo của Hội đồng quản trị;

+ Báo cáo của Ban kiểm soát;

+ Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;

+ Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

+ Lựa chọn công ty kiểm toán;

+ Các báo cáo, tờ trình khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ thông quay.

b) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

2. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

Công ty công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu mười (10) ngày làm việc trước ngày chốt danh sách.

3. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

a) Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập khi có quyết định triệu tập và thời gian lập danh sách được qui định tại Điều 5 phụ lục này.

b) Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

a) Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty; tên,

địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp, cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ.

b) Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

c) Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán phải được mời dự họp ĐHĐCĐ thường niên để phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

Chương IV
THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ

Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội *(được đính kèm Thông báo họp ĐHĐCĐ gửi cho cổ đông)*về Công ty.

2. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

+ Đăng ký dự họp

+ Ủy quyền đại diện tham dự đại hội. (*Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được uỷ quyền cho mỗi người đại diện).*

+ Các hình thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp ĐHĐCĐ một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Cổ đông đến tham dự đại hội phải mang theo *Giấy tờ được quy định tại Thông báo họp ĐHĐCĐ* để xác nhận tư cách Đại biểu. Việc đăng ký được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ.

2. Khi tiến hành đăng ký tham dự, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết *(gọi tắt là đại biểu)* thẻ/phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ tên và số phiếu biểu quyết của đại biểu đó.

3. Đại biểu đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho đại biểu đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi đại biểu đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ được tiến hành khi tỷ lệ đại biểu tham dự đáp ứng điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

Điều 10. Chủ toạ, Thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

2. Chủ toạ cử một (01) hay một số người làm thư ký Đại hội lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

3. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Cách thức bỏ phiếu

Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ hoặc bỏ phiếu.

Điều 12. Cách thức kiểm phiếu

Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách đếm (Hoặc thu) thẻ/phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó đếm (Hoặc thu) thẻ/phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 13. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 14. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có đủ các điều kiện sau đây:

a. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

+ Thông qua báo cáo tài chính năm;

+ Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;

+ Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

b. Bầu thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp

c. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

2. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

3. Quyết định hợp lệ của ĐHĐCĐ có hiệu lực thi hành đối với cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

4. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 15. Thẩm quyền và trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề được quy định tại Khoản 2 Điều 104 Luật doanh nghiệp.

2. Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ: Các bước lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản như sau:

a) <u>Chuẩn bị Tài liệu:</u>

HĐQT phải chuẩn bị: Phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định.

Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

+ Mục đích lấy ý kiến;

+ Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

+ Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

+ Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

+ Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

+ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

b) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng Văn bản

Công ty công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu mười (10) ngày trước ngày chốt danh sách.

c) Lập danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng Văn bản

Danh sách cổ đông thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được quy định tại khoản 3 Điều 6 Phụ lục này.

d) Gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông

Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông.

HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

e) Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

Trong trường hợp cổ đông không có ý kiến phản hồi thì được tính là phiếu tán thành.

f) Kiểm phiếu và Lập biên bản kiểm phiếu

- Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

- Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

+ Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

+ Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

+ Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

+ Các quyết định đã được thông qua;

+ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

- Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

g) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51**%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

h) Lưu tài liệu

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 16. Lập Biên bản Đại hội cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của công ty. Biên bản họp phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b) Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chủ tọa và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các quyết định đã được thông qua;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ toạ và thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty

Điều 17.Công bố Quyết định và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông (hoặc Biên bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản) ra công chúng

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

2. Biên bản Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kiểm phiếu (đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản) phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc.

Điều 18. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo Quyết định số ... /QĐ-HĐQT, ngày ... tháng ... năm 2018 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế nội bộ quản trị công ty)

QUY ĐỊNH
VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010

- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017;

- Căn cứ thông tư 95/2017TT- BTC ngày 22/9/2017;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm nội dung chính sau:

a) Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;

b) Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

c) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

f) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên hội đồng quản trị.

2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Phụ lục này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đề cử, ứng cử bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

Chương II
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT

1. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b. Là cổ đông cá nhân hoặc đại diện của cổ đông tổ chức sở hữu hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;

c. Có trình độ đại học trở lên;

d. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có hiểu biết luật pháp;

e. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

2. Số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều 12 Quy chế quản trị Công ty.

Điều 4. Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị của cổ đông, nhóm cổ đông

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên và từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Điều 5. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Điều 6. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo Khoản 1 Điều 3 Phụ lục này;
- Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- Bị bãi nhiệm theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân;

- Cổ đông là tổ chức không cử làm đại diện nữa;
- Công ty bị chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.
- Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

Điều 7. Trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT muốn từ chức hoặc các tổ chức muốn thay đổi người đại diện của mình đang làm thành viên HĐQT của Công ty thì phải có yêu cầu bằng văn bản gửi đến HĐQT. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, HĐQT sẽ họp để xem xét và bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên HĐQT theo qui định tại Điều 8 Phụ lục này.

2. Khi số thành viên của HĐQT ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa (1/3) số thành viên quy định trong Điều lệ thì HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày.

Điều 8. Bổ nhiệm tạm thời thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Trường hợp khi Chủ tịch từ chức hoặc bị bãi miễn Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 9. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC III

(Ban hành kèm theo Quyết định số ... /QĐ-HĐQT, ngày ... tháng ... năm 2018 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế nội bộ quản trị công ty)

QUY ĐỊNH
VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010

- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017;

- Căn cứ thông tư 95/2017TT- BTC ngày 22/9/2017;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị, bao gồm nội dung chính sau:

a) Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp);

b) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;

c) Cách thức biểu quyết;

d) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

e) Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị;

f) Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị.

2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Phụ lục này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức họp Hội đồng quản trị.

Chương II
CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quy định về cuộc họp đầu tiên

Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT của nhiệm kỳ đó.

Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp HĐQT theo nguyên tắc đa số.

Điều 4. Cuộc họp định kỳ và bất thường

1. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

2. Chủ tịch HĐQT triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

a. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người Điều hành Công ty khác;

b. Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;

c. Ban kiểm soát.

d. Thanh viên độc lập HĐQT (Nếu có)

3. Các cuộc họp HĐQT nêu tại Khoản 2 Điều 4 Phụ lục này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 Điều 4 Phụ lục này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

Điều 5. Thông báo và chuẩn bị nội dung cuộc họp

1. HĐQT có thể họp thường kỳ hoặc bất thường, cuộc họp của HĐQT do Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được ủy quyền triệu tập hoặc những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 Điều 4 Phụ lục này có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo họp HĐQT cho các thành viên HĐQT ít nhất năm (05) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQTkhông thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQTđược đăng ký tại Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị; có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

4. Các hình thức họp:

a. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

b. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác *(kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này)* hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

c. Địa điểm họp

Các cuộc họp HĐQT được tiến hành ở những địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí theo đa số (trên 50%) của các thành viên HĐQT.

Điều 6. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) tham dự. Thành viên HĐQT chỉ được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 7. Cách thức biểu quyết

1. Trừ quy định tại Khoản 2 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được uỷ quyền có mặt trực tiếp tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết.

2. Thành viên HĐQT hoặc người đại diện (người được ủy quyền) không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Các thành viên này không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

3. Theo quy định tại Khoản 4 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ toạ cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ toạ liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

4. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 1 Điều 52 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

5. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.Phiếu biểu quyết bằng văn bản theo cách trên có giá trị ngang bằng với phiếu của những người trực tiếp dự họp.

6. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ

Điều 8. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết (trên 50%), bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền; trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tọa cuộc họp là phiếu quyết định.

Điều 9. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, biên bản cuộc họp phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính Công ty, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

c. Thời gian, đại điểm họp;

d. Họ tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ tên các thành viên không dự họp và lý do vắng mặt;

e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f. Tóm tắt ý kiến phát biểu của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g. Kết quả biểu quyết, trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h. Các quyết định đã được thông qua;

i. Họ tên, chữ ký của tất cả các thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền tham gia dự họp.

Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT. Biên bản lập bằng tiếng Việt hoặc có thể lập thêm bằng tiếng Anh, có giá trị pháp lý ngang nhau.

2. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Trường hợp thành viên HĐQT trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do, nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với các vấn đề thảo luận tại cuộc họp coi như không có giá trị;

4. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt hoặc có thể lập thêm bằng tiếng Anh và phải có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên HĐQT tham gia cuộc họp.

5. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi.

Điều 10. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị

Sau khi có Nghị quyết Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC IV

(Ban hành kèm theo Quyết định số ... /QĐ-HĐQT, ngày ... tháng ... năm 2018 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế nội bộ quản trị công ty)

QUY ĐỊNH
VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010

- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017;

- Căn cứ thông tư 95/2017TT- BTC ngày 22/9/2017;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên ban kiểm soát, bao gồm nội dung chính sau:

a) Tiêu chuẩn Kiểm soát viên;

b) Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

c) Cách thức bầu Kiểm soát viên;

d) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên;

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.

2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Phụ lục này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đề cử, ứng cử bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

Chương II
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều 37 Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Số lượng và cơ cấu thành viên BKS thực hiện theo quy định tại Điều 12 Quy chế quản trị Công ty.

Điều 4. Cách thức đề cử và ứng cử vào vị trí thành viên BKS của cổ đông, nhóm cổ đông

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý khác;

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Ban Kiểm soát của Công ty;

g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Điều 5. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát.

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và

cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Điều 6. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát.

Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Bổ nhiệm tạm thời thành viên Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên BKS (Sau khi tham khảo ý kiến với Ban điều hành và HĐQT Công ty) để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được BKS. Nhiệm kỳ của thành viên BKS mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của BKS. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của BKS cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên BKS thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Điều 9. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC V

(Ban hành kèm theo Quyết định số ... /QĐ-HĐQT, ngày ... tháng ... năm 2018 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế nội bộ quản trị công ty)

QUY ĐỊNH
VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010

- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017;

- Căn cứ thông tư 95/2017TT- BTC ngày 22/9/2017;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý, bao gồm nội dung chính sau:

a) Các tiêu chuẩn để lựa chọn cán bộ quản lý;

b) Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý;

c) Ký hợp đồng lao động với cán bộ quản lý;

d) Các trường hợp miễn nhiệm cán bộ quản lý;

e) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý;

2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cán bộ quản lý theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cán bộ quản lý.

Chương II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHON, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆMCÁN BỘ ĐIỀU HÀNH

Điều 3. Các tiêu chuẩn để lựa chọn cán bộ điều hành

1. Tiêu chuẩn của cán bộ điều hành

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy địnhcủa Luật Doanh nghiệp;

- Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, nhiệt tình và có uy tín;

- Có trình độ Đại học.

- Nắm vững nghiệp vụ, chuyên môn lĩnh vực phụ trách;

- Có năng lực quản trị;

- Thời gian bổ nhiệm chức vụ lần đầu tối thiểu phải đảm bảo 01 nhiệm kỳ.

Các tiêu chuẩn riêng cụ thể cho từng vị trí (ngoại trừ Giám đốc) sẽ do Giám đốc đề xuất và HĐQT phê chuẩn.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc

Ngoài những quy định tại Điều 65 Luật Doanh nghiệp và khoản 1 Điều 3 Phụ lục này, Giám đốc còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện dưới đây:

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế về quản trị kinh doanh trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;

- Có trình độ đại học trở lên;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;

- Không phải là thành viên Ban kiểm soát của Công ty;

- Không được đồng thời làm Giám đốc của doanh nghiệp khác.

Tùy theo từng giai đoạn phát triển của Công ty, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc do HĐQT quyết định.

3. Tiêu chuẩn lựa chọn Kế toán trưởng

Ngoài những quy định tại khoản 1 Điều 3 Phụ lục này, Các tiêu chuẩn và điều kiện cho vị trí Kế toán trưởng như sau:

- Không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán quy định tại Điều 51 Luật Kế toán;

- Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ quyền lợi, chính sách, chế độ quản lý tài chính và kinh tế theo quy định của pháp luật và của Công ty;

- Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kế toán từ trình độ đại học trở lên, có thời gian công tác thực tế trong nghề kế toán ít nhất là năm (05) năm và có chứng chỉ bồi dưỡng và cấp chứng chỉ kế toán trưởng đúng theo quy định của pháp luật về kế toán.

Điều 4. Việc bổ nhiệm cán bộ điều hành và quản lý

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc thuê một người khác làm Giám đốc điều hành. Nhiệm kỳ của Giám đốc điều hành là năm

(05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

Các Phó Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định và bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc điều hành.

Giám đốc Công ty sẽ quyết định bổ nhiệm Trưởng, Phó các đơn vị trực thuộc sau khi HĐQT phê chuẩn.

Điều 5. Ký hợp đồng lao động với cán bộ điều hành.

Thẩm quyền ký kết và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động. Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được ủy quyền sẽ ký kết hợp đồng lao động với Giám đốc và các cán bộ điều hành khác.

HĐQT có thể xem xét đưa vào thêm các điều khoản và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc và các cán bộ điều hành khác, nếu xét thấy cần thiết, cụ thể như:

- Chế tài (phạt hoặc bồi thường) áp dụng khi một bên không thực hiện trách nhiệm của mình;
- Những lợi ích và quyền lợi khác;
- Chi phí bồi thường;
- Điều khoản về tính bảo mật trong thời gian trong thời hạn hợp đồng cũng như sau khi cán bộ quản lý rời khỏi Công ty với bất cứ lý do gì;
- Cam kết bảo vệ lợi ích của Công ty và các cổ đông;
- Điều kiện chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn.

Điều 6. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm cán bộ điều hành

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc khi đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế.

1. Giám đốc có thể được Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Có đơn xin từ chức hoặc chấm dứt hợp đồng lao động;

b) Không đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

c) Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;

d) Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;

e) Và các trường hợp khác mà pháp luật cho phép

2. Giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;

b) Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến mức buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;

c) Trong công tác điều hành, có sai sót gây thiệt hại, thất thoát vốn và tài sản của Công ty do thiếu tinh thần trách nhiệm.

d) Và những trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).

3. Các trường hợp cách chức cán bộ Điều hành (Giám đốc) do HĐQT bổ nhiệm được Giám đốc trình Hội đồng quản trị xem xét.

Điều 7.Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm cán bộ quản lý

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc cách chức cán bộ điều hành, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC VI

(Ban hành kèm theo Quyết định số ... /QĐ-HĐQT, ngày ... tháng ... năm 2018 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế nội bộ quản trị công ty)

QUY ĐỊNH
VỀ QUI TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010

- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017;

- Căn cứ thông tư 95/2017TT- BTC ngày 22/9/2017;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc điều hành, bao gồm nội dung chính sau:

a) Nguyên tắc làm việc;

b) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS, Giám đốc điều hành;

c) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT, Giám đốc điều hành;

d) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữaTổng giám đốc điều hành và HĐQT, BKS.

2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc điều hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc điều hành.

Chương II
QUY ĐỊNH PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

VÀ GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Điều 3. Nguyên tắc làm việc

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc và cán bộ quản lý khác phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, phát triển Công ty.

Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.

Điều 4. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT với BKS, Giám đốc điều hành

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản các cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc điều hành được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Phụ lục III Quy chế quản trị Công ty.

1. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS

- Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập cuộc họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với thành viên HĐQT *(thời gian gửi thông báo được qui định tại khoản 1,2 Điều 5 Phụ lục III)*. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

- Các Nghị Quyết của HĐQT được gửi đến BKS trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ký;

- Khi Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong vòng bảy (07) ngày;

- Các nội dung khác cần xin ý kiến của BKS phải được gửii trước ít nhất là bảy (07) ngày và BKS sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày.

2. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Giám đốc

- Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trước ít nhất là bốn mươi lăm (45) ngày.

- Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, cán bộ điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty và gửi cho HĐQT trong vòng hai mươi bốn (24) giờ. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

- Các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế quản trị nội bộ mà được Giám đốc đề xuất *(trừ trường hợp nêu tại khoản 3 Điều 4 Phụ lục III)* phải được HĐQT phản hồi trong vòng bảy (07) ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận.

- HĐQT khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc.

- Các nội dung khác cần ý kiến của Giám đốc phải được gửi trước ít nhất là (07) ngày và Giám đốc sẽ phản hồi trong vòng (07) ngày.

Điều 5. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Giám đốc điều hành.

- Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, BKS có nghĩa vụ nêu rõ lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động Công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc được sự đồng ý của ĐHĐCĐ.

- Các thông tin và tài liệu này bao gồm:

+ Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;

+ Biên bản, Nghị quyết của HĐQT;

+ Báo cáo của Giám đốc;

+ Thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh;

+ Báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính;

+ Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;

+ Những tài liệu liên quan khác.

1. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT: BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

- Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;

- Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị (cùng lúc yêu cầu cả Giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm;

- Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

- Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục

hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS theo quy định này không được gây cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gởi trước ít nhất là bảy (07) ngày và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày.

2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Giám đốc: BKS có chức năng kiểm tra và giám sát

- Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm;

- Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

- Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của Giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Thành viên BKS có quyền yêu cầu Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

- Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gởi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

- Khi có nhu cầu sử dụng tư vấn độc lập bên ngoài, BKS phải thông tin về phạm vi, giá trị và các nội dung trọng yếu khác trong vòng bốn mươi tám (48) giờ kể từ thời điểm xác lập dịch vụ đó.

- Các nội dung khác cần ý kiến của Giám đốc: phải được gởi trước ít nhất là bảy (07) ngày và Giám đốc sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày.

Điều 6. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Giám đốc điều hành với HĐQT và BKS

1. Phối hợp hoạt động giữa Giám đốc và HĐQT: Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

- Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

- Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Giám đốc gửii cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không nhiều hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

- Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được Giám đốc trình để Hội đồng quản trị thông qua;

- Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;

- Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;

- Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty với những người có liên quan tới thành viên theo quy định của pháp luật;

- Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

2. Việc phối hợp hoạt động giữa Giám đốc và BKS: Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với BKS nhằm đảm bảo BKS thực hiện đúng trách nhiệm *và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.*

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC VII

(Ban hành kèm theo Quyết định số ... /QĐ-HĐQT, ngày ... tháng ... năm 2018 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế nội bộ quản trị công ty)

QUY ĐỊNH
VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010

- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017;

- Căn cứ thông tư 95/2017TT- BTC ngày 22/9/2017;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác, bao gồm nội dung chính sau:

a) Đánh giá hoạt động;

e) Khen thưởng;

f) Kỷ luật;

2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác.

Chương II
ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 3. Đánh giá hoạt động

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của cán bộ quản lý với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v….

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT và Giám đốc.

4. Việc đánh giá hoạt động của Thành viên BKS được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS.

5. Việc đánh giá hoạt động của cán bộ quản lý khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của các cán bộ quản lý này.

Điều 4. Khen thưởng

HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh gía hoạt động tại Điều 3 của Phụ lục này.

- Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do HĐQT quy định.

- Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu hoặc các hình thức khác do HĐQT quy định thông qua quy định nội bộ của HĐQT.

- Đối với đối tượng là thành viên HĐQT, thành viên BKS: HĐQT, BKS quyết định trong phạm vi thù lao được ĐHĐCĐ phê chuẩn.

- Đối với đối tượng là cán bộ quản lý: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn khác theo đúng qui định của pháp luật. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, đối với Giám đốc sẽ do HĐQT quyết định, đối với các cán bộ quản lý khác trừ Giám đốc sẽ do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 5. Kỷ luật

- HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

- Thành viên HĐQT, BKS, cán bộ quản lý điều hành không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

- Thành viên HĐQT, BKS, cán bộ quản lý điều hành khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tuỳ theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây

thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG
ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Số: 34/TTr - HĐQT

Cao Bằng, ngày 13 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH
V/v: Đồng ý cho Tổng công ty Khoáng sản - TKV thay mặt Công ty mua than cốc và bán lại nguyên giá cho Công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Căn cứ kế hoạch sản xuất và nhu cầu sử dụng than cốc của Nhà máy Gang thép Cao Bằng trong năm 2018; Số lượng than cốc cần mua để phục vụ sản xuất là **110.000** tấn.

Căn cứ vào năng lực tài chính hiện tại của Công ty CP Gang thép Cao Bằng.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc đồng ý cho Tổng công ty Khoáng sản-TKV thay mặt Công ty mua **110.000** tấn than cốc và bán lại nguyên giá cho Công ty.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Trịnh Văn Tuệ

CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG
ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 35/TTr-HĐQT

Cao Bằng, ngày 13 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH
V/v: Thực hiện Cơ chế quản lý tiêu thụ sản phẩm với Tổng công ty Khoáng sản - TKV

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Căn cứ kế hoạch sản xuất và nhu cầu sử dụng than cốc của Nhà máy Gang thép Cao Bằng trong năm 2018;

Từ khi Nhà máy Gang thép đi vào hoạt động đến nay, Công ty luôn nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ rất lớn từ các Cổ đông của Công ty đặc biệt đối với Cổ đông Tổng công ty Khoáng sản -TKV đã tạo tạo mọi điều kiện, hỗ trợ cho Công ty về các mặt như: hỗ trợ vốn, sử dụng các quỹ thăm dò, quỹ môi trường, quỹ đào tạo, chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, hỗ trợ về nhân lực và kỹ thuật công nghệ,...

Để tiếp tục tranh thủ các nguồn lực trong SXKD, ổn định việc tiêu thụ sản phẩm, tạo điều kiện thuận lợi trong việc chăm sóc và giải quyết chế độ chính sách cho người lao động…, Hội đồng quản trị Công ty xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thực hiện Cơ chế quản lý tiêu thụ sản phẩm với Tổng công ty Khoáng sản - TKV với nội như sau:

Toàn bộ sản phẩm phôi thép của Khu liên hợp gang thép Cao Bằng sản xuất ra sẽ được giao cho Tổng công ty Khoáng sản - TKV tiêu thụ trên cơ sở Điều lệ Công ty và giá thị trường. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch và phương thức tiêu thụ sản phẩm. Thời gian thực hiện cơ chế này là 03 (ba) năm từ 01/6/2018 đến 01/6/2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ủy viên HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Trịnh Văn Tuệ

CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG
ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 36/TTr-GTCB

Cao Bằng, ngày 13 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH
V/v: Đồng ý chủ trương xã hội hóa đầu tư khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa Cao Bằng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Căn cứ Quyết định số 52/QĐ-HĐQT ngày 30/5/2011 của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng, v/v: phê duyệt Dự án đầu tư khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà rụa công suất 350.000tấn/năm;

Căn cứ kế hoạch sản xuất của Nhà máy Gang thép Cao Bằng trong năm 2018 và dự kiến kế hoạch sản xuất năm 2019, năm 2020;

Mỏ sắt Nà Rụa gồm 2 khu tách biệt là khu Nam và khu Bắc. Theo thiết kế khai thác đồng thời cả 2 khu, tuy nhiên do khó khăn trong công tác GPMB và huy động nguồn vốn nên Công ty mới đầu tư khai thác tại Khu Nam để đưa mỏ vào hoạt động kịp thời cung cấp nguyên liệu cho Khu liên hợp gang thép Cao Bằng.

Với trữ lượng còn lại Khu Nam đến 31/3/2018 là: **651.271 tấn** (Trong đó: Trữ lượng địa chất còn lại trong danh giới mỏ **541.271 tấn**, trữ lượng địa chất phần khoan thăm dò bổ sung: 110.000 tấn). Như vậy Khu Nam sẽ kết thúc khai thác vào giữa năm 2019, để đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất của khu liên hợp Gang thép trong những năm tiếp theo cần phải đẩy nhanh tiến độ triển khai công tác GPMB, đầu tư xây dựng khu Tái định cư và xây dựng các hạng mục cần thiết để đưa khu Bắc vào hoạt động sản xuất trong năm 2019. Tuy nhiên, hiện tại Công ty đang gặp rất nhiều khó khăn trong việc huy động nguồn vốn thực hiện đầu tư giai đoạn 2.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, đồng ý về chủ trương xã hội hóa đầu tư khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa Cao Bằng và ủy quyền cho HĐQT Công ty triển khai thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo đúng các quy định hiện hành.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ủy viên HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT..

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Trịnh Văn Tuệ

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG

Số: 37/TTr-GTCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 13 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án tăng vốn điều lệ (tăng thêm 115 tỷ đồng)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Căn cứ vào tiến độ thực hiện Dự án khai thác mỏ sắt Nà Rụa;

Dự án khai thác mỏ sắt Nà Rụa có tổng mức đầu tư: 555,682 tỷ đồng.

Đã thực hiện giai đoạn 1: 212,683 tỷ đồng.

Còn thực hiện tiếp giai đoạn 2: 342,999 tỷ đồng.

Để có nguồn vốn thực hiện đầu tư giai đoạn 2 Dự án khai thác mỏ sắt Nà Rụa Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua phương án tăng vốn điều lệ như sau:

I. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH

1. Sự cần thiết phát hành cổ phiếu tăng vốn năm 2018

1.1. Mục tiêu của việc phát hành cổ phiếu:

- Để đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, hiệu quả trong lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện đầu tư giai đoạn 2 Dự án khai thác mỏ sắt Nà Rụa.
- Đảm bảo cơ cấu tài chính đạt mức an toàn, giảm bớt rủi ro về tài chính do sự lệ thuộc quá nhiều vào nguồn vốn vay ngân hàng và tăng cường khả năng tự chủ về tài chính của Công ty.
- Huy động vốn để đầu tư xây dựng giai đoạn 2 Dự án khai thác mỏ sắt Nà Rụa.
- Nâng cao hình ảnh của Công ty trước các đối tác, bạn hàng, tăng cường vị thế và năng lực cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh.

1.2. Số cổ phiếu cần phát hành thêm:

Nhu cầu về vốn phục vụ đầu tư:

a. Yêu cầu cơ cấu vốn, tài sản đến cuối năm 2018

- Tổng tài sản dự kiến đến 31/12/2018 đạt khoảng 2.600 tỷ đồng.
- Yêu cầu vốn chủ sở hữu phải đảm bảo chiếm trên 20% giá trị tổng tài sản.
- Tổng vốn chủ sở hữu đến 31/12/2018 phải đạt khoảng 545 tỷ đồng.

b. Nhu cầu tăng vốn điều lệ

- Vốn điều lệ tính tại thời điểm 31/12/2017 là 430,06366 tỷ đồng.

- Nhu cầu vốn điều lệ đến hết năm 2018 là 545 tỷ đồng. Số vốn thiếu so với nhu cầu khoảng 115 tỷ đồng bằng 26,7% vốn điều lệ (bằng 545 tỷ - 430,063 tỷ). Vậy cần tăng vốn điều lệ để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh năm 2018 và thực hiện giai đoạn 2 Dự án khai thác mỏ sắt Nà Rụa.

2. Thông tin về đợt phát hành cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu: CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG
- Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu phát hành: 10.000 đ/cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 11.500.000 (mười một triệu năm trăm nghìn) cổ phần.
- Tổng giá trị phát hành (theo mệnh giá): 115.000.000.000 đồng.
- Thời gian dự kiến phát hành: Quý II/2018, thực hiện phát hành ngay sau khi hoàn tất các thủ tục theo quy định và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép phát hành.

3. Giá cổ phiếu phát hành: 10.000 đ/cổ phần.

4. Đối tượng phát hành: Nhà đầu tư là các cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của CTCP Gang thép Cao Bằng tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 5/04/2018, đảm bảo không quá 100 cổ đông. Cụ thể như sau:

TT	Nhà đầu tư	CP đang sở hữu		CP dự kiến mua thêm	
		Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Giá trị CP theo mệnh giá
1	Tổng công ty Khoáng sản - TKV	22.595.420	52,55	6.919.919	69.199.190.000
2	CTCP Xây lắp Điện 1	10.788.226	25,09	3.303.928	33.039.280.000
3	CTCP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	4.166.988	9,69	1.276.153	12.761.530.000
Tổng cộng		**37.550.634**	**87,33**	**11.500.000**	**115.000.000.000**

- Các Nhà đầu tư là cổ đông của công ty được phân phối mua cổ phiếu theo số lượng như trên mà dẫn đến tỷ lệ sở hữu của cổ đông đó vượt quá các mức tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai theo quy định của pháp luật thì các nhà đầu tư/cổ đông trên được mua cổ phần mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định.
- Tỷ lệ cổ phần dự kiến mua thêm trong tổng số 11.500.000 cổ phần phát hành tương ứng với tỷ lệ cổ phần của từng cổ đông/tổng số cổ phần đang sở hữu của 03 cổ đông:
  + *Tổng công ty Khoáng sản - TKV: 22.595.420 CP/37.550.634 CP = 60,17%.*
  + *CTCP Xây lắp Điện 1: 10.788.226 CP/37.550.634 CP = 28,73%.*
  + *CTCP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang: 4.166.988CP/37.550.634 CP = 11,10%.)*

5. Phương thức phát hành và điều kiện chuyển nhượng:

- Phương thức phát hành: Phát hành riêng lẻ.
- Điều kiện chuyển nhượng: Hạn chế chuyển nhượng 01 năm (một) năm kể từ khi hoàn tất và báo cáo kết quả đợt phát hành với UBCK Nhà nước.

6. Các quyền lợi của cổ phiếu phát hành:

Các nhà đầu tư/cổ đông trên sẽ được hưởng toàn bộ các quyền như của cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông (ngoại trừ điều kiện hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ khi kết thúc đợt phát hành).

7. Tổng số cổ phần sau đợt phát hành : 54.506.366 cổ phần.

8. Tổng số vốn điều lệ dự kiến sau phát hành : 545.063.660.000 đồng

9. Phương án xử lý số cổ phần không bán hết:

- Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị toàn quyền phân phối số cổ phiếu mà các nhà đầu tư đăng ký nhưng không mua hết (nếu có). Hội đồng quản trị quyết định giá cổ phiếu, giá cổ phiếu chào bán tiếp có thể thấp hơn giá trị sổ sách của công ty nhưng không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phần. HĐQT được toàn quyền quyết định về điều kiện và đối tượng dự kiến chào bán số cổ phiếu chưa bán hết theo quy định của pháp luật hết mà không cần phải thực hiện lấy ý kiến ĐHĐCĐ.
- Trong trường hợp việc bán tiếp số cổ phiếu do các Nhà đầu tư không mua hết mà không có Nhà đầu tư đăng ký mua thì vốn điều lệ sẽ được chốt lại theo đúng số lượng cổ phần thực tế đã được các nhà đầu tư/cổ đông mua.
- Trường hợp nhà đầu tư được phân phối mua lại cổ phiếu còn dư theo quyết định của Hội đồng quản trị mà dẫn đến tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư đó vượt quá các mức tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai theo quy định của pháp luật thì nhà đầu tư đó được mua cổ phần mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.

II. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN TĂNG THÊM

Theo kế hoạch tăng vốn điều lệ nêu trên, số vốn thu được sẽ là: 115.000.000.000 đồng, kế hoạch sử dụng để đầu tư vào sản xuất và dự án như sau:

STT	Mục đích sử dụng	Số tiền (đồng)
1	Thực hiện giai đoạn 2 Dự án khai thác mỏ Nà Rụa	115.000.000.000
	Tổng cộng	**115.000.000.000**

III. ĐĂNG KÝ LƯU KÝ VÀ GIAO DỊCH BỔ SUNG CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH THÊM

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và giao cho HĐQT thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội toàn bộ số cổ phiếu chào bán thành công sau khi kết thúc đợt chào bán, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

IV. HIỆU QUẢ KINH TẾ CỦA ĐỢT PHÁT HÀNH

1. Đối với Công ty cổ phần gang thép Cao Bằng

- Qua đợt phát hành này vốn điều lệ của Công ty đạt khoảng 545 tỷ, từ đó nâng cao năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường.
- Tỷ lệ vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản dự kiến sau khi thực hiện phương án phát hành tính đến cuối năm 2018 sẽ đạt trên 20% góp phần nâng cao tính hợp lý trong cơ cấu vốn của Công ty, tạo điều kiện cho Công ty thuận lợi hơn trong việc vay vốn tín dụng phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2018 mà vẫn đảm bảo mức vốn chủ sở hữu an toàn.

2. Đối với cổ đông :

Sau khi phát hành cổ phiếu, số lượng cổ phiếu gia tăng thêm sẽ làm tăng tính thanh khoản của cổ phiếu.

Trên đây là nội dung Phương án tăng vốn điều lệ để thực hiện giai đoạn 2 Dự án khai thác mỏ sắt Nà Rụa, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Trịnh Văn Tuệ